

Toàn chân triết luận

Thu Giang - Nguyễn Duy Cần

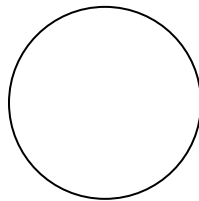
*“Cành bông nở buổi rạng đông, có phải vì muốn khoe sắc đẹp với hương thơm
chăng?”*

Mặc tình khách qua đàng, ai biết thích yêu thì dừng chân mà thưởng thức.

Nó nở, vì không thể không nở đặng”

(N.d.C)

~0~0~0~0~0~0~0~



“... Xưa kia, có một con chim sa trước cửa thành nước Lỗ. Vua Lỗ bắt về nuôi, dạy bày yến đãi nó ăn, thổi nhạc cho nó nghe, Chim ấy không dám ăn, dám uống, sợ quá mà chết.

Đó là dụng cách nuôi mình, mà nuôi chim. Chớ chỉ vua Lỗ dụng cách nuôi chim mà nuôi chim, nghĩa là để cho nó đậu trong rừng sâu, núi lạnh, hoặc ăn rắng lõi bùng, hoặc ăn lúa nơi đồng, thì cuộc kết quả phải khác, lợi mà không hại. Ta nay làm như vua Lỗ ngày xưa. Ta đem cái đức của chân- nhân mà giảng cho Tôn- Huru là một tên thường nhân mê- muội... Bất chuột ngồi xe ngựa, ép chim nghe chuông trống là làm kinh- động mấy con vật nhỏ đó. Ta có lẽ đã làm kinh động Tôn- Huru...” (Trang Tử)

~0~0~0~0~0~0~0~

TỰA

Nói một điều có thể cảm được mà không thể nói ra được, rất khó. Miêu tả một lẽ vô hạn bằng một thứ tiếng hữu hạn như lời nói, câu văn, thì lại càng mâu thuẫn.

Áy vậy, những ví dụ cụ thể lấy theo thực tế hàng ngày, để giúp cho ta hiểu những thuận lý trong quyển nhỏ này, chẳng qua như tấm ảnh rất thô, không nét nào là giống với sự thật, chỉ có để cho ta hội ý mà độ hiểu cái nét hay sắc đẹp của bức tranh thiên nhiên, phong phú của bốn cõi mà thôi.

Độc giả chớ quên lẽ ấy mà lấy cái hình thô thiên vụng về kia làm sự thật, hãy dùng Trực giác mà lĩnh hội, nhiên hậu mới có thể thấu đáo được cái nguyên ý của tác giả.

Có nhiều chỗ nhái đi nhái lại, đó là dụng ý của tác giả. Muốn cho độc giả dễ hiểu, dễ nhớ cần phải dụng phương pháp ấy. Về mặt văn chương thì để tự nhiên, không phọc thúc gì cả, vì rằng còn miễn cưỡng thời sự tự nhiên e sẽ vì đó mà mất đi chẳng? Cốt dùng câu văn giản dị cho mọi người đều có thể đọc mà khỏi phải dụng công tìm kiếm...

Về những chữ dùng, tác giả có mượn năm ba chữ của các tôn giáo học thuyết. Ấy là sự bất đắc dĩ. Vì lẽ, một thứ tiếng mà dùng chung cho ba học phái như Phật, Lão, Nho, thời tránh sao, khi nói, khỏi phải hiểu lầm. Tỉ như chữ Tâm nói ra, thời người học Phật sẽ hiểu cái nghĩa chữ Tâm theo học phái của họ, người học Nho sẽ hiểu theo chữ Tâm theo học phái của họ. Thành ra sự hiểu lầm nhau giữa độc giả và người viết sách, không sao tránh cho khỏi đặng. Sở dĩ tác giả dùng những tiếng mượn ấy là vì những chữ ấy có phần phù hợp theo ý tưởng của tác giả định nói. Song le, vì muốn ngừa sự hiểu lầm đó, tác giả, hoặc tạo chữ mới,

hoặc mượn chữ cũ, mỗi mỗi đều có chú thích và định nghĩa rõ ràng cả. Độc giả hãy chú ý kéo hiểu làm cái nguyên ý tác giả.

Đây chẳng phải quyển sách khảo cứu về Lão giáo hay để phê bình tôn giáo học thuyết nào. Tác giả cũng không phải đem lý thuyết mới nào nói ra. Ấy là những ý riêng của tác giả đối với lễ Đạo, mà tác giả tưởng cho là đúng với lẽ tự nhiên. Trong cách lập ngôn, mới xem qua có kẻ đã bảo rằng tác giả có cái ý công phần rất mạnh bạo, không đặng cái vẻ ôn tồn... Nếu quả có thật vậy, thì không phải lỗi của tác giả. Thiết tưởng rằng, Sáng, Tối có xung đột nhau, chẳng phải tư tâm. Phải, Quấy có xung đột nhau, chẳng phải vì tư ý. Và lại, mùi hương các thứ hoa, có thứ dịu dàng, có thứ gắt gỏng, đó cũng là một lẽ tự nhiên. Tác giả hôm nay, nếu trong lời lẽ có không đặng dịu dàng mà lại lắm khi gắt gỏng, độc giả cũng không lẽ trách tác giả mà không trách cây bông! Tác giả chỉ như con chim ca, như giòng nước chảy, Ca vì ca, chảy vì chảy. Dầu hay dầu dở thế nào, cũng là chỗ sở dĩ đó thôi.

Lại nữa, độc giả hãy xem xét những ý tưởng của tác giả trong quyển sách này một cách vô tư, nghĩa là đừng đem nó so sánh với điều mình đã đọc, đã nghe; vì hễ so sánh thì không bao giờ hiểu đặng cái nguyên ý của tác giả. Nghĩ rằng độc giả cầm đến quyển sách nào, là chủ tâm để tìm hiểu coi cái ý tác giả về vấn đề nào đó ra sao, nhưng nếu đem nó so sánh, thì ra độc giả chỉ có đem hai tư tưởng mà đối chiếu, để chọn lựa cái nào là hợp với thành kiến, với “ tư tưởng sẵn ” của mình. Thế thì bao giờ hiểu đặng cái giá thật của mỗi ý tưởng, vì trong lúc những tư tưởng mới cũ phân tranh thì chỗ thành kiến của ta lại trở nên chỗ “đục” để cho ta “ lui ” vào đó mà “ ẩn trú ”. Nhà triết học H. Bergson có nói: “ Triết luận là một điều rất dễ, nếu ta không đem những thành kiến ta chen ngăn giữa Trí ta và Sự vật ” (NDcan 25/3/1935)

CHƯƠNG THỨ NHỨT

ĐẠO

(Sơ luận về quan niệm Đạo)

Quan niệm về Đạo có nhiều cách, tùy theo trình độ dân tộc, xã hội, mà ra.

Kẻ thì cho Đạo là đấng Hoá Công sanh ra vạn vật; cho Trời là đấng riêng biệt với vật thọ tạo, nghĩa là ở ngoài Vũ trụ.

Kẻ thì cho Đạo ở trong Vạn vật, sung tặc kiên khôn. Đạo tức là cái Hồn chung của Vũ trụ, cái Sự sống chung của Vạn vật. Nó là cái Lý độc nhất vô nhị quán thông cả thời gian, không gian. Lý ấy, cùng vạn vật vẫn là Một. Đạo ấy, chủ nơi thân ta, gọi là Tâm, nên kêu rằng: Đạo là Tâm, Tâm là Đạo.

Hai thuyết ấy, thuyết Hoá công thần chủ và thuyết Vạn vật nhất thể, tuy quan niệm rất phản đối nhau, song cả hai đều bao hàm một ý nghĩa: giải cái lý của Vũ trụ.

Đạo là gì? (Đạo, nói đây là thuộc về quan niệm Vạn vật Nhất thể, là quan niệm mà tác giả đã nhận là phải theo sở kiến của mình. Đây cũng chẳng phải ý soạn giả muốn định nghĩa)

Ấy là cái Lý độc nhất vô nhị, cái linh quang sáng suốt, bất thiên bất biến, sung tặc cả không gian vô hạn và quán thông cả thời gian vô hạn, ta sẽ gọi là Bản thể của Vũ trụ. Vũ trụ là cái hiện tượng của Lý ấy, cũng như sóng là cái hiện tượng của nước vậy. Tuy phân ra mà nói chớ kỳ thật là Một.

Phật giáo gọi là: Chân Như Vạn Pháp.

Lão giáo gọi là: Đạo Đức.

Triết học gọi là: Tuyệt đối, Tương đối.

Vũ trụ mới xem qua dường thiên hình vạn trạng rất sai biệt, nhưng kỳ thật đồng như một lý.

Phật giáo có câu: “Chân Như giả chi Vũ trụ chi bản thể, nãi bất sanh, bất diệt, bất tăng, bất giảm, vô thi cô chung. Vũ trụ chi hiện tượng hữu sanh diệt, hữu tăng giảm, hữu thi chung, vị chi Vạn pháp. Vạn pháp tức Chân Như... Chân Như tức Vạn pháp. (Chân Như là bản thể của Vũ trụ thì không sanh không mất, không tăng không giảm, không thi không chung. Vũ trụ là hiện tượng của Chân Như thì có sanh có tử, có tăng có giảm, có thi có chung, nên kêu là Vạn pháp... Vạn pháp là Chân Như, Chân Như là Vạn pháp)

Trời đất đều do Đạo mà ra, ta có thể cảm giác được mà không thể thấy đặng, có thể hiểu biết được mà không thể nói ra được. Nói ra đặng, không còn phải là Đạo nữa, vì Đạo là vô cùng, vô tận, vô lượng, vô biên; làm sao định nghĩa cho đặng? Ta chỉ mượn một tiếng nào đó để chỉ danh. Đã là một lẽ Tuyệt đối thì muốn cảm lấy chỉ phải dùng đến Trực giác mà thôi.

Đạo thì tự bản, tự căn, không cần đâu sanh ra. Rộng ra bao nhiêu. Đạo cũng bao trùm, mà thu nhỏ lại bao nhiêu. Đạo cũng ở trong.

Một nhà triết học ngày nay có nói: “Chân lý, tỉ như lò lửa đỏ, trong ấy tỏa ra, như pháo nổ, văng ra biết bao nhiêu đốm lửa... mà mỗi đốm ấy, là Ta”

Ta, là một điểm linh quang của Đạo.

Linh quang ấy tuy đã thấy có chia ra phần tử, song nó vẫn sung mãn như một toàn thể hoàn toàn.

CHƯƠNG THỨ HAI

TÂM

(Quan niệm về con người)

“ Tại Thiên vi Mạng,

Tại Sự vi Lý,

Tại Nhơn vi Tánh,

Chủ ư Thân vi Tâm,

Kỳ thật nhưt dã”

Đạo, tức là sự sống chung của Vũ trụ, với Tâm ta, thì đồng một lý. Dầu trong hạt cát, trong lá cây, hay trong con người cũng đều có Đạo. Thử xem luồng Điện khí, đâu đâu cũng là một, hễ ứng thân vào điện phiến thì chuyển thành gió mát, ứng thân vào điện đặng thì hiện ra nóng và sáng,..Tuy thế, nguyên lai vẫn là Điện khí.

Tâm con người như ngọn điện đặng tùy theo cơ thể mà ứng hiện cái Đạo...Ngọn đèn lu, vì bóng lu, ngọn đèn tối vì bóng tối, ngọn đèn sáng vì bóng sáng. Lu, tối, sáng là cái tính chất của cơ thể, chớ chẳng phải Điện khí có những tánh ấy.

Đạo thì tự bản tự căn, vô hình vô thức, nên không có tính cách chỉ riêng; cho nên Đạo ở ngoài cái Tốt, cái Xấu, cái Hay, cái Dở, cái Phải, cái Quấy, nghĩa là Tuyệt đối. Đạo vẫn là cái Thể, mà cũng vừa là cái tướng.

Vì lẽ Tâm ta đồng lý với Đạo, muốn tầm Chân lý, cần chi ta phải kiếm quanh quần đâu xa. Đạo nơi ta đây...

~~*~*~*~*~*~*~*

BẢN NGÃ

Tâm, đồng lý với Đạo nên không khác nhau, dẫu tiếng gọi có khác nhau. Đến lúc hiện vào bản thân ta, cái Tâm bắt đầu lúc ấy, tách ra với cái Tâm của Đại Toàn thể, lại tưởng mình là riêng biệt (Bản ngã). Tỉ như ta có nhiều món, để đựng nước...những món ấy có hình, hoặc dài, hoặc tròn, hoặc vuông... Cơ thể ta đây cũng thế. Đạo tỉ như nước không có hình thể. Nếu lấy nước mà đổ vào mấy món ấy thì, nước sẽ có hình, hoặc tròn, hoặc dài, hoặc vuông... Khi nước chưa đổ vào mấy món ấy ta gọi nó là Đạo; nước đổ vào mấy món ấy rồi gọi nó là Tâm. Tuy ống thẳng bầu tròn hình thể có khác nhau, chớ vật chứa trong cũng đồng một thể tánh. Lúc ấy, bị riêng phân với nhau, rồi bị hình thức chi phối nước đựng trong những món ấy quên phứt cái bản căn mình, rồi tự tưởng là riêng biệt với nhau, tự

xung là Ta. Quan niệm Bản ngã sanh ra bắt đầu lúc ấy... Cái Tâm dần dần lu lờ, quên bản căn... xa lìa với Đạo vậy.

Cái tư tâm- thường gọi là Bản ngã, do nơi cái lầm rằng Ta là khác và riêng với Vạn vật chung quanh. Cái ảo tưởng ấy làm cho lu lờ cái Tâm ta, và làm cho nó dường như bị nhốt chặt trong cái cốc khô vô cứng của Bản ngã, nghĩa là nó làm cho mất cái dây tương khí buộc chặt Ta vào Đại Toàn thể.

Cái Tâm ta là một lẽ vô cùng vô tận, mà nhốt chặt vào một cái tâm lý hạn định là Bản ngã, rất bản chặt, bực bội lắm! Cái khổ vì đó mà sanh ra.

Muốn đặng Toàn Phúc thì phải giải thoát cái Tâm ta ra khỏi cái điều mê lầm ấy. Hết tâm giải thoát rồi, thì nó sẽ thấu lý Đạo một cách tự nhiên, vì nó là Đạo, Đạo là nó.” Ngày kia, tôi mộng du, thấy đi cùng với em tôi trên một con đường nhỏ rất hẹp; trong khoảng dạo chơi ấy, tôi có ý xem cái bóng của tôi sao lại đậm hơn bóng của em tôi nhiều. Tôi suy nghĩ tìm kiếm cái lý ấy coi tại đâu; tôi hiểu được rằng cái tư tâm của tôi nó thâm sâu hơn của em tôi (nghĩa là tôi hữu tâm hơn em tôi trong chỗ cái Ta khác với Vũ trụ vậy). Cũng như lúc tôi dòm qua hai tấm kiến, một tấm thì sậm hơn tấm kia mà tấm sậm hơn là tôi. Tôi mới ước cho hai bóng đồng một màu (bóng em tôi và tôi). Thật vậy, trong giây phút thì hết còn phân biệt được hai bóng nữa. Lúc ấy tôi cùng em tôi trở lại làm một.

“Tôi cũng cứ mộng du như trước nữa, mơ thấy tôi đang nằm trên bãi cỏ xanh, ngắm xem một cọng cỏ đang mọc... Chúng ta đều biết rằng: cỏ dưới đất mọc lên, trước hết có một cọng; cọng ấy lớn, cao lên, liền tách ra làm hai, hai làm ba lạng... Tôi cảm thấy rằng, tôi là cọng cỏ ấy trước khi tách ra đó. Lúc ấy tôi thấy được sự sống của toàn bộ cây ấy chuyển vận từ dưới đất phồng lên... rồi biến chuyển thành ra các lạng, lá tược... kể đó tôi thấy vụt trong mỗi cọng lá, cây đó, đều là tôi cả.. Tôi sực tỉnh dậy, rất cảm kích, mới tự nói với tôi rằng: “Từ đây, tôi chỉ ao ước có một điều là được không biết mình riêng biệt với Vũ trụ, tôi sẽ mất hẳn cái quan niệm rằng tôi là một sự sống riêng không liên lạc gì với vạn vật nữa. Với quan niệm mới này, tôi sẽ quên đặng cái tư tâm của tôi, và được hỗn hợp vào Đại Toàn thể, tức là trở lại làm một cùng vạn vật, cùng cỏ cây, cùng thú vật và nhân loại. Thế ấy, tôi mới được cận với Đạo tức là cận với cái Tận Thiện, Tận Mỹ. Bởi cái Bản ngã tư riêng đây, cái Ta hạn định, hẹp hòi đây, cái riêng biệt của tư tâm đây, nó làm cho trở ngại sự hành vi ta trên con đường Tận Thiện vậy...” Ấy là đại ý của lời một nhà hiền triết Ấn độ ngày nay,

Krishnamurti, đã nói trong cuốn *Le Royaume du Bonheur*. Lời ấy có thể giúp cho ta thấy cái lý của bản ngã và Chân Thể một cách dễ dàng hơn.

~o~o~o~o~o~o~o~

CHƯƠNG THỨ BA

VŨ TRỤ

(Quan niệm về Vạn vật)

“ Vũ trụ tiện thị ngô tâm

Ngô tâm tiện thị Vũ trụ”

(*Lục Cửu Uyên*)

Vạn vật cùng ta là Một, vẫn có cái dây liên khí buộc chặt lấy nhau. Giờ mà ta tách ra lấy mình làm một vật riêng biệt, khác hẳn với Vũ trụ, ta như cành cây gãy, như lá cây rơi, như đoá hoa rụng, lìa cội vậy... Có khác nào con sông kia đang thông thương cùng Đại Hải mà bị lấp vằm, không còn đặng cùng sống với cái Chung của Đại Hải nữa...

Thật thế, chúng ta ngày nay, trong xã hội văn minh này, vẫn là con người mất cội, đang tìm kiếm cái dây tương khí ta đã làm đoạn lìa rồi đó...

Đời ta, nói thật ra, vẫn là một cái đời tư phân làm hai phần rất hệ trọng: một cõi đời vật chất và một cõi đời linh thiêng. Tóm lại, ta tự nhận chắc chắn rằng, có một cõi tinh thần tâm lý bề trong (tức Tâm ta), và một cõi đời vật chất rờ rẫm được bề ngoài ở chung quanh ta tức vạn vật trong vũ trụ. Vĩ lẽ ấy mà cổ kim triết học chỉ vẫn xây chung quanh hai quan niệm ấy.

Tâm ta là một cõi riêng biệt, khác hẳn với vạn vật hữu hình chung quanh ta, ấy là điều thứ nhất, mà ai ai cũng đều công nhận. Nhưng nếu có ai bảo ta rằng cái quan niệm ấy sai với sự thật, thì ta sẽ lấy làm bối rối và có khi bất bình lắm. Vì sao? Vì lẽ, từ thừa nhỏ đến lúc có trí khôn, trót đời, ta vẫn thấy ai ai cũng đều cho cái vật ta nắm trong tay, đập dưới cẳng, đụng thân mình ta đây, là không phải ta..thì làm sao đồng lý với ta cho đặng? Vì sao nữa? Vì lẽ, ta thường thấy thường nghe, nên không thể để ý hoài nghi đặng. Làm sao hoài nghi một điều mà ta thường nghe, thường thấy, thường cho là một sự tự nhiên? Bởi có ấy mà ta không quan tâm gì đến nó nữa cả, nên không thể hoài nghi được. Thói quen, là cái lẽ làm cho ta không để

ý suy xét về những việc hằng ngày trong đời ta. Nên chỉ cũng vì thói quen mà làm cho ta không để ý hoài nghi rằng ta và Vũ trụ là đồng lý, hay là khác biệt với nhau.

Phải biết rằng, chẳng cần truy tầm lẽ huyền bí chi xa, nó vẫn ở bên ta, nơi ta đây, và cũng bởi thói quen nên ta cho nó là thường, không quan tâm gì đến nó nữa, cam chịu sống mê trong giấc mộng của ta...

Cái bước đầu hết trong con đường Triết học là sự Hoài nghi. Phải khởi hoài nghi và suy hỏi những điều ta thường thấy, thường nghe, nhứt là những điều cận ta và thường xảy ra hằng ngày, hoặc trong tâm lý của ta đây. Chớ để cho thói quen làm cho ta xem thường những lẽ mâu nhiệm ấy.

Cái Bản ngã của ta là giả; vạn vật chung quanh ta là ảo huyền. Hai lẽ ấy, thật làm cho ta bối rối và hoài nghi lắm. Song le, có mấy ai chịu để ý quan sát suy nghĩ chẳng? Trước một việc lạ, thường con người nhu nhược có hai cử chỉ để đối tiếp; một là tin theo liền mà không để chút ý lừa lọc cả; hai là sẽ trề môi khinh thị và bỏ qua, viện lẽ rằng dị đoan hay vô lý... Ấy là những cử chỉ khoẻ cho người nhu nhược... Kẻ tìm Chân lý, chớ bắt chước như thế, hãy biết tin, và hoài nghi, để mà suy xét cho kỹ cùng. Lại nữa vì có thường thấy, thường nghe, nên cái lẽ mâu nhiệm ta lại bỏ qua, không quan thiết gì đến nó nữa. Những tâm chỉ biếng nhác, những cử chỉ nhu nhược ấy, làm cho ta không bao giờ hiểu được lý thật của mọi vật.

Theo khoa học ngày nay, lấy theo quan niệm Vật chất hợp nhất (unité de la matiere) thì vạn vật chung quanh ta đây là những cách hợp tuyến của muôn vàn nguyên tố (atome). Như đá, sắt, cây... chẳng qua là một cách sắp đặt riêng theo toán số của nhiều nguyên tố hợp lại; mà mỗi một hạt nguyên tố chẳng qua là một cái luồng âm điện (électron) tiếp xây chung quanh một hạt dương điện (proton). Thế thì cái xác thân ta đây, những ngoại vật chung quanh ta đây, nghĩa là cái cõi đời vật chất hữu hình đây, chẳng qua là một cách sắp đặt riêng của những luồng lưu động của âm điện thôi. Lại nữa, những hạt dương điện và âm điện ấy không khít với nhau, mà lại rất phân xa nhau, như hành tinh xây chuyển chung quanh mặt trời vậy; cho nên ta có thể gọi rằng hai hạt nguyên tố không bao giờ dính nhau đặng. Thì ra ta đứng đây trên đất bằng cũng vị tất là chân liền đất, mà ta ngồi dựa trên ghế đây vị tất thân ta liền với mặt ghế... Ấy là một điều thường sự, ai là người có học, khi đọc qua những bộ sách khoa học ngày nay đó, đều hiểu biết, nhưng không mấy ai quan tâm đến vì không mấy ai chịu suy nghĩ đến một việc lạ và mới ấy. Điều ấy, tuy rất quan hệ cho nhân sinh nhiều lắm, nhưng bởi thói quen, vì nhu nhược mà rồi họ cũng bỏ qua, coi như không có điều chi lạ.

Bấy nhiêu đó chỉ cho ta biết rằng, có cần phải đến non cao rừng thẳm mà tìm Đạo đâu. Cái lẽ huyền vi u uẩn chỉ ở bên ta và nơi ta đây, chỉ vì bị thói quen mà ta bỏ qua. Huống chi cái tâm ta, nó là một bầu huyền cơ bí ẩn vô cùng... Tâm là Đạo, mà Đạo thì vô biên, vô lượng... Tâm ta cũng vô cùng, vô tận, cũng huyền vi siêu việt. Biết Ta và biết Đạo.

Vạn vật chung quanh ta có, hay không có? Ta không thể hoài nghi rằng: thầy là ảo huyền. Nhưng, lấy tận lý mà xét, thì Vạn vật không có thật. Vạn vật sở dĩ có đây là đối với cái Tâm của ta. Phật giáo có câu: “Thật đại thừa, phi hữu phi không, diệt hữu diệt không..”(Theo Đại Thừa, thì cho vạn vật, là chẳng có, chẳng không, mà cũng có cũng không)

Hiểu dạng cái lý *Phi hữu Phi không, Diệt hữu Diệt không* là hiểu dạng cái lý thật của Vũ trụ vậy. Ta thử lấy theo khoa học ngày nay mà giải cái lý ấy. Chúng ta đều dư biết rằng vạn vật trong Vũ trụ chẳng qua là những cách lãn động riêng (vibrations). Ngũ quan ta có thể hưởng ứng dạng với một số nhiều trong những cách rung động riêng ấy (modes de vibrations particulieres) trong không khí, như màu sắc, âm thanh... Tỉ như lỗ tai ta có thể nghe dạng tiếng từ khoảng 16 lần rung động cho tới số 32.768 trong giây đồng hồ. Con mắt ta thấy ánh sáng dạng trong một khoảng rung động hạn định mà thôi. Ngoài ra những con số ấy, tai ta hết nghe dạng, và mắt ta hết thấy dạng. Sức hưởng ứng của giác quan ta vẫn có ngần ấy thôi.

Bây giờ ta thử tưởng tượng mỗi giống vật không có những giác quan như ta, lại có thứ giác quan khác, có thể thấy dạng những cách rung động riêng khác hơn ta, hoặc nhiều, hoặc ít hơn ta, nghĩa là nó có thể hưởng ứng hay không hưởng ứng hay là cảm giác những cách rung động mà ta không thể thính giác dạng... Chỗ ta thấy là hình chất, nó thấy rộng là những luồng linh khí mà thôi, - chỗ ta gọi là màu sắc đẹp, nó không thấy chi ráo... Cái quan niệm vũ trụ của giống vật ấy với của ta, khác nhau là dường nào! Chỗ ta gọi có, nó gọi không. chỗ ta gọi không, nó gọi có. Nếu ta có thể giao tiếp, và trao đổi ý kiến với giống vật ấy, thì nó sẽ nói với ta rằng, cái cõi đời của nó thấy đó là thật Có, còn chỗ ta gọi là có, nó không thấy, không thể gọi là có cho dạng. Còn ta, ta sẽ cãi lại rằng, cái cõi đời ta thấy đây, ta sờ rẫm được đây, như nhà cửa, cây cối, núi non... là Có, không thể gọi không cho dạng.. “ Có”, “ Không”, - kỳ thực là sự thấy riêng của từng loại.

Nói thế, thì vạn vật đây là không có thật sao?, nếu ta muốn ra Hà Nội mà cứ miệt nằm đi xuống hoài, thì có thấy Hà Nội chẳng? Nếu ta bỏ ăn vài ba bữa mà không biết đói, chừng

ấy sẽ gọi vật chất là không có thật. Bởi thế, nói rằng Vạn vật là không có thì không trúng, mà nói có cũng không trúng... Sự thực hiện của Vũ trụ vẫn tương quan.

Vạn vật có thật là đối với cái giác quan của ta, còn không, là đối với sự thấy riêng của giống vật khác giác quan với ta đó.

Ấy vậy, vạn vật có, là đối với cái tâm ta; vạn vật và tâm là Một, tương ứng tương cảm rất mật thiết. Nếu bỏ cái tâm ta ra thì vạn vật tất là có thật, - có thật một cách tuyệt đối, tự bản, tự căn vậy. Đối với ta nó là có; mà tự nó, nó không có. Đó là cái nghĩa có mà không, không mà có (Le monde n'existe pas en tant que soil mais existe par rapport aux consciences qui le per coivent. – Đây cũng là một nghĩa trong nhiều nghĩa của Phi Hữu Phi Không của Phật giáo.)

Những tánh của vạn vật ta thấy đây, như nặng nhẹ, màu sắc, âm hưởng, thời gian, không gian... có cái giả thật của nó là khi đối với cái tâm (tâm đây là cái tánh biết, chớ lầm với cái Tâm, viết bằng chữ hoa- là cái tiếng chỉ danh của Chân thể) của con người tương ứng, tương cảm với nó đó. Nếu phân cái tâm ra với vạn vật, thì những tính cách ấy, tự nó không còn nghĩa lý gì là thật cả.

Cho nên, ngày mà ta tách phân cũng Vũ trụ làm một vật riêng biệt, ngày ấy ta khởi lần xa Đạo, nghĩa là không còn thấy đặng cái chân tướng của vạn vật nữa (Đây là nói về mặt tâm lý; những ví dụ trên kia chẳng qua để giúp cho ta hội ý mà thôi, chớ chẳng phải nói kẻ giải thoát rồi, sẽ thấy Vạn vật về mặt hình thể khác hẳn với sự thấy của kẻ thường nhân. Chỉ có cái tâm lý đối với vạn vật là khác mà thôi. Lúc còn sống trong bản ngã, cảnh đời đối với ta như một trường chiến đấu, tử, sanh, khổ sở... Tâm ta giải thoát rồi, đời sẽ đối với ta như một chỗ toại sinh của vạn vật ... Còn sống trong tư tâm, ta sẽ thấy vạn vật có đây, là vì một tôn chỉ hay một tư ý chi chi của Hoá công. Sống trong Chân tính, ta sẽ thấy vạn vật có đây, là vì có, một cách vô vi trầm tĩnh... Cũng một sự xem, mà chỗ thấy lại khác nhau dường nào! Nhà văn sĩ Lameanais có nói: “ Devant un spectacle, tout le monde regarde ce que je regarde, mais personne ne voite ce que je vois” - Đứng trước một cảnh tượng nào, ai ai cũng xem như tôi xem, nhưng không ai thấy cái chỗ tôi thấy.

Xem bài “ Kia thử xem hoa xuân phong thủy..” trong quyển Trường Lạc Ca, trang 20, và bài chú giải trong quyển “ Trường Lạc Yếu Luận”)

Những ai có đọc sách Theosophie moderne, đều biết rằng cái cảnh vật trong cõi thể giải vật chất này (monde physique), những sự Cứng, Mềm, Nặng, Nhẹ, không còn chi gọi là thật nữa đối với kẻ đã thoát xác. Cõi tính linh (plan astral) tự nó không có thật, nhưng đối với kẻ sống trong tính linh thể (corp astral) thì cõi ấy là Có, mà đối với kẻ sống trong xác thịt (corps physique) không thể gọi là Có đặng.

Trang Tử có thuật câu chuyện, một ông nhà giàu kia, ban ngày là một vị phú ông “nhút hô bá ứng”, ban đêm ngủ thấy mình làm một tên đầy tớ hết sức cực khổ. Còn anh đầy tớ của ông ấy, ban ngày là người tôi mọi vất vả, ban đêm thấy mình làm một vị phú ông “nhút hô bá ứng”. Đời người chỉ có ngày với đêm mà thôi. Như người hầu nói trên đây, phân nửa đời “*suróng*”, phân nửa đời “*khổ*”. Thời ai hơn ai? Ai dám nói rằng: cảnh nào là thật, cảnh nào là giả?

Cảnh nào cũng thật, đối với lúc sống hiện tại đó. Ta không thể nói rằng cảnh trong giấc mộng là giả, cảnh ta sống lúc ban ngày đây là thật. Thế thường, cho cảnh thức dậy là thật, mà cảnh ngủ là ảo huyền, đều ấy cũng vị tất....

~o~o~o~o~o~o~o~

Cho nên, khi Trang Tử, mộng thấy mình hoá Hồ Điệp. Tỉnh dậy nói: “Hồ Điệp là Trang Sinh, hay Trang Sinh hoá Hồ Điệp”. Hai quang cảnh ấy, chẳng qua là hai cuộc đời không thật, của một vật có một, không cõi nào, không cảnh nào tự có thật cả. Trang Châu không chấp mình vào cảnh nào. Sống phải vào cảnh nào, thì cứ thuận biến theo cảnh ấy, rồi thôi. Ngài lại nói: “Ví như cánh tay ta bên này thành cây cung, cánh tay bên kia thành con chim, thì cây cung này bắn con chim kia mà ăn... Ngài lấy cái sống của Ngài bây giờ làm **một** cùng cái Sống Chung của Vũ Trụ rồi, thì tha hồ... có ở vào địa vị nào, Ngài cũng an vui với cái tự tánh của Ngài vậy.

Ta vì quá cố chấp trong một cái *có* hay một cái *không* mà phải vất vả khổ sở, cũng tại ta sống trong cái sống tự mà chưa thấy đặng cái chỗ nhút quán của cái Sống Chung Vạn Vật. Cho nên mới nói rằng: “... những cảnh ngộ liên tiếp theo, đều là cuộc đắp đổi mà thôi, hết thảy là một. Duy có bực đạt nhơn mới thông hiểu chỗ một đó. Ta chớ lo phân chia ra mà phải xem xét hết trong chỗ độc nhất của Đạo. Đừng cãi cọ đặng tranh hơn ai hết, mà phải dùng cái chức của người nuôi khí. Người này nói với khí: Ban mai tao cho bây ba củ khoai, ban chiều bốn củ. Khí đều giận. Người đó lại nói: Vậy thì mai bốn, chiều ba. Khí đều mừng. Số cho không thêm bớt, mà đặng hoà. Ấy nên Thánh nhân cũng làm như thế. Vì cái lợi của sự

hoà mà Thánh nhân nói thị hoặc nói phi, rồi đứng yên trong bánh xe tạo hoá, để mặc tình nó xây hướng nào cũng phải.

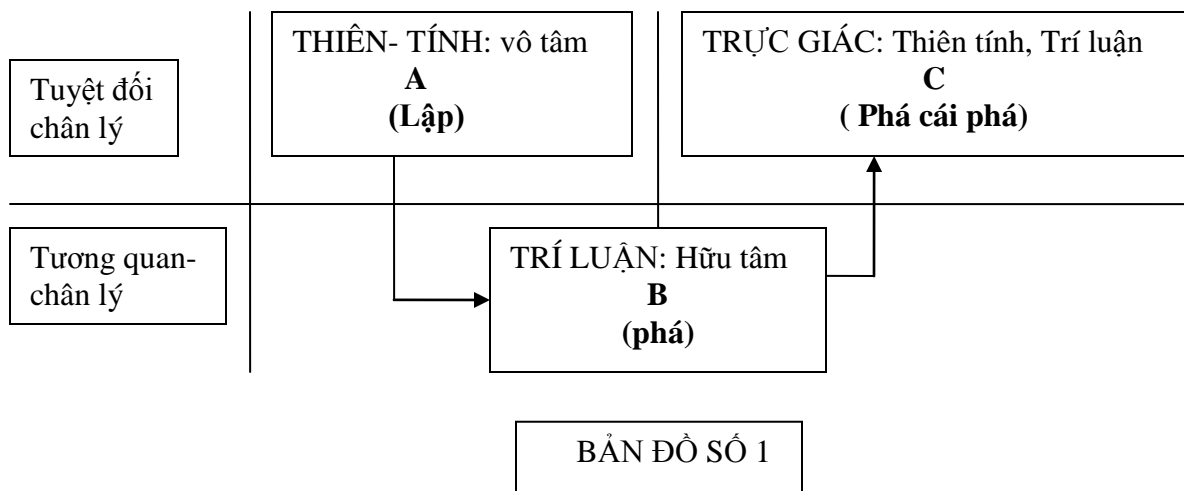
CHƯƠNG THỨ TƯ

BẢN NGÃ VÀ CHÂN TÍNH

(Hữu ngã và Vô ngã)

Tâm của ta là cái trung điểm do đẩy mà Đạo phát triển ra được.

Ngày mà ta đem cái tâm ta ra làm một vật riêng, ta tách, ta tách với cái Sống chung của Vũ trụ. Ta làm cho mất cái Thiên tính (instinct), tức là sự hiểu biết một cách tự nhiên của ta. Cái thiên tính ấy, khi ở cùng vạn vật như thảo mộc, thú cầm... thì vô tâm; khi nó về cùng người thì nó bị phá mất cái bản căn thành ra Trí luận; đến khi về cùng người trí huệ thì thành ra Trực giác rất mẫn nhuệ. Sự hiểu biết ấy rất lạnh lẽ, đạt suốt cái lý của sự vật một cách tự nhiên quán triệt.(1) Xem chương bản ngã biện chứng



Krishnamurti nói: “Cây cỏ thì toàn thiện mà vô tâm trong cái toàn thiện ấy, con người thì bất toàn mà hữu tâm trong cái bất toàn ấy”. Mới nghe qua thật là khó hiểu lắm, nhưng thử xem cành bông kia, nó không tư tâm, chỉ nở ra một cách tự nhiên. Nó không vì người khen mà nở; hoặc người chê mà không nở. Nó không vì có người biết mới khoe sắc đẹp, hương thơm. Nó mọc vì mọc; nó nở vì nở, thơm vì thơm... ấy là cái tính tự nhiên của nó.

Dầu phải mọc nơi hang cùng non thẳm, nó cũng cứ nở, cứ thơm... Nó làm như vậy, ví nó không thể không làm như vậy cho được. Hành động ấy, gọi là hành động vô vi như giá tuyết thì lạnh, lửa thanh thì nóng. Nó tự túc, tự mãn, thật là toàn thiện, nhưng vẫn không hay rằng mình toàn thiện. Người tri huệ hành động vô vi, cũng tự túc, tự mãn nhưng hữu tâm trong cái toàn thiện của mình. Cái hữu tâm ấy, tuy thấy là Có mà thật Không vì nó đã thuận với Đạo rồi vậy.

Sao gọi là tự túc? Bởi nó không vì một tôn chỉ chi, hoặc một cố chi hay một tư ý chi mà làm. Nó không vì hoàn cảnh, không vì dư luận, không vì bản phận, không vì đạo lý nhân, nghĩa chi mà hành động, nên nó đủ (Porter en son cocur le fardeau d'être incomplet; e'est cela la douleur.- mang nơi lòng cái đềm Bất túc, đó là khổ -Krishnamurti), mà ta thiếu (con người mà ly tâm ra đây, là một đềm cần thiết của sự luân chuyển để về sau đặc đặng cái hữu tâm. Con người sở dĩ hơn con thú là chỗ hữu tâm đó. Nhưng đừng lầm rằng con người toàn thiện hơn con thú. Xem chương Bản ngã biện chứng trong quyển này.)

Người cổ lỗ như đứa trẻ thơ, chưa có tư tâm nên Vạn vật cùng tâm họ còn liên ứng với nhau rất mật thiết. Nói thế chẳng phải gọi họ là toàn thiện đặng, họ chỉ vì chưa có tư tâm nên còn giữ cái tính bản nhiên. Sự họ thấy, đềm họ cảm, chỉ thấy hay cảm một cách vô tâm, vô ý, cũng như trong giấc mộng mơ màng. Bởi họ vô tâm (inconscient), cái tâm họ mới còn tương ứng, tương cảm với Vạn vật, thiên tính họ nhờ đó còn linh hoạt được một cách tự nhiên.

Bởi vậy, khi nói về thiên tính của cổ nhân (homme primitif) và cái quan niệm của họ về Vạn vật, ta chỉ muốn nói về phương diện siêu hình hay là triết lý thôi. Theo quan niệm ấy, họ cho rằng Vạn vật, vật mà ta gọi vô tri vô giác, đềm có sự sống như họ..Thấy đềm có sự sống, họ bắt phân vật nào là vật chất, vật nào là linh khí; sao là tinh thần, sao là hình thể. Với họ, cõi đời thiêng liêng cũng như cõi đời vật chất. Họ không phân biệt, chia phân vũ trụ, không gọi chi là thiện, là ác, hữu thần, vô thần... Vạn vật chung quanh họ cả thấy là Một, không vật nào là vô tri không vật nào là vô giác.

Cái thiên tính của họ, rất linh hoạt, không cần trí luận mà biết, biết một cách lanh lẹ, tự nhiên.

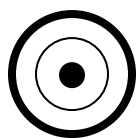
Con người văn minh ngày nay, trái lại vì đã làm mất cái thiên tính bản nhiên của mình, nên muốn tìm lại con đường mình đã mất dấu, phải tính toán trù, nghĩ lắm công phu.

Cái thiên tính của con người cổ lỗ, làm cho họ biết và cảm giác đặng một cách lạ lùng tự nhiên như vậy là nhờ Vạn vật với họ còn cái giây liên khí, tương cảm với nhau. Thiên tính ấy, thường ta gọi là Xích tử chỉ tâm (xem bài “nơi bãi thế..” quyển Trường Lạc Ca), bởi con trẻ thường chưa có tư tâm. Người cổ lỗ, không xưng *tôi*

Cái ý niệm *Bản ngã* (moi sépere) phát lộ ra trong lịch sử của đời người rất muộn. Dầu trên lịch sử của nhân loại cũng thế. Trong xã hội cổ, con người sống chẳng vì cá nhân, mà vì đoàn thể xã hội, gia tộc mà thôi. Họ là gia tộc, gia tộc là họ. Lần lần mới nảy sinh ra cái chủ nghĩa *cá nhân* (Xem cuốn “Phong Hòa Khí Thuận” cũng một tác giả. Cá nhân đây là cá nhân bản ngã của phần tử có tánh phân biệt đó, chớ làm lộn với cá nhân hoàn toàn của chân nhân.

Xã hội cổ, là xã hội của những cá nhân bất toàn, nhưng còn vô tâm cái bất toàn của mình. Xã hội trung và cận thời, là xã hội của những cá nhân hữu tâm trong cái bất toàn của mình. Xã hội vị lai sẽ là xã hội của những cá nhân hoàn toàn...Tuy cách sinh hoạt như cổ mà khác rất xa...Hãy xem chương Bản Ngã biện chứng trong Toàn Chân pháp luận.) rồi sau đây, cuộc đời tấn biến cũng sẽ trở lại như xưa...(Đó là thuộc về quan niệm Xã hội học. Không phải thuộc về vấn đề quyển sách này.

Bởi vậy ta thấy con trẻ và kẻ thiếu niên thường có lòng quảng đại, hào hiệp và mạo hiểm...Càng lớn chừng nào, tánh tình lại càng ích kỷ lợi thân chừng nấy...Theo Tâm lý học, ích kỷ là cái đặc sắc của tuổi già.



Ấy là con đường tự nhiên Vạn vật trong Vũ trụ phải luân chuyển theo (Trước khi đặng hữu tâm trong cái Toàn thiện của mình con người phải trải qua cái hữu tâm bất toàn thiện của mình đã; ấy là cái mật lý của sự luân chuyển của Vạn vật. Đây lại là con đường biện chứng của Vạn vật trong Vũ trụ. Nên xem cái thuyết của Bergson trong những bộ *L'Evolution creatrice* và bộ *Les deux Sources de la Morale et de la Religion*, ta sẽ thấy rõ cái lối biện chứng ấy. Thí dụ, ta ban đầu chơi với bóng mà vẫn vô tâm, đến một khoảng thời gian kia ta sẽ dợt mình, nghĩ rằng bóng ta là khác với ta..từ đó nảy sanh cho ta nhiều nỗi lo sợ phòng ngừa. Lúc ấy ta gọi là hữu tâm trong cái Tư tâm của ta. Đến khi biết rõ, nó cùng ta

là Một, ta trở lại sống với bóng ta. Tuy bây giờ ta hữu tâm rằng bóng ta với ta là Một, song le ta sống một cách vô tâm..nhưng cái vô tâm bây giờ không còn giống với cái vô tâm trước kia nữa

QUYỀN NHI

NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA NHÂN SINH

“ Đạo đại, nhân tự tiểu chi,

Đạo công, nhân tự tư chi,

Đạo quân, nhân tự hiệp chi”

(Lục Cửu Uyên)

Trước kia, ta đã thấy: ngày mà ta tách phân làm một bản ngã riêng biệt với vạn vật, ngày ấy ta khởi lần lo sợ... Chừng ấy mới có biết tư lự. Ấy là ngày mà trong Thánh kinh (bible) gọi rằng, ta bị đày ra khỏi vườn Cực lạc (Eden) là nơi ta sống với vạn vật một cách tương ứng rất mật thiết. Nơi vườn Cực Lạc ấy con người sống với thú dữ, mà vẫn không biết sợ... Bởi phải bị gạt ăn nhằm trái cấm của cây Thiện –Ác (arbre du Bien et du Mal) mới biết xấu, tốt, nhục, vinh, trái, phải..cho nên mới phải bị đày vào cõi thế gian tương quan để chịu các điều khổ tâm, vất vả...(xem quyển “Toàn chân pháp luận” chương “Bản ngã siêu hình”, cùng một tác giả). Chính ngày ấy là ngày mà những vấn đề triết lý (problemes philosophiques) bắt đầu nảy sanh, trong đời con người vậy, như vấn đề Công bình, Tự do, Trường sinh của Linh hồn, Sanh tử, Tạo hóa..những vấn đề ấy, tự cổ chí kim, biết bao nhà triết học, siêu hình, tôn giáo tìm tâm giải quyết, nhưng vẫn tư lự phân vân, chưa nhứt định. Ta sờ dĩ không giải quyết đặng, vì bởi ta chỉ căn cứ vào quan niệm lầm lạc rằng, cái Bản ngã là cái Chân lý tuyệt đối. Ta chỉ lấy sự trừu tượng mơ màng, chớ không lấy cái lẽ thực hiện làm căn bản (se basant sur les speculations et non sur les faits). Lấy bản ngã làm cái cốt cho những vấn đề ấy; mà bản ngã là ảo vọng, thì những vấn đề ấy làm sao giải quyết cho đặng. Nếu ta ra một bài toán đố mà cái đề không đúng với sự thật, thì dầu ta có lấy hết lý luận mà giải, cũng không sao cho được.

Tóm lại, cái Ta đây, khi phân tách ra làm một nhân vật riêng, không liên lạc gì đến Toàn thể nữa, thì như tự nhốt chặt vào một cái vỏ cứng không còn ăn chịu với Vũ trụ.

Một mình hui quạnh trong khoảng thời gian và không gian vô hạn, bấy giờ ta lấy làm hãi hùng lắm. Như người kia, lúc ngồi chơi với bóng mình, thì vô tâm, vui vẻ..Bỗng dưng

mình tự hỏi: “ Bóng này là ai?” chừng ấy mới có sanh ra cái lòng nghi sợ, chẳng biết bóng ấy mới có thể hại mình đặng chăng? Ta cũng vậy, ngày mà ta cho vạn vật chung quanh ta là khác nhau, thì vạn vật sẽ trở nên một thế giới đầy đầy sự bí mật làm cho ta phải khủng khiếp. Những vấn đề triết lý quan trọng của nhân sinh nảy sanh trong tâm trí con người từ đây cốt để an ủi ta trong cái mê lầm của ngã chấp (Tỉ như có kẻ hỏi ta: “ Lòng rắn, sừng ngựa, có thể nào chấp thành bút chặng?” Ta không xét lại cái câu hỏi có thật đúng với sự thật chăng? Lại chỉ lo tìm phương thế trả lời. Thì đầu lý luận có hoạt bát đi mấy cũng không sao giải quyết cho đúng với sự thật đặng. Bản ngã tự nó là không có thật, như “ rắn đâu có lông, ngựa đâu có sừng” thế là làm sao cắt nghĩa và giải quyết vấn đề ấy...Căn cứ vào Bản ngã để trả lời là lầm.

Trước khi trả lời, ta phải xét lại cái đầu đề, coi có trùng với lẽ thật chăng, chớ vội trả lời, dụng tâm vào một đầu huyền ảo. Như ta sẽ thấy sau đây, những vấn đề quan trọng của nhân sinh sở dĩ không thể giải quyết đặng là do nơi có ấy)

~00~0~0~0~0~00~

A. NHẬP THẾ VÀ XUẤT THẾ

Đã biết thế giới ngoại vật có thể hại cho ta, nhưng nếu ta còn giữ *Xích tử chi tâm* thì không hề biết lo sợ bao giờ, vì Tâm ta cùng vạn vật là một, chỉ đến lúc ta thấy mình là riêng với vạn vật, ta mới tìm thế mà tu giữ lấy thân và binh vực lấy ta mà thôi.

Đứng trước một vật lại, nà ta nghĩ có thể hại cho ta, thường ta có hai cách đối phó để giữ thân: một là thấu cái đó làm của, hay là giết tan đi, hai là, trốn hoặc lánh nó! Những cử chỉ ấy đều do cái sợ mà ra.

Bởi thế, con người xưa nay, kẻ thì lo thấu trừ của đời, người thì từ bỏ, lánh thân...không quan tâm gì đến thế sự. Thường ta gọi là Nhập thế và Xuất thế. Hai quan niệm ấy, chỉ do nơi cái lầm, rằng thế gian ngoại vật cùng ta là khác nhau vậy.

Làm sao mà thấu đoạt hay từ bỏ một vật mà ta là nó, nó là ta? Cái ý thấu trừ hay từ bỏ, có ra chỉ lúc nào ta thấy ta khác biệt cùng vạn vật...chớ khi ta rõ nó cùng ta là Một rồi, thì những tâm lý ấy không còn nghĩa lý gì là thật nữa.

Bên Á Đông thì con người thường dùng cái thuyết *Xuất thế*. Bên Âu Tây thì dùng cái thuyết *Nhập thế*. Thường tình, ta cho kẻ Xuất thế là cao thượng đạo đức hơn người Nhập thế, đó là một sự mê lầm. Thế gian là đâu, ta là đâu mà hòng Nhập, Xuất?

Nếu ta so sánh một ông đạo sĩ của ta, ly gia cát, ái, xa lánh cõi đời, đứng ngoài thế tục, xoá bỏ những sự vui sướng xác thịt, để sống trầm tư, mặc tưởng nơi hang sâu rừng thẳm..với một ông đại gia Huê -kỳ, suốt đời chỉ xung đột vất vả luôn luôn với người, không được một phút yên tĩnh; thì ta sẽ cho đó là hai cái rất tương phản nhau là đường nào..Kỳ thật, hai nhân vật ấy chẳng có khác nhau chút nào về mặt tâm lý cả.

Ý thâm trữ là ý từ bỏ thế gian, chẳng qua hai cái chứng của một tâm bệnh: tưởng lầm rằng mình là khác với vạn vật.

Vậy mà xưa nay, con người thường thường có ý trọng người xuất thế và khinh khi người nhập thế, có dè dặt những bậc ấy đều lầm lạc mê muội như nhau.

Những vấn đề Vật chất và Tinh thần, cổ kim con người cãi cọ tranh đấu mãi trong trường ngôn luận mà không một ai giải quyết đặng, chỉ phân vân lưỡng lự; - kẻ cho đời là giả, bỏ mà đi, người cho nó là thật, tìm mà thâm trữ, - vẫn tại cái đề cho ra không đúng với sự thật, như ta đã thấy trước kia. Lấy Bản ngã làm cái lý thật, tuyệt đích, rồi vịn đó để giải quyết những vấn đề của nhân sinh, đó là cái lầm của phần nhiều học giả xưa nay vậy.

Tuy nhiên, có kẻ sẽ cho rằng: “ Tuy đã biết người đã giải thoát đặng tư tâm rồi thì không còn thấy mình là khác biệt với Vạn vật vũ trụ, nên những vấn đề Nhập thế, Xuất thế không còn nghĩa lý gì với họ nữa cả. Song le, đó là đề cho những bậc siêu nhân, chớ đối với những bậc tầm thường thời những hoàn cảnh ràng buộc của đời người đây, không phải là một sự trở ngại cho sự giải thoát hay sao? Phải có ở trong những cảnh huống khó khăn của sự đời mới rõ cái khổ ấy..!”

Thật vậy, nếu lấy theo con mắt thường tình mà xem, thời câu hỏi này cũng có lắm ý nghĩa, nhưng nếu xét kỹ lại, thời đó là một việc mê lầm rất nặng của phần đông học giả, thường xem cõi đời và cảnh ngộ là một sự trở ngại rất lớn lao cho sự hoàn toàn giải thoát. Theo chánh lý thời chẳng phải hoàn cảnh của thế sự trở ngại cho sự giải thoát mà kỳ thật là tại nơi Tâm ta mắc cùng không mắc lấy nó mà thôi. Tâm ta thì thường trụ, vô biên vô lượng, chỉ vì ta chấp lầm cái thân vô thường, cái hoàn cảnh tạm thời và giả dối làm sự thật, nên phải liệt mình nô lệ lấy hoàn cảnh. Ta có thể ví cái Chân tâm thường trụ ấy như nước. Dầu phải ở trong ve tròn hay ve vuông thời cũng tùy theo hình thức của ve mà có hình tròn hoặc hình vuông. Tuy nhiên, nước đựng trong mấy ve ấy vẫn là nước không hình trạng, không thay đổi, dầu có đem đổ vào thiên hình vạn trạng kiêu ve, nó cũng tùy theo hoàn cảnh mà lấy đủ thiên

hình vạn trạng hình thức, nhưng trước sau chỉ giữ một cái tính bình đẳng như như không mắc cứng vào một hình thức nào cả!

Có tích rằng: Xưa kia, bên Ấn độ có một ông thầy tu, cho cuộc đời là giả, nên lập nguyện từ bỏ cả công danh sự nghiệp chỉ giữ lại cho mình có hai cái chẵn mà thôi. Ngày kia, ông đi tìm một ông vua có tiếng là cao đệ trong đường Đạo học. Buổi nọ, trong lúc hai ông cùng nhau đang cãi luận về một vấn đề triết lý, dưới cội cây to, cách xa đèn vua chừng hai ba trăm thước. Bỗng chốc cái đèn nguy nga tráng lệ kia, phát cháy một cách rất dữ dội. Vị vua rất bình tĩnh dường như không có sự gì xảy đến cả, cứ thản nhiên bình luận đạo lý. Còn ông thầy tu thì tâm trí rối loạn, cặp mắt dòm chừng nơi chỗ hoả tai hoải... Vì sao? Vì hồi sớm ông có phơ cái chẵn của ông gần đây.

Tóm lại, chẳng phải sống trong cuộc đời danh lợi mà tâm ta phải bị mắc; cũng không phải nhờ xa lánh thế sự mà tâm ta hết bị mắc vào hoàn cảnh. Mắc hay không mắc là tại nơi ta. Biết giữ cái Tâm thường trụ không cho bị vướng lầy hoàn cảnh nào cả, đó là cái mâu nhiệm của sự Giải thoát vậy.

~o~o~o~o~o~o~o~

B. CÁ NHÂN VÀ TOÀN THỂ

Muốn hoà với thiên lý, ta phải làm sao cho hành vi của ta bao giờ cũng vừa là một lẽ hạn định vừa là một lẽ vô tận, vừa là một phần tử mà cũng vừa là một toàn thể.

Tuy rằng sống trong một vị trí cá nhân, nhưng cái Tâm không bao giờ lìa với Vũ trụ, Vạn vật. Đó là cái lý nhất quán rất mâu nhiệm của luật mâu thuẫn, chi phối các sự vật. Chấp vào cái quan niệm phần tử mà thôi, là một điều hư hỏng, vì Toàn thể thường bao hàm phần tử, mà phần tử thường không có Toàn thể ở trong, nghĩa là chưa đựng toàn túc vậy.

Cốt yếu của sự hoàn toàn giải thoát, là ta phải làm sao quán nhứt cái đều mâu thuẫn (cá nhân toàn thể) ấy, nơi ta một cách đầy đủ điều hoà...

Bây giờ, ta hãy cùng bàn qua cái quan niệm Vô Ngã và Hữu Ngã, để cho rõ cái hại quá thiên lệch về một phương diện của tương quan.

Thật vậy, kẻ đã giải thoát rồi thì hành vi bao giờ cũng vừa là của một phần tử vừa là của một toàn thể điều hoà nhau một cách rất sung mãn.

Kìa thử lắng nghe một khúc Hợp tấu nhạc(symphonie), trong ấy có đủ nhạc khí nào là đàn nguyệt, đàn tranh, tiêu,...hoà lẫn với nhau mà khảy một bản tiêu thiên... Vũ trụ chẳng

qua là một khúc Hợp tấu vô tận (symphonie éternelle) trong ấy mỗi người, mỗi vật... là mỗi cây đàn... Tuy, mỗi cây mỗi khác, mỗi người có mỗi điệu độc tấu riêng, song hoà với nhau một bản, dấu khi phù, khi trầm có khác nhau trong âm vận, nhưng nhịp phách cũng ăn rập với nhau luôn luôn. Nếu nghe riêng từng cây đàn, thì thấy mỗi người một điệu... mà nghe chung thì thấy là một nhịp một nhàng... rất thâm trầm êm ái... Tỉ như trong ấy, có một người tài tử nào dụng tư ý, độc tấu một bản khác theo điệu riêng thích của mình, thì bài ấy đối với khúc Hợp tấu kia, vẫn là một bài vô thần lạc vận, dờ dang hư hỏng; nhưng nếu lấy riêng nó ra mà nghe thì khúc nhạc của người ấy có thể là một khúc tuyệt âm được.

Điệu đàn anh tài tử độc tấu đó đối với bài Hợp tấu nhạc chỉ làm cho hư hỏng cái Toàn khí của bài ấy, nên xem ra vô thần, vô khí, khô khan, lạnh lẽo...

Ai hiểu kỳ, hãy xem cách khiêu vũ của rợ Châu Phi trong khoảng đêm thanh trăng sáng... Cả một khóm người lao chao theo một cái nhịp tự nhiên... đứng xa xem vào, như bóng trăng phản ứng trên mặt nước xao, sóng dợn... Cách khiêu vũ ấy rất tự nhiên như cách linh hoạt của bóng trăng lấp lánh, của lượn sóng nhấp nhô, của tiếng gió tí tê, của lá cây xào xạc vẫy... Đứng xa mà xem, nghĩa là lấy chung mà ngắm, thì thật là đẹp vô cùng... Cái sống là chỗ đó.. Ấy nên, theo quan niệm Hữu ngã, nếu có xem vạn vật lại lấy theo một phương diện của phần tử nên rất câu nệ và bần chật lắm.

Theo quan niệm Vô ngã, trái lại ta lấy cái Toàn thể làm trung điểm cho sở kiến. Ấy là cái tinh thần Lão giáo mà P.Wieger kết luận trong bộ Đạo đức kinh bằng một câu rất giản dị mà hàm súc lắm. (Tout regarder, de si haut, de si loin, que tout apparaisse comme fondu en un, qu'il n'y ait plus de détails, d'individus et par suite plus d'intêret, plus de passions... Evoluer avec le Grand Tout) – Nhìn xem muôn vật, hãy đứng chỗ cho thật cao, cho thật xa, đặng bao trùm lấy muôn vật, coi thấy thấy như hoá làm một cùng nhau, đừng cho còn thấy, chỗ vụn vặt, chỗ cá nhân riêng biệt, thì ra không còn chi là tư tâm, tư lợi, tư đức nữa... Hãy sống thuận biến theo Đại Toàn thể) (Xem Phụ Lục- bài Chí Nhân)

Theo quan niệm này thì ta không lấy Vũ trụ làm lớn, trí huệ thường bao quát kiến khôn, chớ không câu chấp tỉ mỉ theo chỗ hạn định của tư tâm. Tuy ở trong cõi đời hạn lượng mà chi hướng bao hàm và quán thông Vạn vật, cho nên người theo chủ nghĩa này suốt đời chỉ lấy Vũ trụ làm căn bản, chớ không câu nệ chỗ vụn vặt của nhân sinh. Thế mới không xem ngọn cỏ cành cây, hay con trùng con bọ làm thường, mà cũng không lấy kiến khôn làm lớn. Bởi không gọi chi là Phải, Quấy, Lợi, Hại, Trọng, Khinh nên không khen mà cũng

không chê ai, không tôn trọng mà cũng không miệt ai... Mỗi sự, mỗi vật, đứng vào vị trí nào cũng đều có một nghĩa tối cao, tối trọng đối với Toàn thể cả (Trong một cái máy đồng hồ nếu lấy theo phần tử quan niệm thì con ốc vẫn là nhỏ và không đẹp, hoặc không được công dụng bằng cây kim, hay mặt kiến... Song nếu đứng theo Toàn thể - Vô ngã mà xem thì dầu cho một con ốc nhỏ hay sợi dây thừng, cũng đều có trách vị tối cao tối trọng đối với sự “Sống Chung của Toàn bộ máy” vậy. Xem bài “ Thu thủy”, nơi chương Phụ lục quyền Toàn Chân Pháp Luận cùng một soạn giả)

Ấy, mới gọi rằng, kẻ hoàn toàn, hành vi bao giờ cũng toàn mãn, vì hành vi ấy được kiêm vừa một phần hạn định vừa một lẽ vô cùng...

~0~0~0~0~0~0~0~

D. CÔNG BÌNH

Chấp ngã làm cho ta không xem thấy đặng cái lý thật của sự vật, nên những sự hiểu biết và phán đoán của ta vẫn thiên về lẽ tương quan mà thôi. Giác ngộ tức là hiểu biết cái lý thật của mọi sự vật, (L'illumination est la connaissance de la vraie valeur des choses. Phật giáo có câu: “ Kiến Vũ trụ chi chân lý vị chi ngộ; muội Vũ trụ chi chân lý vị chi mê”. Ngộ, tức là đừng theo quan niệm Vô ngã mà xem, thì Vạn vật dầu cho nhỏ đến bực nào, cũng có cái lý huyền vi sâu xa của nó... Cho nên, không chi gọi là Quý, Tiện, Trọng, Khinh... Mê, tức là đứng theo quan niệm tư ngã mà xem, nên vạn vật mới có vật gọi là sang, hèn, khinh trọng. Đó là cái mầm tranh đấu đau đớn của nhân sinh. Vì thế, Lão tử mới bảo: Bất thượng hiền, sử dân bất tranh(Chớ trọng người hiền, đó là làm cho thiên hạ không tranh)- Xem trang Phụ Lục quyền Toàn Chân Pháp Luận, Cây Bách Thọ.

Cho nên những điều hiểu biết của kẻ giữ quan niệm tư ngã thì lầm lạc sai suyễn lắm. Xưa nay thậm chí, kẻ học Phật giáo mà cũng chưa thoát khỏi đặng cái lầm ấy. Vì phần nhiều họ còn chấp trong cái Bản ngã, mà sự học phải sai lầm, lại không biết đâu mà thoát ly cho đặng.

Họ thường vịn lấy cái thuyết luân hồi Quả báo làm cái trung điểm cho học phái mình... Tuy nói rằng tôn chỉ là Từ bi, Bác ái, song chẳng qua đó là cách để thoát kiếp luân hồi, nắm lại cái bánh xe Nhân quả... Phật giáo cho rằng mỗi mỗi cái hiện tượng sanh sanh tử tử đây là gốc bởi cái dây nhân duyên tiếp tục mãi mãi như con sông lớn trên mặt biển Chân như, chớ không bao giờ gọi đó là luật Công bình của Trời!

Luân hồi Quả báo chẳng qua là một cái luật phản ứng cũng như luật Nhân quả của thế giới vật chất hữu hình của ta đây. Thế mà, biết bao kẻ lấy cái thuyết ấy làm tôn chỉ tuyệt đích cho hành vi của mình, chỉ bo bo nô lệ, trong mỗi việc làm, sợ có một việc quả báo mà thôi. Vì Quả báo mới chịu làm phước, thiện, vì Quả báo mới chịu lãnh việc tàn khốc, ích kỷ. Tóm lại, Quả báo là cái chủ động của hành vi suốt đời họ. Họ lại cho đó là luật Công bình của Trời, để giải quyết cái vấn đề bất bình đẳng của Nhân loại.

Quan niệm Công bình thật là một quan niệm rất sai lầm! Ta thử hỏi sự Công bình có thật cùng chăng? Trên thế gian này hẳn là không có rồi... Muốn cắt nghĩa lẽ bất bình đẳng của xã hội và nhân loại, Tôn giáo vịn lấy cái thuyết Tiên nhân quả báo mà luận giải. Đời ta đây vui sướng hay khổ cực, chỉ là cái hậu quả của một cái tiền nhân kia?... song nếu ta lại hỏi cái nhân của cái nhân đó... và hỏi như thế mãi đến một lúc mới sanh cái Ta đầu hết... thì ai tạo ra? Vì lẽ cái Ta hiện thời đây là cái vọng niệm của cái Ta trước, thì khi tiên khởi phải có ai tự ý tự tâm tạo cái Ta ấy, mới ngày nay có Ta đây mà vọng niệm. Theosophie moderne, - (có kẻ gọi là Thông Thiên Học)- cắt nghĩa rằng, ta trước khi thành người phải trải qua một kiếp thú... Muốn đầu thai lên làm người, con thú phải cần cậy lấy sức mình, hết sức trụ thần trí đặng cho điểm linh quang Trí Huệ (monade divin) trực tiếp với điểm ấy mà nhập vào, tức thì lúc ấy con thú đặng thành người. Khoa Thông Thiên Học lại giảng thêm rằng có nhiều cách hoá thân, Hoặc một con thú bị đánh đập đau đớn trong lúc bị phần uất sợ hãi thái quá mà hạ trí tiếp diễn được với điểm linh quang trí huệ, nên tức khắc được hoá thân làm người, sau khi nó bị thương mà chết. Cách hoá thân ấy là cách hoá thân xấu. Hoặc có con như chó, mèo, vv... những thú nhà, nhờ gần gũi với những người mà trí hiểu biết khôn lanh nó tấn hoá rất mau lẹ... thần trí nó tiếp diễn được với linh quang trí huệ mà hoá thân. Cách hoá thân ấy gọi là cách hoá thân tốt - Những cách hoá thân ấy có ảnh hưởng rất trọng hệ cho suốt đời con người. Kẻ bị cách hoá thân xấu, vì bị ảnh hưởng lúc mình hoá thân đó, nên có tánh hèn nhát, xảo quyệt, độc dữ... mà suốt đời phải chịu nặng nề quả báo... Trái lại, kẻ nhờ cách hoá thân tốt, thì được lắm sự may mắn trong cảnh đời... Như chồn, cáo, đầu thai thì có những tính gian xảo, trộm cắp... còn như chó, cạp, sư tử, đầu thai thì lại được những đức tánh trung can, nghĩa, khí (Xem cuốn "L'Homme d'ou Il vient, ou Il va" của A. Besanet và C. Leadbeater)

Ấy vậy, đâu là công bình?

Vấn đề này, chẳng những lý thuyết Quả báo luân hồi không cắt nghĩa đặng; cái lý thuyết hoá thân của Thông thiên học cũng bó tay, chỉ có trả lời cho có, rồi, rồi lại, gọi Quả báo là luật Công bình của Trời (Xem những bộ sách về Luân Hồi Quả báo của A.Besant..)

Công bình có thật hay chẳng? Vấn đề này làm sao giải quyết? Trước khi có tôi là người ta, thì tôi là cây cỏ, thú vật...nhưng tôi không đặng tự do muốn hoặc hành động, thì ra sự may rủi của kiếp đời tôi sau này thật là oan ức và tàn chế lắm. Có kẻ bảo phải thuận lòng Trời, tự Trời muốn sao hay vậy, đừng cưỡng lý không nên (Ấy là những điều khuyên lon an ủi của Tôn giáo chớ không bao giờ làm dứt cái khổ trong lòng con người). Đó chỉ là sợ, như con sợ cha, như tớ sợ chủ mà không dám nói thôi, chớ tự tâm ai lại không có chỗ bất bình phần uất. Xưa nay tôn giáo thường dụng tâm mà cắt nghĩa, nhưng cũng không giải quyết đặng, chỉ có để làm kẻ khuyên lon an ủi lấy lòng mà thôi. An ủi lấy mình, chẳng phải là giải lý. Vấn đề Công bình sở dĩ không giải quyết đặng, chỉ vì ta chấp lấy Bản ngã, nghĩa là lấy nó làm cái căn bản, thật có vậy. Con một nhà, nếu anh em không yêu thương nhau, lại phân chia cạnh tranh ...thì sẽ có thấy sôi nổi cái vấn đề Công bình cha mẹ đối với con. Nếu được hoà thuận yêu thương nhau, coi nhau là một, không phân Nhĩ ngã, thì anh mình hoặc em mình có đặng may mắn, quyền lộc hơn mình, mình cũng không vì đó mà cạnh tranh thắc mắc. Chỉ vì tại ta sống trong cái Bản ngã, xem ta là riêng với vạn vật nhân loại, mà vấn đề Công bình mới có nảy sanh ra. Theo quan niệm vô ngã thì vấn đề ấy không có thật; vạn vật cùng ta là một. Kẻ sống theo quan niệm ấy không còn phân nhĩ ngã nữa, nên không còn so đo hơn thiệt với nhau, vấn đề Công bình đối với họ bấy giờ không còn nghĩa lý gì là thiết thực nữa.

Thầy đều có một trách vị quan trọng đối với Toàn thể, nên sanh ra đứng vào vị trí nào, thì cứ tùy theo vị trí nấy, làm cho rồi trách vị mình, theo bốn phận của phần tử cho tận thiện (Xem cuốn Thử Tướng Luận, chương “Toàn Thiện”, cuốn “Toàn Chân Pháp Luận” chương 4, cùng một tác giả); không phân giai cấp sang, hèn, trọng, khinh, vì sang, hèn, trọng, khinh là không có thật đối với Toàn thể. Trong một khúc Hợp tấu nhạc, nếu mỗi thứ đờn cứ than trách lấy chỗ nhỏ nhen hèn thấp của mình và lo sủng bái cái mà mình làm cho là cao, sang, quý trọng hơn mình kia...thì khúc nhạc ấy sẽ hư hỏng. Đâu là trọng hơn, đâu là hèn hơn? Như cung, thương, giắc, trủy...chẳng tiếng nào là trọng, là khinh...vẫn tương tiếp nhau, làm thành một khúc nhạc tiêu tao thánh thót. Bởi lấy tiếng thấp, tiếng nhỏ, tiếng to, chớ nếu lấy Toàn thể mà nghe, thì trước sau là một, tiếng nào cũng cần ích trọng hệ cho sự Sống chung của bài nhạc..Thế thì, nếu những tiếng ấy cứ lẫn trách, cạnh nạnh hơn thiệt, viện lẽ Công

bình mà so đo với nhau mãi quên lửng cái trách vị mình đối với Toàn thể thì đó thật là một điều vô lý và bất thông lắm... Sự không so đo ấy, chẳng phải tại tánh ta khiêm nhượng, rụt rè và an phận..mà bởi Ta là vạn vật, Ta là người, người là Ta..(Khi ta đã tán Bản ngã ta rồi, nghĩa là không còn lấy mình làm riêng với Vũ trụ Vạn Vật nữa mà là Một cùng Vạn Vật rồi, thời không cần lo lên cõi trên sợ xuống cõi dưới chi chi nữa. Tha hồ, ở vào đâu, cũng yên, vì đâu đâu cũng là Một với ta. Chỉ có kẻ xem mình là riêng với Vũ trụ, mới lo lắng về địa vị giai cấp, cõi thượng, cõi hạ, mong mỗi đêm mình sau này về một cõi nào riêng biệt như Cục Lạc Quốc, Thiên đàng, Bồng Lai, Thượng giới..(tùy theo tôn giáo) ..tức là đem mình vào cõi hạn định nào trong Càn Khôn vậy – xem chương Bản ngã siêu hình trong quyển Toàn Chân Pháp Luận cùng một tác giả)

Nói rằng vấn đề Công bình không thể lấy Luân hồi Quả báo mà giải quyết, còn đạo Phật lại lấy cái thuyết ấy làm trung điểm cho triết lý của mình, thì ra Phật giáo không thấu Chân lý sao? Không! sự lầm ấy chỉ tại học giả còn chấp Ngã (Ngã đây chẳng phải nói về cái Ta tình dục, xác thịt..Ấy là nói về cái tâm lý cho Ta là có, và riêng biệt với Vạn Vật) mà thành ra sự học hỏi của mình phải thiên lệch, và lầm lạc thế ấy. Kỳ thật, Phật giáo sở dĩ nói đến cái thuyết quả báo luân hồi là cốt để giải cái lý của Vũ trụ hiện tượng mà thôi, chớ không bao giờ gọi thuyết ấy là luật Công bình. Chỉ vì phần đông thường dụng tư tâm mà hiểu Đạo, nên mới lấy Quả báo làm Chủ động cho hành vi. Bởi muốn tạo cái quả tốt và lánh cái quả xấu cho kiếp sau nên con người mới lo ngại mãi về quả báo; những hành vi họ chỉ bị bó buộc trong vòng ái kỷ...Lấy vấn đề Công bình làm câu hỏi thiên niên là để tự làm văt vả cho tri luận, chẳng qua là tại cái lầm của ngã chấp bày ra. Kẻ học giả chớ hề nên đứng trong quan niệm ấy mà luận Đạo.

~o~o~o~o~o~o~o~

E. TỪ BI BÁC ÁI

Cái đặc tính của cái Ta (le moi), là Ích Kỳ. Mà ích kỷ là nguồn khổ, vì ích kỷ mà nhân loại tranh giành, bóc lột, xâu xé nhau; cho nên muốn thoát khổ ta phải diệt nó. Song, Bản ngã, tức là cái lòng ái kỷ rất mạnh, tuy lặn bên này, nó cũng mọc lên bên kia; rồi muốn phờ phình, che đậy cái mặt nó mới tạo, Bản ngã đem cái tên Nhân, Nghĩa, Từ Bi, Bác Ái,..mà phô trương lên.

Thật thế, Từ Bi, Bác Ái chẳng qua là chỗ xảo ý của tư tâm, bởi còn phân Nhĩ ngã. Thương người, tất phải có một người thương (chủ quan) một người được thương (khách quan) – nghĩa là hai người, khác nhau, dẫu có đem thiên ngôn vạn ngữ mà tô điểm tiếng ấy cho đẹp để cao thượng bực nào... cũng chẳng qua để tự phỉnh đó thôi. Lòng ái kỷ thật mạnh và khéo léo, lặn, mọc luôn luôn, chớ không chịu cho mình là không có, không hề chịu để mất bao giờ...

Kẻ Toàn thiện thì sống ngoài vòng Bản ngã, tức là ngoài sự Từ Bi Bác Ái. Bởi họ lấy cái Toàn thể làm chuẩn đích cho hành vi và sở kiến, chớ không lấy tư tâm mà hành động, nên chẳng những họ ở trên chỗ Từ Bi, Bác Ái; - (nghĩa là thương hết vạn vật) mà thôi; họ là Vạn Vật, họ là Toàn thể, họ là sự Sống chung Vũ trụ...)

Đạo đức kinh có câu: “Đại Đạo phế, hữu Nhân, Nghĩa. Lục thân bất hoà, hữu hiếu từ. Quốc gia hỗn loạn hữu trung thần”..Đại Đạo phế, tức là cái Sống chung của Vũ trụ đã bị tách phân ra tư ngã riêng biệt cho nên mới có bày ra Nhân, Nghĩa, cốt là để lập lại trật tự, nối lại sự liên lạc của những phần tử riêng nhau đó. Cũng như trong nhà, anh em bà con bất hoà, mới có bày ra Hiếu, Để cốt để sửa và nối cái dây liên ái khí xưa lại. Nếu hoà thuận yêu mến nhau, thì, có cần phải bày ra những tiếng ấy mà làm chi...Chẳng qua đó là những điều tạo ra của Bản ngã để gạt lấy mình mà thôi. Kẻ tự xưng là thánh nhân lại muốn lợi dụng lấy cái mê của nhân loại, đặt ra luân lý, kinh, sách đạo đức... để hạn chế con người, bắt buộc vào một khuôn khổ eo hẹp của luân lý nhất định của tư ngã. Đó chẳng qua là những trò tuồng của Bản ngã mà thôi..Tuy mới xem qua, thì thấy trong gia đình, trong xã hội, nhân loại bị hỗn loạn tư phân ấy, nhờ có Nhân, Nghĩa, Hiếu, Để mà cái niềm hoà ái đã mất, dựng nối lại như xưa và có vẻ thượng hoà, hạ mục..song le, đó chẳng qua là thuận thụ được về mặt hình thức bề ngoài, chớ kỳ trung cũng vẫn còn phân nhĩ ngã, nghĩa là về mặt tâm lý thì vẫn còn tư tâm, tư dục...

~0~0~0~0~0~0~0~

F. THIỆN ÁC

Thế thường, ở đời có ai là không công nhận cái khổ là không có thật chẳng..? Sự khổ là một điều hiển nhiên hơn sự Vui. Nhưng ta phải biết rằng nếu lấy cái lý Tuyệt đối nghĩa là lấy theo quan niệm tư ngã, thì Vạn Vật phải có cái Tốt, cái Xấu, cái Lớn, cái Trọng, cái Khinh tất phải có cái Lợi, cái Hại.

Đối với Toàn thể thì không có một vật chi là hại, là vô ích cả. Một việc hại cho ta vị tất là hại cho kẻ khác, tất nhiên một việc ta gọi là thiện, đối với ta biết chừng đâu là một việc tàn Ác...? đối với người (Bản ngã đối với ta là một điều hại, nhưng nó là điều cần ích cho những kẻ còn bán khai...Cái vỏ bao cái trứng gà, thì rất cần ích cho con gà khi chưa nở..nhưng đến lúc nó nở được rồi, thì cái vỏ cứng trở lại là một điều hại cho nó, nó phải khê bẻ để thoát ra. Bản ngã của ta cũng không khác nào vỏ trứng gà mà chân tính ra như con gà con, ở trong vậy.) Thế thì lấy chi làm cái quy tắc để định nghĩa chữ Lợi, Hại, Phải, Quấy? Luân lý, vì làm và không biết phân biệt cái lý ấy, nên làm cho nhân sinh thống khổ biết bao nhiêu? Một cái văn minh hay Luân lý chi, muốn cho chỗ công dụng có kết quả, tất phải cho hợp thời, thuận cảnh, theo lẽ biến hoá của xã hội, nhân loại. Cho nên, gọi là Phải, việc gì, điều gì có thể lợi ích cho nhân sinh trong một thời gian không gian nào đó, nghĩa là có thể làm cho nhân sinh thời bấy giờ được chỗ lạc phúc yên vui...Ấy vậy, muốn cho một điều được gọi là phải, thì tất phải cho điều ấy được thuận thời hợp thế.

Văn minh của dân rợ và của người Âu Mỹ vẫn khác nhau xa song le nếu đem văn minh của người Âu mỹ cho dân Châu Phi, Châu Á, chưa ắt được có chỗ hay; còn văn minh dân rợ mọi đem cho dân Âu Mỹ cũng vị tất là được...Văn minh nào cũng phải, cũng hay, miễn cho hợp với trình độ dân tộc ấy; chớ không phải nó là lẽ tuyệt đối đặng. Vậy mà có kẻ tự xưng là Thánh trí cố hạn định Nhân Nghĩa để làm cái khuôn mẫu tuyệt đích cho nhân sinh. Họ quên rằng kiên khôn vũ trụ chẳng qua là một lẽ biến hoá lưu chuyển luôn luôn không ngớt, chẳng có một giờ nào mà ta còn giống ta trong một giờ trước. Cái người xác thịt của ta, trong một năm cũng không còn cái người của ta năm trước. Cái tâm lý của ta trong một phút đồng hồ này, không còn phải là tâm lý của ta trong phút trước nữa đặng. Cái lẽ biến hoá của Vũ trụ thì vô cùng vô tận, mãi mãi hoài hoài, không bao giờ ngưng đặng. Thế thì nhân sinh muốn sống thuận biến theo lẽ luân chuyển sinh hoá của Toàn thể, tất phải biết tùy theo thời hành sự không nên khép chặt tinh thần trong chỗ câu nệ chấp nhứt, nhỏ nhen vụn vặt...

Toàn thể Vũ trụ vẫn là một bài nhạc vô cùng vô tận. Ta là kẻ tài tử trong đám nhạc ấy, có nên vì tư tâm mà dạo đi dạo lại một khúc nào riêng thích chăng? (Ám chỉ kẻ cứ nô lệ câu chấp lấy một thứ luân lý cũ rích đem nhai đi nhai lại, mà không kể chi đến hoàn cảnh đã biến đổi, tấn biến đến đâu...) Hết câu nọ sang câu kia, phải biết thuận biến theo Toàn thể của bài nhạc luôn luôn...Nếu cứ dụng tâm, lấy tư ý của mình, mà không kể đến hoàn cảnh thay đổi,

sống như thế không gọi là có Sống vậy (Độc giả xem bộ Duree et Simullaneite của H. Berson(F. Alcan) cho rõ thêm những điều nói trong chương này)

~0~0~0~0~0~0~0~

G. CHÂN TÍNH VÀ LUÂN LÝ

Ta chớ nên khi nào dụng tư tâm, lấy luân lý, chế độ để hạn định nhân loại, đó là làm sai Đạo vậy. Tuy nói thế, ta chớ làm tưởng rằng người không biết dụng tâm là người không có đặc tính gì cả, ấy là một bộ máy vô hồn cứ quây cuồng theo con gió thổi, mặc tình ai muốn sai sử thế nào cũng đặng...

Không phải thế, nói rằng ta chớ nên dụng tư tâm mà hại Đạo, là ý nhắc ta chớ quên rằng, ta là Một với vạn vật. Ta phải nhớ luôn luôn lẽ ấy, tuy cứ hành động theo cá tính, nhưng phải để con mắt xem chừng Toàn thể để cùng nó được cái chỗ hoà hợp với nhau. Ta chớ lộn cái Bản ngã với cái Bản tính tức là cái Tâm...Hành vi vâu Bản ngã là làm, mà không quan tâm gì đến Toàn thể. Hành vi của Chân tính, thì không hề quên rằng mình là Một với vạn vật, và cứ thuận biến theo luôn luôn.

Chân tính của ta, có câu Cá tính riêng của nó, như hương thì thơm mùi hương chớ không thơm đặng mùi huệ, hay mùi lan...Ta chớ lộn Cá tính với Bản ngã. Trong một khúc Hợp tấu nhạc, mỗi người đờn mỗi thứ đờn. Cây đờn, đó là thân ta, người đờn, là Chân tính ta (Nếu ta đờn mà không dụng tư tâm, cứ thuận chuyển theo cái Toàn thể của khúc Hợp tấu nhạc...thì đó là Chân tính ta hành động. Nếu ta đờn mà dụng tư ý, đơn riêng một mình một bản, không quan tâm gì đến Toàn thể...thì đó là Bản ngã ta hành động; khác nhau có bấy nhiêu đó) Ta đờn cô, có kẻ đờn tranh...kẻ chơi đờn tranh không có một cách điệu giống với cách điệu của kẻ chơi đờn cô...Mỗi người có mỗi điệu riêng, phải tùy theo cây đờn mình khảy mà đờn theo cách hay riêng của mình, (ấy là cái Cá tính của Chân tính ta vậy). Cho nên mới nghe qua thì thấy có khác nhau nhiều, song đối với Toàn thể của khúc Hợp tấu nhạc, thì trước ssau vẫn một, họ không hề ly tâm một phút. Ta đây, đối cùng Toàn thể cũng vậy. Hãy cứ tự nhiên để cho Chân tính ta được tự do biến hoá theo Cá tính của nó, miễn đừng cho ly tâm cùng Toàn thể thôi. Đến khi ta dụng tư tâm không kể gì đến Toàn thể nữa, cứ độc tấu

riêng một mình, sống riêng một cõi theo bản ngã...chùng ấy ta mới gọi Ta là có, và là riêng với vạn vật...Ta chớ có làm lộn mấy tiếng cá tính của chân tính và Bản ngã...vì Bản ngã và Cá tính của chân tính thường có chỗ tương tự khó phân biệt...(khi ta dụng chỗ sở thích của ta mà đờn, nhưng ta không ly cái nhịp với Toàn thể. Đó là Cá tính. Còn nếu dụng chỗ riêng của ta mà đờn, không quan thiết gì đến Toàn thể. Đó gọi là Bản ngã. Chỗ phân biệt hai lẽ ấy có bấy nhiêu mà thôi) Tóm lại, Tâm ta tuy đồng lý với Đạo, song nó có cá tính của nó, như bông huệ thì cái đặc tính tự nhiên của nó là thơm mùi huệ chớ không thơm mùi sen, hay mùi lý đặng...nên Lão tử bảo để cho cái tâm tính tự nhiên con người đặng tự do sinh hoạt chớ dụng tư tâm mà hại Đạo, là lẽ ấy. Dụng tư tâm mà hại Đạo, là gốc nơi Luân lý...

Trong một cảnh vườn biết bao nhiêu là hoa thảo: nào là hường, lan, mai, cúc,...Tuy khác nhau về hình thức, sắc, hương...chớ cả thầy đều công cộng để làm ra một cái Đẹp chung. Cảnh vườn nào mà thầy là hường, hay là cúc mà thôi, coi ngán quá! Có hường, có lan, có mai, có cúc,...lẫn chen mới đẹp. Mỗi thứ hoa có mỗi sắc riêng, hương riêng nhưng nếu hợp lại sẽ làm thành một cái Đẹp chung vừa hương vừa sắc. Thế mà, trong ấy nếu có một cây hường đứng lên làm chủ, bảo cả thầy rằng: mùi hương của nó là thơm. sắc nó là đẹp hơn hết. Rồi nó lại bày ra cái luật riêng, buộc cả thầy phải làm sao giống như nó, vì nó tự cho là mô phạm của sự Tận Thiện Tận Mỹ...Nếu cả thầy các thứ hoa đều vì lẽ đó mà dụng tâm ép thân thể và tinh thần mình để thành hường cả, thì thử hường mới này, nếu có thể được, sẽ là một thứ hường quái dị lắm...Con người vẫn thế ấy...Bày ra cái quan niệm Tận Thiện, Tận Mỹ, Nhân, Nghĩa...để làm một khuôn mẫu nhứt định chung cho cả loài người. Cái Tâm tính Bản nhiên của con người vì đó mà tiêu ma, hư hỏng..Con chó bắt kéo xe, con ngựa bắt giữ nhà...là sai với tính tự nhiên của nó (Trang Tử bảo chớ mong kéo căng vệt cho dài, và khâu giò hạc cho ngắn lại –Xem thêm chương Thu thủy của Trang tử) Thế mà nhân loại ngày nay lại dụng tâm lấy luân lý nhân nghĩa làm chuẩn tắc nhứt định cho hành vi của mình. Con chó vì đó, mất cái hay của bản tính nó, con ngựa vì đó, mất những nét hay của bản tính nó. Nhân loại ngày nay, chẳng qua cũng một thể ấy cả, thành thử con người hiện thời giống như kẻ tàn tật khô héo, đèo đuột, vất vả, hư hỏng...bởi không còn cái tự do sinh hoạt của bản tính thiên nhiên như cỏ cây cùng vạn vật chung quanh.

Đứng trong một hoàn cảnh mới, một dân tộc mới, ta không thể lấy một cái Đạo Đức luân lý cũ rích xưa kia, làm chuẩn tắc, làm khuôn mẫu cho nhân sinh đặng. Những kinh sách...chẳng qua là những thang thuốc để trị cái khổ của Nhân loại trong một thời đại nào

đó. Mấy bực thánh trị ấy, như ông thầy thuốc, còn nhân loại khổ là người bệnh. Bệnh còn biến, thang thuốc cũng phải tùy theo bệnh mà gia giảm, chứ không phải để y như trước hoài đặng... Ấy là một ví dụ cho ta để hiểu cái lẽ tùy thời...chớ chẳng phải nói rằng hết thầy kinh sách là chỉ đúng cái phương pháp diệt khổ. Nếu còn một mảy tư tâm thì dầu cho kinh sách ấy của Phật hay Lão, cũng không giúp ta giải thoát bao giờ...(Thuở nay con người lầm về chỗ nói nơi chương nầy và cũng bởi không hiểu cái chủ nghĩa của Lão Trang nên chỉ thường gọi rằng Lão là ích kỷ, là phiếm thế. Trong lúc Khổng Tử ra dạy đời, Lão bỏ đời mà đi. Kỳ thật Lão nào có bỏ đời..Ngài thuyết cái lý Vô Vi, nên tự mình không chịu dụng tâm đem lý thuyết mình mà nhét vào óc người...Ngài viết bộ sách Đạo đức kinh cũng không vi tư ý chi. chỉ làm vì làm, một cách tự nhiên. Nếu Ngài dụng tâm mà đem lý thuyết mình hạn chế nhân sinh như Khổng phu tử, thì thành ra Ngài làm ngược với chủ nghĩa của Ngài hay sao? Bởi vì ông hiểu cho tận lý Đạo Ngài, mà người cho Ngài là không thương đời, yếm thế, xuất tục...Ngài cũng không quan tâm đến chỗ thiên hạ biết hay không biết đến Ngài. Làm sao gọi là ích kỷ? Huống chi Lão Trang đã không cho đời là khổ thì lấy gì để mà duyệt khổ mà hạn chế cái phương pháp tuyệt đích cho nhân sinh?)

Và lại, cái khổ không có thật, như bệnh vậy. Ta có thể gọi rằng: không có bệnh, chỉ có người bệnh mà thôi. Tỉ như cái bệnh làm biếng, tuy có cái tiếng mà không có sự thật. Hai người cùng mang một bệnh làm biếng, không thể cùng lấy một phương thuốc cùng trị cho đặng. Người thứ nhất, làm biếng vì làm việc nhiều mà không biết cách dùng đúng thì giờ; người thứ hai, làm biếng vì yếu đuối, bạc nhược. Hai chứng bệnh không đồng một nguyên nhân, cách trị liệu không thể đồng một cách. Có phải thật sự thì chỉ có người bệnh mà không có bệnh chẳng vậy? Cái khổ cũng một thế. Ta có thể gọi rằng: chỉ có người khổ mà không có cái khổ, thì những phương pháp diệt khổ của thánh nhân để lại xưa nay, sao dám đem nó làm cái lẽ tuyệt đối mà hạn định nhân sinh dường ấy! Cái lầm này, xưa nay đã làm hại nhân loại không phải là ít. Độc giả ai là người nhiệt tâm về sự phổ độ cũng nên suy nghĩ lại cho chính, kéo muốn cứu người mà giết người, vô tình đem cái thuật độ nhân mà hại nhân vậy.

~0~0~0~0~0~0~0~

H. TẠO HOÁ

Về quan niệm Tạo hoá, kẻ còn sống trong Bản ngã, lấy cái Ta làm tâm trung điểm cho hành vi, trí thức, thì tất nhiên công nhận hoặc tự tạo ra cái thuyết Hóa Công thần chủ cho

rằng vạn vật có đây là do nơi một đấng Hoá Công. Lẽ ấy chẳng qua là cái quan niệm chấp ngã trong cảnh tương đối mà chuyển di qua cảnh Tuyệt đối hư vô...

Kẻ cho mình riêng với vạn vật, thường tưởng tượng Tạo Hoá là một đấng riêng biệt với vật thọ tạo, như mình riêng với vạn vật chung quanh mình vậy. Bởi ta cho ta là riêng với Vũ trụ, tự nhiên cho rằng Vạn vật có đây, phải có người tạo, có người làm chủ. Thật vậy, kẻ ích kỷ, thường tình cho ai cũng ích kỷ, người nhân thường tưởng cho ai cũng nhân... Cho nên kẻ còn Chấp ngã thường cho rằng Trời cũng là một vật riêng biệt với Vũ trụ - một cái Ta, nhưng lớn vô cùng vô tận... Có dè đâu, hễ là cái Ta thì dầu có lớn vô cùng đi mấy cũng vẫn là cái Ta, mà nhỏ bực nào đi nữa cũng vậy. Hễ là cái Ta thì ở đâu cũng là cái Ta, nghĩa là bất toàn, hạn định, hẹp hòi... Lại nữa cái Ta là giả, thì đấng Hoá Công cũng chưa chắc là có thật..

Đã gọi là Hoá Công thì Toàn Năng, Toàn Trí, Toàn Thiện, Toàn Mỹ, nhưng sao lại sanh ra một vật bất toàn năng, bất toàn thiện, bất toàn mỹ như Ta đây? Có thể nào một đóa hoa thơm mà sanh ra mùi hôi đặng chẳng? Lẽ nào cầm quyền sửa trị, toàn năng, toàn lực, tự do muốn tạo cách nào cũng đặng, lại phải lập cách sửa trị hành phạt, hăm he hay khuyên lon tương lệ, phải dụng tâm mà cải hoá? Thế thì cũng như ta, chớ sao lại gọi là Toàn năng, Toàn lực..? Trả lời câu hỏi này, có kẻ nói rằng nếu muốn, thì Tạo hoá sẽ sanh con người có Công?? Trả lời như thế, thật như đứa trẻ thơ, nói cho có nói, chớ không có nghĩa lý gì cả.

Phái Cơ đốc giáo cho rằng Trời sanh vạn vật vì lòng Bác Ái. Trời, thì tự bản tự căn, song bản tánh là Bác Ái. Bởi Trời là Bác Ái cho nên phải tạo ra nhân vật để có mà thương, vì lòng Bác Ái của Trời thì vô biên vô lượng... Có phải là ta dụng tư tâm mà bày ra cái thuyết ấy chẳng? Có khác nào, khi ta thương, phải có một người cho ta thương, nghĩa là có nhĩ ngã, chủ quan, khách quan mới đặng. Thế nên, Trời là Chủ quan, tất phải có Vạn vật làm khách quan... khôn khéo thay cái trò tuồng của Bản ngã!

Phái Phật giáo (Thông thiên học bây giờ) lại cho rằng, có một cái Chân Như tuyệt đối lúc chưa có vạn vật thì một mình trầm tĩnh hư vô, tịch mịch lắm. Chợt trong một lúc Vọng niệm, Ý Chí phát chuyển gọi: “Ta muốn có muôn loài, Vũ trụ hằng hà, Ta muốn biến ra thiên hình vạn trạng..” Tức thì Vạn vật phát sinh, hiện tượng trùng trùng... Lẽ ấy dụng ròng Ý chỉ làm căn bản, như phái Cơ đốc giáo dụng ròng Tâm Cảm làm nguyên động lực vậy.()

Đạo học Á Đông vì lẽ nói trên đây, dụng ròng Ý Chí làm gốc cho trí thức và hành vi... nên phương đông thường có bọn Đạo Sĩ chỉ dụng thần thông phép tắc để làm chuẩn tắc cho hành vi và sự học của mình về Đạo. Những Phái Phật, Lão là những phái siêu hình học

rất tuyệt luân, mà lâu đời lại phải chuyển thành một cơ quan Huyền bí luyện đơn... Sự biến thiên về khoa Thần thông phép tắc ấy, do nơi cái quan niệm siêu hình của Á đông, cho rằng Đạo chuyển thành Vũ trụ nhờ dụng Ý Chí mà thành. Con người muốn hợp với hành động của Đạo, phải dụng Ý Chí chuyển thần thông... như Đạo vậy mới nên... Đó gọi là thuận Thiên lý.. Còn bên Âu Tây, triết lý thường dụng chữ Ái làm gốc cho hành vi, tư tưởng... vì Trời hoá sanh vạn vật cũng vì Bác Ái, nên chỗ học và cách sinh hoạt củ học củ về Nhân từ, chỉ dụng Tâm Cảm hơn Ý Chí.

Dẫu hai phái ấy có khác nhau về mặt trừu tượng, nhưng cũng đồng một quan niệm Hoá Công. Gọi rằng Chân Như thì Toàn lực, Toàn năng nhưng phải còn dụng lực, dụng công chuyển thành tạo hoá thì tất phải có dùng Năng lực riêng là Ý Chí, nghĩa là phải có một cái sức rắng mới được. Còn rắng sức mà hành động, thì sao còn gọi Toàn lực, Toàn năng cho đặng. Hễ còn rắng là còn thiếu, mà Chân Như thì toàn bị như thế có hợp lý chăng? Còn hữu ý, nghĩa là làm, mà còn phải cần có một tôn chỉ chi chi... thì không sao gọi là Toàn Mãn cho đặng nữa! Có phải tại do nơi cái quan niệm Tư tâm của Bản ngã ta chuyển di qua, mới có nảy sanh trong trí con người cái thuyết Tôn thần quyền như trong xã hội, con người còn tồn tại cái thuyết Quân quyền chăng? Bởi còn phân Nhĩ ngã mới có phân giai cấp, đặt lễ nhạc để giữ gìn trật tự lại... như trong nước có loạn mới có bày ra Nhân, Nghĩa, Hiếu, Đễ, đặng nói lại cái dây Hoà Ái đã mất (Có kẻ sẽ nói: “Bây giờ sự đã lỡ rồi, phải dùng Nhân Nghĩa để chế tiết tư dục, giữ lại trật tự, chớ không thể nào bỏ đặng...” Nói thế cũng phải, nhưng đó là để đỡ bớt cho qua buổi, chớ không phải là cái phương pháp hay vậy. Cái hại càng ngày càng sâu, cái khổ càng ngày càng tăng. Tự mình phải diệt lấy khổ cho mình trước đi, thì Nhân loại vì đó sẽ hết khổ, vì Cá nhân tức là Nhân loại vậy. Đau mà uống thuốc là muốn cho tuyệt sự đau, chớ đau mà uống thuốc đỡ bớt đau lúc đau này... thì không phải gọi là uống thuốc) Ấy cũng bởi ta làm cho loạn ly, nên phải tìm tâm mà sửa đổi. Ta chớ có làm lẽ ấy mà chia vạn vật ra giai cấp và lấy theo tư tâm mà cho Trời là đứng Quân Chủ: thánh, thần, tiên, phật... là những kẻ thế mặt trời mà cai quản chúng ta... Cho nên, hễ còn giai cấp tức là còn loạn ly, phân tư với nhau, mà nếu Trời, Phật, Tiên, Thánh còn giữ giai cấp thì ra cũng chưa phải là hiểu Đạo vậy.

Lão tử có nói: “Đại Đạo phế, hữu Nhân Nghĩa” -Đại Đạo mất rồi, mới có bày nhân nghĩa. Có Nhân Nghĩa tức là có Nhĩ ngã, mà có Nhĩ ngã mới có bày ra giai cấp (Xem chương “Bản ngã siêu hình” trong quyển “Toàn Chân Pháp Luận” của tác giả)

I. VÔ VI

Cái vấn đề Hoá Công vì lấy theo quan niệm Bản ngã mà xét, nên không hề giải quyết đặng. Cái Ta đã là ảo vọng, thì đấng Hoá Công cũng là huyền mộng...

Theo quan niệm Vô ngã thì lấy cái thuyết Vạn Vật nhứt thể làm hạn với Chân lý. Tuy thuyết ấy có nhiều phái phân biệt, song đó là do nơi trình độ con người mà biến thiên chút ít, chớ đại ý thì cho Vạn vật trong Vũ trụ đây chẳng qua là cái hiện tượng của Chân Như, vẫn đồng nhứt lý.

Ví như, mặt trời có ra, nhờ ánh sáng và sự nóng (Đây là ví dụ lấy theo sự thường thấy mà nói cho dễ hiểu chớ không phải lấy theo khoa học mà nói. Khoa học bây giờ người ta lại tìm mặt trời thì lạnh và tối...Hãy xem cuốn La Terre et Nous pa G. Lakbowsky). Ánh sáng, sự nóng là cái hiện tượng của mặt trời, không thể gọi rằng mặt trời tạo ra ánh sáng và sự nóng. Tạo ra, tiếng ấy hàm chỉ rằng mặt trời và ánh sáng là riêng nhau, chẳng phải một. Tạo ra, tức là lấy một vật ngoài mà làm, mới gọi được tiếng ấy; chớ một món nó là mình, mình là nó, thì sao gọi là tạo cho đặng. Tạo, tức là mình thiếu mới tạo thêm ra, cho nên Toàn mãn như Đạo mà gọi là tạo ra, thì rất vô lý...Mặt trời, tức là mình thiếu mới tạo thêm ra, cho nên Toàn mãn như Đạo mà gọi là tạo ra, thì rất vô lý...Mặt trời, tức là hàm ý sáng và nóng. Được gọi là mặt trời phải có đủ mấy đức tính ấy gồm lại. Chưa hiện ra là Đạo, hiện ra có hình sắc là Vũ trụ...Tuy nói thế, là dụng cách phân tích mà học, chớ kỳ thật Đạo là Vạn Vật, không riêng biệt với Vũ trụ, nghĩa là Sanh ra vạn vật. Cái Có đây, là cái tự nhiên của Đạo, như cành bông nở, như hạt giống nứt mộng biến thành cái cây vậy. Cái hạt giống, ta có thể ví như Đạo. Trong đó lúc chưa mọc thành cây, nó đã có đủ Toàn thể của cây rồi. Hạt giống là cái cây như Đạo là Vũ trụ, khác nhau một tĩnh, một động mà thôi. Vạn vật có ra đây là vì có, như gió thổi thì thổi, chim thì kêu, cây thì mọc..một cách tự nhiên chớ không phải vì một tôn giáo chủ, tư ý mà thổi, mà kêu, mà mọc; nó không thể không như vậy cho được, ấy là cái tính của nó. Những hành động ấy, đều gọi là hành động vô vi nghĩa là làm mà không vì chủ nghĩa, vì mục đích chi cả (Tiếng Pháp gọi rằng: Agir et pourtant ne rien faire. Agir, nghĩa là

làm mà không mục đích chi. Faire cũng làm mà có chủ nghĩa) lại cũng không hay rằng mình làm là có làm nữa.

Lão giáo có nói: làm, mà còn biết rằng mình làm, cái làm ấy rất thô bỉ, chưa gọi là hoàn toàn (Xem chương Hữu Tâm Vô Tâm trong quyển này và chương Hành vi hoàn toàn trong quyển Toàn chân Pháp Luận sẽ in sau)

Ấy vậy, người Quân tử theo quan niệm vô ngã thì làm, vì tự nhiên phải làm. Kẻ còn Bản ngã thì làm chi, cũng dụng tư tâm, phải luôn luôn có một cái lợi chi để làm chủ động cho hành vi mình. Hành vi ấy không giống với hành vi tự nhiên của Đạo, chỉ có kẻ thánh trí mới am hiểu được cái nghĩa toàn mãn vô vi của Đạo mà chuyển di lẽ ấy qua hành vi của mình, nên mới thuận với Đạo mà thôi. Cho nên hành vi họ rất tự nhiên mà hành vi kẻ có Bản ngã thì vất vả miễn cưỡng. Cành bông nở một cách sung mãn tốt đẹp là khi được nở một cách vô vi..., nếu phải còn có người phục sức hoặc dụng cách truyền khí cho mau nở...thì dầu có nở, cũng không đặng tốt đẹp bằng hoa kia nở một cách tự nhiên.

Có sống được là nhờ nô lệ lấy ngoại lực mà thôi, thì cái sống ấy không còn gọi là cái sống tự nhiên cho đặng nữa.

Con người cũng vậy, sanh ra không đặng sinh khí vũ trụ chuyển tiếp với mình, nghĩa là sống trong cái sống tư, lìa với cái sống chung của Vũ trụ, giống như cây mọc phải trên đất khô nắng cháy, không tiếp xúc được với luồng sinh khí đất, đứng cheo leo riêng biệt với cái sự sống của kiền khôn, nên phải héo khô, ủ dột...Con người đứng riêng với Vũ trụ, thì hoạt động không còn chỗ toại sinh tự nhiên của Chân tính. Phải cần có Nhân, Nghĩa, Từ bi, Bác Ái, có lời khuyến khích tương lệ, có tiếng khen trọng mới làm được điều hay, lẽ phải. Hành vi nô lệ bản chất ấy thật là bất mãn vậy.

Đạo không sanh vạn vật, vạn vật vẫn là cái hiện tượng của Đạo mà thôi.(Có kẻ sẽ hỏi rằng : Vạn Vật là hiện tượng của Đạo. Vậy ngoài Đạo, ai tạo Nó, mới có Nó để tạo lại vạn vật...? Lại họ còn viện lẽ rằng: nói đây là lấy theo vô ngã mà hỏi...Đây cũng là cái trò tuồng của Bản ngã nữa. Vì ta còn ở trong Bản ngã, mới còn ở trong vòng thời gian, không gian; nên tư tưởng ta bao giờ cũng còn giữ cái quan niệm Thời gian và Không gian. Bởi thế mới hỏi: Ngoài Đạo còn gì...? Trong lòng hãy còn bị cái hạn định của thời gian nên cứ tưởng tượng cái Trong,cái Ngoài, cái Trước, cái sau...luôn luôn.. Lại nữa, đã nói rằng Đạo là Vô thi Vô chung mà còn hỏi ai tạo? thì ra cái bản ngã của ta cũng chưa diệt đặng, nên nó lặn, mọc hoài mà ta không dè...Ấy là chỗ lằm của độc giả phần đông) Đạo là Vô Vi, cho nên con

người hễ toàn đức, toàn thiện thì tự nhiên sẽ có điều hay cho nhân loại. Hễ ta được đầy đủ rồi, tất nhiên phải xuất hiện cái hay đó một cách vô tâm. Ta chớ dụng tư tâm ép buộc nó làm sai với cái lẽ tự nhiên.

~o~o~o~o~o~o~o~

L. TẾ ĐỘ QUẦN SINH

Thông thường hễ gọi là người đạo đức thì phải lo tế độ quần sinh, giúp ích cho nhân loại, nghĩa là phải thi ân bố đức. Vì bởi cho rằng con người đang chìm đắm trong sông mê bể khổ, cho nên, ta là người thấy chút ít Chân lý phải ra tay tế độ, phận sự ta là phải ra dạy dỗ đời...truyền bá cái ánh sáng của mình...Nên hễ đọc được bộ sách chỉ thích ý mình hoặc mê mẩn về một tôn giáo hay lý thuyết thì tức khắc bôn chôn đem hô hào cổ động...Chớ dụng tâm hăm hở ấy sai với lẽ tự nhiên của Trời Đất.

Lấy theo quan niệm Bản ngã, thì ta tưởng ai cũng như ta, chớ không hay rằng con người ai ai cũng có cái cá tính riêng biệt. Cho nên, kẻ nào không đồng một quan niệm với ta đều không trùng với lẽ phải. Kẻ học Phật muốn cho ai ai cũng theo một quan niệm với mình, người học Lão, hay học Khổng cũng đều cho ai không đồng một quan niệm với mình là sai cả (Trang 268 Mumero 6, Mars 1930 Bulletin des Etoiles có nói: Servir le monde, c'est souvent nous mêler des affaires d'antrui. Nous voulons changer le monde, mars selon notre ideal, selon notre conception du Bien et du Mal (Giúp đời, ấy chẳng qua là ta dụng tâm xen vào việc kẻ khác. Ta muốn hoán cải đời, nhưng cải là hoàn cải theo cái quan niệm riêng của ta về lẽ phải đều quấy mà thôi)

Bởi muốn cho ai ai cũng theo một tư tưởng với mình, mới có bày ra những phương pháp, những cơ quan phổ độ, chẳng qua là mình cho rằng đều mình tư tưởng đây là phải, là đúng; hạnh mình đây là toàn.

Ta phải biết rằng, một việc ta gọi là phải, vị tất là hay cho kẻ khác, một việc của kẻ khác làm, ta cho là quấy cũng vị tất là đã có hại cho họ. Ta ăn ngon, ta muốn cho kẻ khác cũng khen ngon, nếu họ có chê, ta sẽ gọi là sai lý thật hay sao? Chỗ ta cho là phúc, người gọi là họa; chỗ ta gọi họa, người cho phúc. Ta cho rằng chỗ nô lệ vào luôn ra cúi là sang, người cho đó là hèn (Sự Phải, Quấy, là một lẽ tương đối, ta lấy cơ nào mà gọi sự ta cho là phải, cũng phải đối với kẻ khác? Phần đông, ngày đêm mài miệt, để hết tâm huyết vào sự “đem kẻ khác vào một phạm vi của mình”, tức là đem cả Trí lực để dạy dỗ kẻ khác, đem những quan

niệm về lẽ Thi, Phi theo sở kiến của mình, nhét vào đầu kẻ khác...Họ chăm nom đào tạo nhân loại làm một giống nôm sống như họ vậy. Rồi tự lượng, gọi cơ quan của mình là cơ quan phổ độ, cứu thế...Họ chỉ thấy họ, những điều chi Hay cho họ, là Hay cho kẻ khác...Họ vẫn thương người thật, nhưng khác nào đứa trẻ kia bắt con cá bỏ lên bờ khô rồi nói rằng: “Tội nghiệp mây ở dưới nước làm sao thở đặng, chắc ngộp lắm...Tao làm phước cứu mây khỏi nước...” Cá lên khô, cá chết, nó than: “Tội nghiệp, chỗ khô của mây, mà mây vẫn vui, vẫn chịu sống làm thân thủy tộc. Tao muốn đem mây lên cõi quang minh chánh đại thông thả tự do, mà mây không chịu sống...Than ôi! Bởi nhà người Ngu mới chết vậy”. Đó là tại nơi Ta không lấy cái lý Nhứt quán (toàn thể) mà xem, mà lại chỉ cố chấp trong chỗ tư tâm của một phần tử mà luận. Đó là có Tâm mà không có Trí vậy. – Hãy xem Lẽ Cảm Sinh và Dịch Hoá trong bộ Toàn Chân Pháp Luận)

Cho nên, chỗ ta quý trọng, cho là đạo đức, vị tất là chỗ mà kẻ khác cũng quý trọng, cũng gọi là đạo đức. Mà cũng không chắc rằng chỗ của ta là đúng lý hơn của người (có kẻ sẽ hỏi: Rằng không chi là bạn định đặng Thành thử văn chương học thuật cũng không lấy gì làm quy tắc sao? Đó là một việc thông thường, con người muốn trao đổi ý kiến với nhau cho khỏi chỗ hiểu lầm nhau phải tạo bày ra cơ giải ấy, như đồng bạc ta hạn giá có là bao nhiêu cốt để thông dụng bên ngoài...Chớ về mặt tâm lý thì khác hẳn, ta không thể hạn định bao giờ đặng –xem quyển “Toàn Chân Pháp Luận”: “Đạo là cái lý thực nghiệm của từng người, rất khác với những cơ quan hình thức cốt mưu đồ sự an ổn cho xác thịt, cho cách sinh hoạt về phần vật chất...”)

Con trong nhà, thầy đều yêu mến cha mẹ. Nhưng đứa thì ta gọi là hiếu tử, vì mỗi tháng đem tiền về nuôi cha mẹ, còn đứa thì ta gọi là bất hiếu vì nó không nuôi cha mẹ đặng. Hiếu là tình, mà tình thì vô hạn và cũng tùy theo tâm tánh riêng của mỗi đứa; thế mà ta lại đem cái tình ấy hạn định giam hãm vào một cái lý hẹp hòi bó buộc (như trong Hiếu Kinh) để ép buộc con người phải làm một bộ máy vô hồn, chỉ quay cuồng theo một cách thức tiền định kia, mới gọi là Hiếu, thì ra sai với lý tự nhiên lắm!

Trước kia, đã có lấy vườn hoa làm thí dụ, nay lập cho rõ rệt thêm một phương diện khác. Trong một cảnh huê viên có đủ các loài hoa. Bông hường quên cái lý Toàn thể, dụng tư tâm, cho sự đẹp của mình là Tận Mỹ, nên tự lập ra một cái luật riêng để hạn chế các thứ hoa thảo khác, lại tự xưng rằng vì lòng Bác Ái vì dạ Từ Bi, muốn cứu khổ cứu nạn cho quần sinh; bởi nó cho rằng các thứ hoa kia vì còn mê nên không biết cái chỗ bất toàn của

mình...như bông sen phải mọc dưới bùn, bông tử la thì hoa phải núp dưới lá...Đó là chỗ sai lẽ tự nhiên. Nó thương hại cho những hoa thảo kia sống trong chỗ hèn hạ mà không hay. Thế thì, bây giờ nó phải lấy cái chi làm mô phạm nhứt định của sự Tận Thiện, Tận Mỹ đó? Nó lấy Nó...Ép các thứ hoa khác phải chịu, uốn thân, vát vả cái tính tự nhiên của mình đặng hoá thân thành hoa hường cả...Thật là một điều quái dị hết sức. Cái hoa vì bị uốn mình, ép uổng tinh thần, bó buộc cái tính bản nhiên của nó, để thành một vật không phải nó nữa, nên phải trở nên tàn tật, héo rũ, hư hỏng...Thế mà, khi các loài hoa bị đau đớn vát vả...loài hoa hường lại đứng trên cao, hoặc ngó xuống mà lắc đầu, chép miệng than: “Tội nghiệp chúng sanh vẫn khổ luôn luôn, mà không đủ sức giải thoát...” Có dè đâu khi xưa, những bông hoa kia đang sống toại sinh trong cái lạc phúc riêng của chỗ sinh hoá tự nhiên, kể bị rũ quyền, áp bức mà quên mất bản căn...bôn chôn hăm hờ dụng tư tâm để trở nên cái Tâm Thiện Tận Mỹ của kẻ khác, cho phải khổ sở muôn phần. Kết quả, chỉ làm hư hỏng cái Bản Tính tự nhiên của mình. Lỗi ấy do nơi chỗ dụng tâm của Hoa Hường mà cũng do nơi chỗ lầm lạc của tư dục của các hoa..(Xem bài “Cây Bách Thọ” nơi chương Phụ Lạc quyển Toàn Chân Pháp Luận)

Phình phớ thay, những chữ Từ bi, Bác ái, Tế độ quần sinh...!

Tên nông phu kia, bởi thấy lúa mình lâu lớn, muốn giúp cho mau hơn, nhóm gốc lên một tác...Qua ngày sau, than ôi! một đồng rộng mênh mông và xanh um buổi trước, nay đã thành một đám cỏ phai vàng ủ dột...Tấm lòng nhiệt thành của tên nông phu không phải là giả, nó quyết lòng giúp cho lúa mau lớn...Cái bụng Ham làm Phải ấy, ở đời cũng lắm người rất nhiệt tâm về sự phổ độ chúng sanh, mà tiếc vì cái bụng nghĩ không cùng sự lý, làm trái với lẽ thiên nhiên, thành ra tạo lắm điều hư hỏng khổ sở hơn là mưu đồ sự hạnh phúc cho nhân sanh. Muốn giúp hãy giúp như vùng Thái Dương, chiếu vạn vật...Giúp mà không ép uổng nên gọi làm mà không làm nghĩa là không tự ý. Nhờ ánh sáng của Thái dương mà trăm bông đua nở, nhưng hoa lan không vì hấp thụ ánh sáng Thái dương mà nở hoa hường hay hoa lý...Kẻ chỉ nhân giúp đời lấy cái tự nhiên mà giúp cái tự nhiên, không dụng cái nhân tạo mà giúp lẽ thiên nhiên bao giờ. Như anh nông phu kia, muốn giúp lúa cho mau lớn, mà biết dụng lẽ tự nhiên giúp cái tự nhiên thì không bao giờ dụng tâm ép buộc lúa bằng cái sức người của anh mà anh nên lấy nước tưới thêm, lấy phân bón thêm, lấy những sức thiên nhiên để bồi bổ thiên nhiên, thời kết quả sẽ khác trước kia, lợi mà không có hại vậy.

Thế nên R.M. Pedretti mới nói: “Cái bụng ham làm phải, tạo cho nhân sanh nhiều điều đau khổ hơn hết”

Tóm lại, giúp, muốn giúp nhân loại một cách tự nhiên, trước hết phải để cho nhân loại tự do, hoặc làm thế sao cho nhân loại đứng chỗ tự do sinh hoá, tức là phải lo giải thoát lấy ta trước đã, rồi ta mới có thể giúp ích cho đời một cách tự nhiên.

Xã hội là gì? Là hết thảy cá nhân hợp lại. Vấn đề Xã hội, là vấn đề Cá nhân. Cá nhân sướng, Xã hội sướng. Cá nhân khổ, Xã hội khổ. Sự tự nhiên sinh hoạt của cá nhân, là sự tự nhiên sinh hoạt của Xã hội vậy. Xưa kia, ta lấy Xã hội làm cái cốt cho cá nhân; ngày nay, trái lại, ta phải lấy Cá nhân làm cái cốt cho xã hội...

Nói thế, không phải bảo Cá nhân đừng tùy nhân loại vạn vật (Đừng làm lộn Nhân loại Vạn vật với Xã hội. Xã hội là của Nhân tạo), cứ đi tách riêng một mình một ngã. Không! Ta phải lấy toàn thể làm cơ bản cho hành vi, tư tưởng...rồi cứ do đó mà luân chuyển theo lẽ Biến hoá của Vũ trụ. Nói rằng Xã hội phải chuyển theo Cá nhân, chẳng phải bảo Toàn thể Vũ trụ biến chuyển theo cá nhân. Xã hội đối với cá nhân là một món cụ khí của Cá nhân tạo ra, để mưu lấy cái sự an ổn về vấn đề vật chất như ăn, mặc...Xã hội lôn luôn vẫn là cái đoàn thể; cái cơ quan của Cá nhân tạo ra. Còn Toàn thể Vũ trụ thì biến hoá luôn luôn, ta do nơi Đó mà ra, nên ta phải do nơi Đó mà luân chuyển, sinh hoạt. Cũng như Xã hội do nơi Cá nhân mà có, nên phải thuận biến sửa theo cá nhân. Một cái Văn Minh riêng biệt, tất là một cái đoàn thể của một đám cá nhân đồng một trình độ, một phong giáo với nhau. Cho nên, nếu trình độ của cá nhân có tiến lên, thì Xã hội đó cũng phải tiến theo lên. Bởi ta làm, lấy Xã hội làm gốc, nghĩa là lấy ngoài làm trong, nên mới có những thói câu nệ, chấp nhất, bo bo lo thu góp những lập luật, chế độ phong hoá, luân lý, tạp tục cũ rích của một Xã hội đã quá thời rồi, làm cái quy tắc tuyệt đối, hạn chế cá nhân. Cũng chẳng khác nào, tên thợ kia, lấy mình làm nô lệ cho cụ khí của mình đã tạo ra, quên rằng mình tạo ra cụ khí ấy chẳng qua để giúp cho tiện việc mình làm. Nếu công việc gặp phải buổi đòi hỏi khác mà ta cứ bo bo giữ cái cụ khí cũ kia hoài...thì nông cuồng lắm! Cá nhân, tạo ra Xã hội, tức là để làm món lợi khí, một cơ quan để mưu đồ hạnh phúc chung về nỗi sinh nhai vật chất của mình...Bởi vậy Xã hội phải thuận biến theo Cá nhân, còn Cá nhân phải thuận biến theo Toàn thể Vũ trụ.

Trong một khúc Hợp tấu nhạc, tuy cá nhân có quyền tự do độc tấu đủ cách điệu sở trường của mình, song miễn biết thuận biến theo cái phong vận của Toàn thể, thì đã không hại đến cái Hoà khí chung mà lại càng thêm hay thêm ngộ...Trong một khóm đèn ấy, không ai có quyền phạm đến cách điệu tự do của người khác. Phải kính lấy cái Cá tính của mỗi người (ta chớ làm Cá tính đây với tư ngã) (Cá tính tất là cái tự do sinh hoá của Bản tính riêng

của mỗi người, còn Bản ngã thì làm chi cũng theo Tư Ý không sá kể gì đến Toàn thể. Hai lẽ ấy khác nhau rất xa... Học giả chớ nên lầm lộn. Nhiều kẻ thanh niên vì quá cảm kích cái chủ nghĩa tự do sinh hoạt của cá nhân, mà thành ra sai lầm với chủ nghĩa chánh của Đạo. Vì không hiểu đến chỗ cùng tột của lý Thiên hình và Nhất Quán, nên mới dụng tâm sống chỗ Tự Do của cá nhân không quan thiết gì đến Toàn thể cả... Đó là cái nạn thiên lệch của phần nhiều học giả vậy) nhưng ta chớ quên để mắt xem đến Toàn thể luôn luôn (Xem mục Tình và Lý trong quyển Toàn Chân Pháp Luận của Tác giả)

Tuy nhiên ta nên biết rằng, thời bây giờ là buổi phong trào cải cách rất sôi nổi, nam nữ thanh niên, rất phản đối những cổ lệ ông bà, những khuôn khổ eo hẹp của tiền nhân về mặt luân lý... quyết đập phá cả nền tảng xưa kia... Đó, là cái phản động lực của một sự bị tàn phế rất lâu đời, thật đáng khen, nhưng tiếc thay, họ chỉ có phá cái khuôn khổ này, để tạo khuôn khác mới hơn, rồi giam lấy mình vào như cũ, tự lượng hô hào cổ động gọi đó là Tấn hoá. Lầm lạc lắm!

Theo họ, cái chi mới, mà cũng là do nơi mình tạo ra, là họ hoan nghinh, rồi tự ban cho cái tên đẹp để phờ phỉnh ấy. Dem cái lồng này thế cho cái lồng kia, con thú bị nhốt ở trong, có thể nào gọi mình được tấn hoá chăng? Cái khuôn mới này, chưa ắt là hay hơn cái khuôn cũ kia... mà vội bỏ, trước khi ta có cái sức sống một mình, không ỷ lại...

Thế nào thì thế, hễ là khuôn thì khuôn nào cũng khuôn... Chủ nghĩa đây, là đem tinh thần ta để di dưỡng trong chỗ vô cùng đặng biểu lộ cái bản tính thiên nhiên của ta. Ta chớ lầm những cuộc cách mạng bông lông của bọn thanh niên bây giờ với sự giải thoát của bực Chân Nhân vậy.

~0~0~0~0~0~0~0~

K. THẦN THÔNG ĐẠO PHÁP

Quan niệm Thần Quyền là quan niệm của Bản ngã. Bản ngã đã tạo ra cái thuyết Thần Quyền, tất nhiên phải tạo ra cái thuyết Trường Sinh của Linh Hồn cho rằng xác thịt mất đặng... chớ Linh Hồn sống hoài, không bao giờ mất...

Cái nỗi lo ngại về sự Sanh Tử là cái lẽ tự nhiên của kẻ đứng riêng một mình trong Vũ trụ, cho nên thường có ý sợ cho tánh mạng mình.

Bởi muốn cho cái Ta đừng mất, bản ngã phải dụng tâm tích trữ thân đoạt cho mình, để bồi bổ mình thêm, không cho tan mất...

Vì lẽ ấy, Bản ngã mới tạo ra cái thuyết Thần bí luyện đơn, cốt để sống cho lâu, diên thọ lấy cái Ta để sau khi chết, được luân chuyển, sinh hoạt trên những cõi tinh linh, thần trí... Thế nào thì thế, cái Ta cũng vẫn là cái Ta, tự nhiên một ngày kia cũng tan mất. Hễ hữu sanh, hữu diệt, đó là cái luật tự nhiên.

Bởi cho mình là riêng biệt với Vạn Vật, ta mới có thể sanh ra cái ý tích trữ thâm đoạt được, chớ không dè dặt thuộc về cõi sắc tướng của Đạo. Hễ thuộc về sắc tướng thì phải có Thi, có Chung, có Sanh, có Tử.

Ý muốn thâm trữ đã là một việc làm, lại là đều tham (Có kẻ sẽ nói: “Nếu gọi rằng Huyền diệu phép tắc là không đúng Chân lý, sao có nhiều bậc tu hành rất thần thông quảng đại. Như vậy thì Phép tắc huyền vi là có thật...” Lẽ ấy thật có, không cãi chối gì cả. Nhưng ta phải biết rằng: trong cõi đời vật chất này những bậc bác sĩ dụng tâm chế tạo ra biết bao nhiêu huyền phép, mượn vật chất cõi này làm tài liệu; thì cõi trên cũng một thế. Dầu cõi trên là cao hơn cõi dưới bậc nào, nhưng cũng thuộc về cõi sắc tướng. Hễ còn cho mình là riêng với Vạn Vật thì dầu có thâm của thiêng liêng hay của vật chất, cũng đều làm. Bởi còn phân biệt nhĩ ngã, mình và vạn vật; cho nên mới gọi rằng Thần bí luyện đơn khoa học là cái học của Bản ngã để thâm Vạn Vật làm tay sai mình). Dầu tham cách nào cũng tham. Tham về vật chất, hay tham về tinh thần cũng một thế. Tham tiền kẽm, tiền đồng, hay tiền vàng, tiền bạc, lòng tham cũng như nhau. Có thể nào ta gọi kẻ tham tiền của thiêng liêng là cao thượng đạo đức hơn kẻ tham của vật chất chẳng (Cõi thiêng liêng đối với cõi vật chất này chẳng qua như tiền vàng đối với tiền kẽm. Dầu thượng giới hay hạ giới cũng đồng một cõi sắc tướng, cũng như vàng, kẽm vẫn đồng là một loại kim. Khác nhau, chỉ khác chỗ tinh, thô mà thôi vậy)

Chẳng qua là những tiếng của Bản ngã bày ra, để phờ phính người và gạt lấy cái lòng tham ản của mình. Cũng là mình tạo ra, rồi đem mà phong cho mình.

Con người, phần nhiều hễ học Đạo thì thường để ý vào chỗ luyện đơn luyện phép để đoạt cái thần thông quảng đại đặng là chủ Vạn Vật...Kẻ suốt đời cứ để ý vào một việc tích trữ của cái thế gian để làm của riêng, cái tham của họ còn kém cái lòng tham của kẻ muốn thâm tạo hoá làm của riêng...Lẽ ấy do nơi chỗ làm của Bản ngã tưởng mình là riêng với Vũ trụ. Cái Ta, muốn cho thêm sức mạnh đặng sống hoài, sống mãi mới tìm tâm thâm đoạt; nhưng thâm đoạt làm sao cho đặng, vì một ngày kia cái Ta cũng phải tan vào bốn thế (Dầu hoá thành hoa, hay cành lá, dầu sung mãn bậc nào, đến một ngày kia cũng rụng, rồi cái sinh khí cũng trở vào cội cây để nảy sanh chồi lá khác. Nên ta sống trong cái sống tự của nhành lá

của đóa hoa thì tự nhiên phải vất vả lo sợ cho vận mạng mình. Chớ nếu ta sống trong cái Sống của Toàn thể của cái cây, thì còn có gì phải lo bận.

Thế thường ta thấy ai chứa của cải, như ruộng, đất, nhà cửa...ta cho là làm đều mơ mộng, giỏi lắm thì giữ một đời người thôi. Nhưng người thâm trử ấy có cho mình là mơ đâu, tuy biết chết là mất, nhưng cái Ta của họ, lại tạo ra cái quan niệm di sản để lại cho con, cháu...chẳng qua là một cách để diên thọ cái Ta, nên ai là con cháu đồng tông phái với ta thì đặng ăn của mà thôi.

Cái ta xác thịt có mất, thì còn cái Ta gia tộc, cái Ta gia tộc có mất, thì cũng còn cái Ta quốc gia (Có nhiều kẻ dám hi sinh tánh mạng để giữ lấy cái thình danh của cái Ta quốc gia, như những nhà Quốc sĩ liêu thân vì nước. Họ xả thân chỉ để cứu lấy Hồn quốc gia dầu có thác cũng sẽ đặng truy phong là anh hùng nghĩa sĩ. Còn coi quốc gia riêng với Nhân loại, tức là còn coi Ta riêng với Vạn Vật...nghĩa là còn sống trong Bản ngã), dầu có chạy vòng vo đến đâu cũng không thoát khỏi cái Bản ngã. Cái Ta đây, lo lắng cho linh hồn, cũng như lo cho con, cháu vậy...đến sự sống hiện tại của mình mỗi ngày đây cũng quên, không quan thiết gì đến, chỉ ưu tư vất vả cho lúc sau khi chết phải đi đâu, làm gì..? Cho nên hễ học Đạo thì thiên về khoa thần bí (OCCULTISME) cũng như khoa thần thông đạo pháp (YOGAS)...(Xem trang viết về nguyên nhân của sự Thần Thông đạo pháp)

Ta biết gọi kẻ mong làm chủ đất, ruộng, nhà cửa, tiền bạc...là làm, còn kẻ luyện phép tặc, ấn quyết thần thông..để thi hoạch của cải vật liệu trên những cõi trên đặng làm chủ vạn vật mai sau này, sao ta không cho kẻ ấy là làm? Sao họ chắc rằng những vật thiêng liêng là thật có, còn vật chất đây là mộng ảo? (Cảnh nào cũng thật, đối với lúc sống hiện tại đó. Ta không thể cho rằng cảnh trong mộng là giả, cảnh ta sống ban ngày là thật...)thiên liêng cũng thuộc về cõi sắc tướng, thì dầu sao sao cũng là vật chất. Hễ có tụ, phải có tan, có sanh phải có tử...nghĩa là hữu hình thì hữu hoại, cho nên, chưa ắt cõi trên là thật hơn cõi dưới, vì thấy cũng đều là vật chất...

Vậy thì, cái ý thu tập là làm, vì không thể thu được, cũng như ta đã thấy xưa nay, trong lịch sử thế gian hoặc trong những điều ta thấy chung quanh ta hằng ngày...

Huống chi muốn thu hoạch của thiêng liêng thì cũng chẳng qua làm một việc rỗng không ranh trẻ. Có kẻ sẽ bảo rằng: Tuy thế nào thì thế, lẽ huyền vi phép tặc là có thật. Phải! ai nào dám bảo ta là không! Kia sự giàu sang, của kẻ thế gian vật chất kia, như Thạch Sùng

đời xưa, hoàng đế Nga –la- từ ngày nay, còn có thật thay!...Thế thì sự tích của thiêng liêng, sao gọi là không thể có cho đặng? Chẳng qua ta muốn chỉ sự lầm lạc của sự tích trữ đó thôi.

Tôn giáo thường hay lợi dụng lấy cái nguyện vọng ấy (do nơi Bản ngã) nên bày ra cái thuyết Trường Sinh của linh hồn chẳng qua là một cách vọng mai chi khát rất lừa dối, chớ không giải quyết đặng vấn đề Sinh tử.

Kẻ tôn thần quyền, luôn luôn có ý tham, nhưng không dám tự nhận đó thôi. Tham mới tôn trọng thánh, thần; như kẻ thế gian vì tham Phú, Quý, Tước, Quyền mới tôn người xa mã..Trong cái ý tôn trọng ấy, có ẩn cái ý ham muốn ước ao vậy. Mà hễ có ý tôn cái này, thì tất có ý khi cái kia...Cái sự Tôn trọng luôn luôn đi cặp với sự Khinh khi (Xem bài Cây Bách thọ sau chương Phụ lục)

Kẻ siêu nhiên thánh trí không tôn ai, nên không khinh ai, (như ta đã thấy nơi chương Cá nhân và Toàn thể). Bởi không phân nhĩ ngã, nên không phân giai cấp, biết rằng dầu có đứng vào vị trí nào, cũng có cái nghĩa tôn trọng đối với Toàn thể. Thế nê, dầu nhỏ bực nào họ cũng không xem là thường, mà lớn bao nhiêu họ cũng không cho là trọng. Không lấy mình làm riêng với Vũ trụ (Ti như trong một cái cây, họ không sống trong cái lá, hay đoá hoa. Họ sống trong cái Sống Chung của Toàn bộ. Nên, là cỏ khô thì cứ rụng...sự sống cũng rút vào cây mà nảy sinh chồi lá khác) nên không lo thâm trữ chi chi, cũng chẳng cần đến huyền vi phép tắc, quảng đại thần thông làm gì, vì họ không còn sống trong tư tâm nữa...họ là Đạo, họ là sự Sống Chung của Vũ trụ...Dầu mắt đây là sống đó, mờ đây là tỏ đó...nên không vì lẽ sống thác mà lo ngại. Họ chỉ để ý có một điều là hoà hợp với Đại Toàn Thể, để làm một cùng Vạn Vật. Đó là cái phản bản hoàn nguyên, nghĩa là trở lại sống trong cái Tâm, linh hoạt đồng cùng Đạo trong chỗ trầm tĩnh vô vi, cứ chỉ lo trong lúc hiện tại sống đây, làm sao cho hành vi lúc nào cũng hiệp hoà với Đạo, thuận biến theo Toàn thể, nghĩa là không cho một mảy tư tâm dính vào, để biểu lộ cái Chân Tính một cách tự nhiên không gì bó buộc....

~0~0~0~0~0~0~0~

QUYỀN TAM

CHƯƠNG THỨ NHẤT

CHỖ PHÂN BIỆT HÀNH VI BẢN NGÃ VÀ CHÂN TÍNH

Đạo, luân chuyển vô cùng. Tâm con người là Đạo, cũng luân chuyển hành động luôn luôn, không bao giờ ngưng đọng. Ta chớ quên lẽ ấy mà cho rằng Vô Vi là không làm gì hết. Vạn vật tự hột nguyên tố đến những ngôi tinh tú, không phút nào không động... Sự Động Chuyển là cái luật chung của vũ trụ.

Bây giờ ta phải làm thế nào để phân biệt, trong những hành động hằng ngày của ta, cái nào là hợp Đạo, cái nào là sai Đạo?

Trước hết, ta phải biết rằng, hành vi của Đạo thì Vô Vi, nghĩa là làm là vô tư ý không vì tôn chỉ, hoặc để mưu cầu kết quả chi. Cho nên, khi nào trong hành động ta, ta trừ tuyệt không còn lẫn một điểm tư tâm, thì cái Đạo nơi ta sẽ được giải thoát mà phát lộ ra... Ấy gọi là được nhập lý với Đạo vậy! Cái Đạo nơi ta, bị Bản ngã bao, cũng như gà con bị nhốt trong vỏ của nó, nếu không lấy mỏ mà khè cho bể tan cái vỏ ấy đi, thì không sao ra được mà sinh hoạt tự do theo bản tính của nó đặng. Cho nên, diệt Bản ngã thì Chân tính của ta mới hiển lộ ra đặng mà sống cái sống tự nhiên của nó. Khi ấy ta gọi là được đắc Đạo vậy.

Lý là vậy, song le, diệt Bản ngã không phải là điều dễ, vì nó rất không lanh xảo quyết lặn mọc một cách rất khôn khéo, nếu ta không lấy con mắt vô tư mà xem xét thì không thể nào gỡ mặt nạ nó cho đặng. Nó thường ẩn núp theo những hành động ta gọi là cao thượng như Từ Bi, Bác Ái, Tế độ quần sinh... cho nên con người hay lầm mà sùng bái, đừng nói chi đến sự không dè mà bỏ qua.

Hành động kẻ Vô ngã và Hữu ngã thường lại giống nhau; vậy muốn phân biệt phải làm thế nào? (Có kẻ sẽ nói: “Dễ! miễn trong mỗi hành động, phải đừng cho ích kỷ nghĩa là phải vô tư lợi... là Đạo vậy”)

Phải coi chừng kéo lắm! Hành động ta, bao giờ ta chịu là ích kỷ. Có kẻ thật rất nhiệt thành, hết sức diệt cái tư lợi vật chất, nhưng cũng không tránh khỏi cái tư lợi tinh thần... Còn có ráng hết sức mình mà diệt cái tư lợi tinh thần nữa, thì lại sa vào cái tư ý, “ao ước một kết quả chi chi”... không phải dễ đúng gì. Đến bậc giàu lòng Nhân loại, yêu thương vạn vật kia, mà còn không khỏi chỗ tư tâm biệt phân Nhĩ ngã thay... Học giả chớ vội phán đoán, vội tưởng mình hiểu Đạo rất mau rất dễ như thế...)

Ta hãy lấy mặt trời và mặt trăng làm thí dụ cho dễ hiểu. Ta tạm cho ánh sáng là hành vi của hai vật ấy: một cái thì do nơi mình phát phóng ra; một cái thì do nơi chỗ hưởng ứng mà có ra. Cho nên, cái trước thì do nơi chỗ sung bị của mình mà chiếu ra, cái sau do nơi chỗ mình nhờ của ngoài mà phản xạ. Một cái thì không từng cái chi, nghĩa là tự bản tự căn, một cái thì nhận ánh sáng của vật khác để chói, nghĩa là còn phải ỷ lại vào một ngoại vật nào để chuyển.

Tóm lại, muốn phân biệt hai lẽ hành động ấy, hãy nhớ một điều này: Hành động vô ngã thì Vô Vi, nghĩa là tự động chớ không phải vì hưởng ứng. Bản ngã của ta là một cái phản quang thể, hành vi lúc nào cũng vì một tôn chỉ hay kết quả chi mới làm.

Trong đời ta, hành động hằng ngày luôn luôn vì hưởng mà ửng. Người nào, không thể làm động ta, ta không hưởng được, nghĩa là không cảm được, thì ta không ứng, tức là không thương lại. Đến khi ta giải thoát lấy tư tâm rồi, thì sự thương cùng những hành động ta sẽ đổi hẳn. Cũng thương, nhưng không mắc lấy sự thương nữa (Sự không bị mắc đây, chẳng phải vì ta cắt đứt cái dây liên ái buộc ta cùng người ta yêu, cho nên thương mà không bận. Trái lại, không mắc đây là vì ta không còn Tư tâm nữa. Ta là người ta yêu, người Yêu của ta là Ta. Dầu người mà ta yêu có không yêu lại ta, cũng không cảm xúc ta đặng..., vì ta là người ấy, người ấy là ta. Học giả chớ lầm rằng muốn thương mà không bận, không mắc là phải từ bỏ. Từ bỏ là còn phân Nhĩ ngã nữa...thì làm sao từ bỏ cho đặng –Xem bài Chí Nhân, nơi chương Phụ lục). Sự thương ấy cũng như mùi hương của đóa hoa, nó cứ phảng phất ra hoài...không vì ai mà nở, cũng không nhớ ai mà nở. Nó cũng như một luồng Sinh Khí tự nơi trong mình phát triển ra, có thể sánh với một cái đèn dọi, soi sáng mọi vật chung quanh, làm cho đẹp để vinh quang thêm, nhưng sự sáng ấy không phải nhờ đâu mà có, hoặc vì có mọi vật chung quanh mới chiếu. Nó tự nhiên chói sáng; bất kỳ vật nào ở theo làn sáng đó thì được hưởng. Hành vi kẻ tư ngã, chỉ do nơi chỗ cảm ứng với ngoại vật, cũng như mặt nguyệt, nếu không có mặt nhật thì không thể tự mình sáng chói nữa đặng. Kẻ tư ngã thương, vì muốn người thương lại, hay là bởi người đó mến mình? Nếu kẻ ta yêu không thương trả lại ta, ta sẽ thất vọng, và trở lại oán ghét, thương như thế chẳng phải là thương thật, ấy là ta thương ta mà thôi vậy.

Tự động là Sống, bị động là chưa có Sống. Trí huệ đạo đức của ta cũng thế. Nếu thật là Chân trí huệ thì không do nơi ngoài mà có. Ấy là một cái ánh sáng tự nhiên nơi trong tâm phát sanh ra(Krishnamurti phân biệt hai lẽ trí huệ:

- a. Giả trí huệ: thuộc về Bản ngã;
- b. Chân trí huệ thuộc về Chân tính.

Giả trí huệ là Trí huệ của sách vở mà ta thu thập trong óc...Chân trí huệ thì do nơi lòng, cảm được cái Lý, mà hiểu biết...)

Bởi vậy, điều quan trọng nhứt đời ta, là phải làm thế nào biến đổi lần lần những cái hành động phản ứng của tư tâm, thành ra hành động Vô Vi. Mỗi hành vi của ta, thuộc về vật chất, tình cảm, hay trí thức...phải tự Chân tính phát triển ra, chớ để ngoại vật, cảm kích, sai khiến nữa (Sự giải thoát, tức là diệt Tư tâm để biểu lộ Bản tính ra một cách tự nhiên. Bản tính ấy là cái tính thiên nhiên của ta, không bị tập quán, phong tục...chế nhiễu, mà Lão tử bảo để thả rong, đừng bó buộc cản thúc. Lúc ta muốn thi hành một sự lợi tư ích kỷ đối với kẻ khác, ta phải dụng tâm suy tính, lo nghĩ hằng ngày, hằng tháng, ta còn phải dụng sức cố gắng và quyết định, đem hết trí não mà làm, chớ không phải theo tâm tính tự nhiên. Lại nữa, ta còn phải du dự, lo sợ cân nhắc...vì những nỗi phong tục tập quán tiêm nhiễm trong óc ta xưa nay. Tỉ như, ta thấy một sự đau đớn thống khổ của con người, tức thì tâm ta cảm động, mà ta vẫn không dám làm, vì những nỗi nọ đường kia, nào là phong độ gia đình xã hội, nào là dư luận chê khen, mà ta có khi buộc phải làm trái với lương tâm. Những hành động ấy không còn là của bản tính ta nữa. Hễ còn du dự lo nghĩ, cân nhắc, thì hành động ấy mất vẻ tự nhiên của tâm tính vì ta làm đây là vì lý trí so đo lợi hại, chớ chẳng phải tâm ta thốt nhiên cảm động mà làm...). Ta phải làm làm sao, tự chuyển cái linh khí ấy, cho nó biểu lộ ra và bao trùm mọi vật chung quanh ta. Đem cái hành động, tự bản, tự căn, thay thế vào cái hành động tương quan của Bản ngã; đó là phép giải thoát lấy tư tâm một cách tự nhiên.

Tóm lại, người thánh trí làm mà không bận, không mắc vào đâu cả; cũng không phải vì người yêu mình, hay bởi muốn cho người mến mình, mà thương. Thương vì thương, như lửa thì nóng, tuyết thì lạnh...Hành vi họ, vào lúc nào cũng không phân Nhĩ ngã, nên không hề khi nào có cân nhắc đến lợi hại...Kẻ tư tâm làm vì lợi hoặc vì một tôn chỉ chi, cho nên hành vi lúc nào cũng do một cơ ngoài mà hưởng ứng, hoặc có phóng ra, là để nhận lại, nên chỗ hành động rất bần chật, câu chấp. Bởi chẳng biết biến thông theo hoàn cảnh nên không đặng thân nhiên bình tĩnh.

Trong hai cử chỉ ấy, bề ngoài tuy không thấy gì khác biệt, chớ kỳ trung, một đàng thì rất khổ sở, tù túng, một đàng lại rất ung dung khoáng đạt.

CHƯƠNG THỨ HAI

NHÂN ĐẠO VÀ THIÊN ĐẠO

“Hà vị Thiên? Hà vị Nhơn?”

Ngưu mã tử túc, thị vi Thiên,

Lạc mã thủ, xuyên ngưu tử, thị vi Nhơn.”

(Trang Tử)

“ Thiên Đạo là cái luân lý mở,

Nhân Đạo là cái luân lý khép”

(Bergson)

Ta đã biết rằng hành vi kẻ vô ngã thì không thể hạn định, chỗ biến hoá vô cùng không biết đâu lượng nổi cái nhân cách, còn kẻ hữu ngã thì hành vi thường bó buộc, câu nệ, chấp nhứt, không biết lẽ thuận ứng mà biến thông.

Bấy nhiêu cũng đủ cho ta rõ, rằng cái hành vi kẻ còn tư tâm thì hẹp hòi, chỉ biết chuyển xây chung quanh Bản ngã mà thôi. Hành vi ấy, như ta đã thấy trước kia, thì vô thần không tự bản, tự căn...Hành vi ấy, ta gọi là vô sinh khí, vì tuy có cử động thật, song không có chuyển tới một bước nào hết. Tấn chuyển tức là phải chuyển tới luôn luôn không hề thối phản. Một vật vừa tấn, thối đồng nhau như một sợi dây dài, hai đầu có hai năng lực đồng sức chỗi ngược nhau; sợi dây tuy có chuyển nhưng ký thật đứng một chỗ, không nhúc nhích chút nào cả. Ta cho ra, để thâu lại, thì cũng như không có cho gì hết. Hành vi ấy, ta sẽ gọi là hành vi chết.

Trong Vũ trụ không vật nào là không chuyển tới. Sự sống là một sinh lực phóng chuyển luôn luôn luôn. Tưởng có thối lại là một điều vọng ảo. Khoa học và triết lý ngày nay đều công nhận. Bởi vậy, hành vi kẻ vô ngã thì là hành vi sống, vì nó có tấn, không có thối phản lại bao giờ.

Ấy vậy, một cái thì đứng lại, im lìm; một cái thì chuyển động tới hoài, không bao giờ ngưng được. Hai lẽ ấy có thể nào giống nhau đặng chăng? Cái động, cái Tĩnh, cái Khep, cái Mở, cái Cùng, cái Vô Cùng không thể giống nhau bao giờ! Cái Tĩnh, mà đem Nhơn(1) cho một số vô cùng cũng không làm ra đặng một cái Động rất nhẹ. Tĩnh là Tĩnh, mà Động là Động; Mê là Mê, Ngộ là Ngộ, Bản ngã là Bản ngã, mà Chân Tính là Chân Tính...Con người

lầm tưởng rằng miễn đem một số vô cùng mà nhân cho cái Khép thì thành Mở, nhân cho Bản ngã thành Chân tính hay Trời...

Không phải: Cùng $\times \infty =$ Vô cùng

Tĩnh $\times \infty =$ Động

Khép $\times \infty =$ Mở

Bản ngã $\times \infty =$ Trời.

Kỳ thật: Cùng $\times \infty =$ Cùng

Tĩnh $\times \infty =$ Tĩnh

Bản ngã $\times \infty =$ Bản ngã

Cho nên, giữa cái Động với cái Tĩnh, không có chỗ giao tiếp, mà lại như có một vực sâu thăm thẳm phân cách nhau, không tài nào cho qua đặng. Muốn bước sang, phải chuyển một cái lực kỳ tuyệt mới qua đặng, nghĩa là hai lẽ ấy không có chỗ tương tiếp hay là giống nhau chút nào cả. Ấy là hai cái lý tương phản nhau rất xa. Hễ là một sự cùng thì phải đem mà so sánh với một vật hữu hạn, chớ không thể so sánh với một lẽ vô hạn.

Vì chỗ lầm ấy, mà xưa nay con người cho rằng: “Hễ làm rồi Nhơn đạo thì Thiên đạo (Có kẻ cho Thiên đạo là thuộc về huyền cơ, bí diệu, luyện phép, luyện đơn, thần thông đạo pháp... đặng thành Tiên thành Phật... Lẽ ấy trái ngược với ý tác giả, là con đường dẫn ta vào Đạo, để phản bản hoàn nguyên... trở lại sống trong cái sống của Chân tính... Cho nên, muốn được như vậy, phải diệt Bản ngã, là không còn cho cái Ta đây riêng biệt với Vũ trụ vậy. Nếu ta cho Thiên đạo là cái học huyền cơ bí diệu đạo pháp thần thông... thì câu Nhơn đạo rồi Thiên đạo kế bên là trùng, vì Thiên đạo ấy, thuộc về đạo lý của Bản ngã...) kế bên” nghĩa là Thiên đạo tức là Nhơn đạo mà rộng lớn hơn. Hai lẽ ấy, dường như tương tiếp nhau rất mật thiết, không chỗ nào là phân biệt cả. Kỳ thật Nhơn đạo thì lấy Trung, Hiếu, Lễ, Nghĩa... nghĩa là lấy gia tộc, xã hội, quốc gia làm tiêu chuẩn, đó là cái đạo lý của bản ngã. Hễ thuộc về Bản ngã thì dẫu có đem mà tô điểm cho đẹp đẽ thế nào, cũng không thành Thiên đạo, tức là cái đạo lý của Chân tính, cái đạo lý lấy Vạn vật Vũ trụ làm gốc vậy.

Nhơn đạo, là cái đạo lý chết, còn Thiên đạo, là cái đạo lý sống. Sống, Chết là hai cái lẽ tương phản, Bergson trong bộ sách *Les deux sources de la Morale de la Religion* (Hai cái nguyên uỷ của Luân lý và Tôn giáo), có nói: “Một cái luân lý khép với một cái luân lý mở thật là xa nhau như một động một tĩnh vậy.” (*Les deux sources de la Morale et de la Religion* là bộ sách rất quý báu, kẻ học giả không nên bỏ qua. Ý tưởng rất cao xa, lời lẽ rất trôi chảy.

Xin giới thiệu cho các bực có học Pháp văn. Muốn tham cứu tinh tường thêm nữa, độc giả nên xem tiếp quyển: Yatil denx Sources de la Religion của Loisy, để nghe được hai tiếng chuông, cho rộng đường nghe thấy.

Vì bởi không phân biệt hai lẽ đó, con người thường cho rằng lòng yêu gia đình, yêu quốc gia, nếu biết nung sức cho mạnh mẽ, lớn rộng thêm, thì thành ra lòng Kiêm Ái (thương hết Vạn vật). Lòng Kiêm Ái với lòng Ái quốc theo họ vẫn đồng một tâm lý, chỉ khác nhau một rộng một hẹp mà thôi. Thật là một tư tưởng lạc lảm, như ta đã thấy trước kia. Dầu có lớn bực nào đi nữa, cá chẻm cũng không thành cá ông đặng; Bản ngã mà nuôi dưỡng cho thật to lớn vô cùng đi mấy cũng vẫn là Bản ngã, chớ không bao giờ thành Chân thể. (Krishnamurti nói: “Le moi étant imparfait, ne deviendra jamais parfait...” -Bản ngã là bất toàn, không hề khi nào trở nên Toàn thiện đặng). Thế mà phần nhiều lại tưởng tượng một ông Thượng đế, một đấng Hoá Công như một người, một cái Ta, vì nhò tu luyện thêm cho thật mạnh, cho thật lớn mà được Toàn Năng Toàn Lực vậy.

Lòng yêu, quyết đem về cho mình, bắt đầu hết là yêu mình; rộng hơn một chút gọi là yêu gia tộc; rộng hơn nữa gọi là yêu quốc gia. Tuy có hơn kém nhau một thí nhưng cả ba vẫn đồng một tâm lý. Nhơn đạo, lấy Nhân, Nghĩa, Trung, Tín làm nền, chẳng qua để tán dương những đức hay đặng giữ gìn lấy Bản ngã, cố diên thọ lấy cái danh, cái lợi riêng, nếu không phải cho mình thì cũng là để cho gia tộc, nếu không phải cho gia tộc thì cũng để cho quốc gia mình mà thôi.

Tóm lại, lòng yêu gia đình lớn bao nhiêu, lòng yêu tổ quốc mạnh bao nhiêu cũng chẳng qua là một tâm lý ích kỷ mà nuôi dưỡng cho thêm lớn đó thôi. Nhơn đạo, là cái luân lý của Bản ngã, nhưng vì ta không biết phân biệt, mới cho nó đồng một tâm lý với Thiên đạo (Thiên đạo và Nhơn đạo đây là định nghĩa theo chữ Thiên và chữ Nhân của câu: “Nguu Mã tứ tác, thị vi Thiên, Lạc, Mã thủ, xuyên ngựa tử, thị vi Nhơn” của Trang Tử. Xem bài thu thủy nơi chương Phụ lục bộ Toàn Chân).

Đã đành rằng một Quốc gia là một cái gia đình lớn, nhưng nếu ta lại cho Nhân loại cũng như một Quốc gia lớn thì ta làm lạc rất xa...Lòng Ái quốc sinh với lòng kiêm ái cũng như một cái Khép, một cái Mở. Người yêu quốc gia không thể yêu Nhân loại; người tròn Nhân đạo, không thể tròn Thiên đạo. Hai tâm lý ấy cách nhau rất xa...Cho nên, chổ thường nhân gọi là tương tiếp, kẻ thánh trí thấy bị tương cách rất xa.

Krishnamurti có nói: Một điều bất toàn như cái Ta đây, thì vẫn bất toàn luôn luôn, dầu cho ta có làm cho nó thêm lớn, rộng ra bao nhiêu. Dem cái Bản ngã mà tăng gấp muôn phần đi nữa cũng là một điều tổn công vô ích...Hễ là tư tâm thì vẫn là tư tâm luôn, vì gốc rễ của nó đã ăn sâu vào cái quan niệm tư phân Nhĩ ngã rồi. Bởi vậy, cái Ta đây, có to lớn đến bực nào cũng là tư phân không thể đem ta vào chỗ Kiêm Ái đặng.

Những kẻ không phân biệt hai lẽ nói trên đây thường học hỏi về Đạo, hay làm bên cái đạo vị ngã, cho nên mới có:

1. Kẻ thì dụng tâm luyện phép như những phái Yogas, và những kho Thần bí xưa nay, dụng thần thông, thường gọi là luyện đạo để ngày sau trở nên một vị Thượng đế chấp chưởng乾坤 khôn, hay là để làm chủ một ngôi mặt trời nào đó...Ấy là một điều ảo vọng do nơi mấy bực đạo sĩ trên núi Tây Tạng bày ra (Theo ý mấy vị đạo sĩ này, thì mấy ông là những bực siêu nhân loại, đã được đắc Đạo rồi và được cai quản một ngôi mặt trời nào...Thật đó là một điều huyền vọng. Chẳng phải gọi rằng không có mấy vị ấy, nhưng chưa ắt mấy bực ấy cai trị ngôi mặt trời này...Như thế thì mấy ông vẫn còn tư tâm lắm, vì đó là cái phản ảnh của thuyết tôn quân quyền chuyển đi qua bên quan niệm giai cấp này...Con người chỉ bo bo nô lệ ý lại vào kẻ khác để giải thoát cho ra, quên rằng chỉ có ta độ lấy ta mà thôi)

2. Kẻ thì không nói đến việc thần thông quảng đại, suốt đời chỉ lấy cái chủ nghĩa Xả thân vong kỷ để cứu đời mà thôi. Nhưng dầu họ tự cho là Xả thân vì nhân loại, dụng tâm để làm phải luôn luôn, chẳng qua là để mưu cái công đức với đời, mót từ chút phước cho hậu lai. Bản ngã thật không xảo, thiên ngôn vạn ngữ để tự phỉnh lòng Ái kỷ của mình. Nó lặn bên này, nó mọc lại bên kia.

3. Kẻ thì học Đạo, tìm Chân lý, lại thiên qua Nhân, Nghĩa, Hiếu, Đễ, cốt lấy gia đình, Quốc gia làm chủ nghĩa, lấy Luân lý Phong tục làm cơ bản cho hành vi mà thôi. Rồi tự cho rằng: Hễ tròn Nhân đạo thì gần Thiên đạo. Lẽ ấy sai lầm lắm, như trước kia đã nói. Điều lầm lạc này học giả hãy chú ý cho lắm...

Tuy nhiên có kẻ sẽ nói rằng: “Nếu không dụng Lễ, Nghĩa thì đời sẽ loạn, không hiếu cha, thảo mẹ, ở cùng anh em không có đễ, ở với nhân loại không có nhân”. (Xem Chí Nhân, chương Phụ lục). Nói thế rất lầm. Đời hỗn loạn mới có bày ra Nhân, Nghĩa, chớ có phải vì không có Nhân, Nghĩa, Hiếu, Đễ mà đời loạn đâu. Cái lầm này xưa nay kẻ kiến thức cũng có nhiều người sai lạc, hưởng hồ kẻ vô tri thức. Trả lại Nhân, Nghĩa không phải để mà diệt cái

loạn đờc (Đại Đạo phé, hữu Nhân, Nghĩa (Lão Tử -Đạo Đức kinh); nó chỉ để chỉnh đốn cái đờ đã bị hỗn loạn cho có trật tự lại, chẳng qua để chế tiết đờ hình thức bề ngoài, chứ về mặt tâm lý con người vẫn còn hỗn loạn khổ sở luôn luôn (Bờ có loạn tâm, mới có dùng đến quy tắc chế độ). Kẻ không còn Bản ngã thì hành động vô vi, không vì Lợi, chẳng vì Danh, dầu không biết Hiếu là sao, Trung là sao, nhưng không hề bao giờ có loạn, vì kẻ đã diệt tư tâm, coi người là mình, mình là người, ắt không hề khi nào có hại cho ai. Chỉ có những kẻ thờ chữ Hiếu, trọng chữ Trung là kẻ tội nhân của sự loạn ly ngày nay mà thôi (Xem Phụ Lục Cây Bách Thọ và bài Thu Thủy trong quyển Toàn Chân Pháp Luận).

~0~0~0~0~0~0~0~

CHƯƠNG THỨ BA

TƯƠNG QUAN VÀ TUYỆT ĐỐI

Đứng trong phương diện của bản ngã, chẳng những làm cho phần đông học giả lầm lạc về những điều đã kể trước kia, mà lại đến sự tương đồng của cái lý Tuyệt đối và Tương đối, con người cũng không sao thấy rõ cho đặng.

Chỗ không giống nhau lại thấy giống, còn chỗ tương đồng như cái lý Tương quan và Tuyệt đối, lại cho là tương khác. Ấy cũng bởi ta còn sống trong cái tư tâm, nên mới hiểu lầm, thấy lạc.

Đạo thời từ bao giờ đến bao giờ vẫn là một sự động chuyển không ngớt. Đạo là sự Sống, cũng vừa là Tuyệt đối vừa là Tương đối (Đạo vừa là Tuyệt đối vừa là Tương đối, cho nên khi ta biểu lộ đặng cái Chân tính của ta rồi, ta cũng trở nên vừa là Tuyệt đối vừa là Tương đối. Tuyệt đối là ta không cho ta là riêng, khôngn thấy mình là khác với Vạn vật, vẫn lấy cái Toàn thể của Vũ trụ làm cái cốt cho hành vi, tư tưởng...nhưng trong hành vi ta thì lại có chỗ riêng biệt của ta. Đó là cái Cá tính của ta. Nó thuộc về chỗ Tương đối...Kiếm đờc vừa Tuyệt đối vừa Tương đối, là đờc Toàn Mãn vậy).

Tuyệt đối thuộc về Thể, Tương đối thuộc về Tướng (Thể, Tướng...là chữ mượn bên Phật giáo, Thể là cái Đạo, cái Lý của Vạn Vật, tức là Chân Như thường gọi là Bản thể của Vũ trụ. Tướng là cái hiệu của Đạo, tức là Vũ trụ hiện tướng..Thể thuộc về cái Lý của vật, cái Tướng thuộc về trạng thái..-Xem quyển Thể Tướng Luận, cùng một tác giả).

Cái lý của Đạo là Tuyệt đối, còn Vạn vật hiện tượng là tương quan. Đó chẳng qua là một cách trừu tượng phân tích để lý luận cho dễ hiểu thôi, cũng như lửa, sự nóng, sự sáng, đều là một. Ta không thể gọi lửa có trước sự nóng, sự sáng, thấy đều có một lượt. Muốn quan sát cho cùng tột lý trí thường dụng phương pháp phân tích để phá ra, mà nghiên cứu. Nhưng khi đã nghiên cứu xong rồi, phải nhớ rằng những phần vừa mới nghiên cứu đó tương liên với nhau, không thể tách ra được. Ấy là cái phương pháp biện chứng để hiểu cái lẽ biến chuyển của Vũ trụ (Xem học thuyết của Hegel).

Tuyệt đối đây là ý nói tự bản tự căn vô thi vô chung, bất sanh bất diệt; nghĩa là ngoài cái cặp tương đối...Đạo, tức là Vạn vật trong vũ trụ, thì lặn đây, là mọc đó, chết đây là sống đó, không tạo, không táng, mà cũng không diệt, không giảm chút nào. Toàn thể vũ trụ là thế. Nên không đâu gọi là sanh, không đâu gọi là Tử, không đâu gọi là Thi, không đâu gọi là Chung. Trái lại, nếu lấy theo Tương đối, nghĩa là lấy theo phương diện phần tử mà xem...thì mới thấy có Sanh, có Tử, có Thi, có Chung; cũng như vì đứng theo phương diện lá cây mới thấy có tán, có chết, chớ đứng theo phương diện của Toàn thể cái cây, thì không còn gọi có Sanh, hay có Tử cho đặng nữa (Xem chú giải).

Bởi làm hai lẽ ấy, ta mới thường có những câu: Lý tôi nói đây là muốn luận về cảnh Tương quan, còn lý kia thuộc về cảnh Tuyệt đối...Hay là, “Chỗ tôi học, thuộc về cảnh Tuyệt đối, còn chỗ của người khác học, thuộc về cảnh Tương quan, ..”(Annie Besant –Chánh hội trưởng hội Thông thiên học, có nói trong một bài diễn văn ngày 7 tháng 7 năm 1928 tại Sociés Theosophique de Londres: “Krishnamurti với tôi suy chủ nghĩa phương pháp rất trái ngược nhau, song le cũng vẫn nói về Chân lý cả. Krishnamurti đứng rờng bên mặt Tuyệt đối, còn ta, ta nói về Tương quan. Cả hai, chẳng qua là hai trạng thái của một cái Lý độc nhất, tức là Đạo vậy”).

Hình như Tương quan là một cõi riêng, mà Tuyệt đối là một cõi riêng khác, xa nhau tuyệt vời vậy. Nào có dè, chẳng qua đó là nói về cái lý mà thôi. Cái hại là nơi quá dùng lý luận phân tích mà không biết dùng trực giác để tổng hợp lại.

Có kẻ lại cho rằng hễ nói qua vấn đề Tuyệt đối thì không còn gì nói nữa đặng, nên cứ lặng thinh mà thôi; nào dè khi nói đến Tuyệt đối là ý bảo ta phải lấy theo Toàn thể, hoặc lấy cái lý tự bản tự căn mà luận hay xem Vạn vật...Cái điều làm lạc đây lại cũng do nơi sự quá ý lại vào lý trí.

Độc giả hãy nhớ luôn luôn rằng, một thứ tiếng dùng cho lý luận trong cảnh tương quan học giới, mà đem phô diễn lấy cái lý độc nhất của Đạo, thì làm thế nào mới xem qua, chẳng thấy toàn là mâu thuẫn..? Độc giả dùng lấy trực giác để thấu cái tinh thần ẩn phục trong hàng chữ; nếu quá câu chấp về mặt hình thức trong câu văn sống sượng của người viết đây, thì khó lòng mà hiểu rõ cho đặng cái chỗ tinh vi u ẩn của Đạo.

Đạo là toàn thể Vũ trụ luân chuyển đây. Đạo, tức là sự Sống Chung của Hoàn Vũ, không ở ngoài cũng không ở trong Vũ trụ.

Thế thì tương quan không phải do Tuyệt đối mà ra, nghĩa là Tuyệt đối không phải sanh Tương quan. Tuyệt đối là Tương quan, Tương quan là Tuyệt đối...(Chân Như tức Vạn Pháp, Vạn Pháp tức Chân Như -Phật Giáo).

Có kẻ lại cho Tương quan là Tương quan, chớ không hề thành Tuyệt đối đặng. Làm thay! Đạo không phải riêng cách với Vũ trụ. Tuyệt đối và Tương quan chẳng qua là hia lý trừu tượng mà thôi. Nói rằng Đạo là Tuyệt đối –như ta mới thấy trên đây- là muốn chỉ rằng Đạo thì tự bản tự căn, nó là Toàn thể của Vũ trụ; còn nói về lý Tương quan của nó là muốn nói về những phần tử trong Toàn thể đó, đối đãi với nhau. Nên mới có gọi rằng: “Muốn đạt lý Đạo, ta phải trở nên Tuyệt đối, hay là phải từ cõi tương quan mà vào cảnh tuyệt đối...”Đó là bảo ta phải lấy Toàn thể luân chuyển của Vũ trụ làm căn bản cho tư tưởng và hành vi, để biến thông theo, và ta phải làm sao cho hành vi ta được vô vi, nghĩa là được tự bản tự căn như Đạo vậy, chừng ấy mới biểu lộ đặng Chân tính, sống đặng trong cái Sống của Tâm ta.

Kẻ học giả thường quá thiên chấp về hình thức, về câu văn, mặt chữ, nhứt là vì không biết chỗ tương đồng, tương dị của hai lý ấy, mà cho rằng *Muốn trở về Đạo phải cho tuyệt đối, là phải để trong lòng trống không, êm lặng, lạnh lẽo, coi sự vận chuyển của dục tình, như một điều trở ngại rất lớn cho sự giải thoát của mình vậy. Đau mà uống thuốc, là để bồi bổ sức lực lại, đặng sống mà không đau đớn nữa, chớ nào phải uống thuốc, là để cho tê liệt thân thể, đoạn tuyệt thần kinh giác cảm, cho khỏi đau nữa đâu!...* Thế mà, có nhiều kẻ cho Tuyệt đối là cái mầu cứu khổ, nghĩa là tự sát lấy cái sự Sống đi, vì rằng Tuyệt đối là không còn gì nữa...Diệt hết cái dục tình (cái mối ham muốn ở trong lòng người), tức là giết chết cả sự sống của mình. Krishnamurti nói: ***“Tình dục là cái năng lực xu ta hành động. Muốn diệt lấy cái gốc của sự Áo vọng, tất phải biết cái gốc ấy là chi; ấy là tình dục. Hãy tìm hiểu cái mật ý của ta là gì, ta sẽ thấy rõ cái chi tạo ra những nỗi huyền ảo của ta. Nhưng, ta chớ nên diệt tình dục, vì nó là sự Sống. Hãy tìm lấy cái tình dục chánh nghĩa là phải tập ham***

muốn theo phương diện Toàn thể theo Sự Sống Chung của Vũ trụ; chớ chảng phải theo tư duy, theo sự Sống tư của Bản ngã. Chừng ấy ta sẽ tạo ra được thứ Tình dục không còn phải thứ Tình dục để nuôi dưỡng sự Ảo vọng nữa”.

Tóm lại, ta chớ làm tưởng rằng Tuyệt đối là một cảnh thế giới riêng biệt với Tương quan, phải sang bên này qua bên kia, như ta xuống con đò, để qua sông vậy. Ta chớ vô tình, mà chuyển đi quan niệm Bản ngã của ta qua chỗ học này. Trở lại với Đạo, là diệt cái tư tâm, để cho Chân tính đặng phiêu xuất ra, và linh hoạt tương tiếp với Toàn thể. Bỏ tương quan đặng vào Tuyệt đối, là bỏ cái quan niệm Tư ngã, bỏ cái cảnh đời Sống trong cái sống tư của mình, để vào một cảnh đời sống trong cái Sống Chung của Vũ trụ vậy. Ta mà còn tư tâm, thì mỗi đều ta tư tưởng, cảm giác hay xem thấy, đều theo lý tương quan, nghĩa là chỉ thấy đặng cái trạng thái biến chuyển của Vạn vật mà thôi, chớ không cảm, không thấy đặng cái nguyên lý của nó (Lão Tử nói: “Thường vô dục dĩ quan kỳ diệu, Thường hữu dục dĩ quan kỳ kiêu...”, Vô dục thì thấy đặng cái lý của Đạo. Hữu dục thì chỉ thấy cái trạng thái của Đạo mà thôi. Vô dục đây, tức là Vô ngã, Vô tư tâm, nên thấy đặng cái lý nhiệm mầu của Đạo. Hữu dục tức là Hữu ngã, Tư tâm, nên chỉ thấy có cái trạng thái biến đổi của Đạo mà thôi).

~0~0~0~0~0~0~0~

CHƯƠNG THỨ TƯ

A. ĐẠO LÀ SỰ THỰC NGHIỆM CỦA MỖI NGƯỜI...

Muốn tâm đắc với lý Đạo, ta phải tự thí nghiệm lấy nó, nghĩa là trước phải diệt tư tâm đi, nhiên hậu mới rõ, chớ không ai nói ra cho ta được. Đạo không phải là lý luận, Đạo là sự Sống, Đạo tức là sự thực nghiệm riêng của mỗi người. Ấy vậy, muốn được hiểu cái lý ấy, phải làm thế nào biến đổi những hành động tư tâm hằng ngày của ta, thành ra hành động của Chân tính, tức khắc ta sẽ rõ Đạo là gì, sự Lạc Phúc vô tận của Đạo là sao? Vì, cách sinh hoạt của Chân tính tức là Chân tính của ta vậy.

Có người bảo với ta rằng ngoài biển gió mát lại khoẻ lạ lùng...Họ có thể miêu tả cái mát, cái khoẻ ấy bằng câu văn thật hay và hàm súc lắm song ta chỉ có thể độ tưởng cái mát, cái khoẻ ấy, bằng tư tưởng thôi, bất quá so sánh nó với cái mát, cái khoẻ của ta được cảm hưởng lúc chiều hôm, trăng thanh gió mát đứng trên bờ sông chảy ngang làng ta ở mà thôi vậy. Nếu ta không thân hành đến tận bề, thì dầu cho có giàu sự mơ tưởng đến bực nào, mơ

cũng không đúng với sự thật được. Đạo cũng thế ấy. Có người đã đắc lý Đạo rồi, tức là đã diệt được tư tâm, đã đặng tiếp xúc với Chân lý, đã được linh hoạt trong cái Sống của Chân tính, nói lại với ta cái Toàn phúc ấy, và ra công chỉ đường cho ta đi. Nếu ta không chịu đến tận chốn ấy, tức là diệt tư tâm của ta, thì dầu có làm gì đi cũng khó bề độ nổi cái Lạc Phúc ấy trong muôn một... (Đạo chỉ toàn thể, thánh nhơn diệc man di ngữ nhơn, tu thị học giả tự tu tự ngộ -Cái Toàn thể của Đạo, đến thánh nhơn cũng khó nói cho người ta biết được, học giả nên tự tu tự ngộ -Dương Vương Minh).

~0~0~0~0~0~0~0~

B. LÝ TRÍ VÀ TRỰC GIÁC

Bản ngã thuộc về lý tương quan nên muốn hiểu biết phải dùng lý trí để so sánh... Sự hiểu biết ấy đặng có mặt hình thức rất mập mờ, quanh co ở bề ngoài, do sự so đo, cân nhắc chớ không thể suốt được đến cái chỗ tinh vi của Đạo.

Tâm, tức cái Đạo nơi ta, là sự Sống linh hoạt vận chuyển luôn luôn. Sự sống ấy tấn mãi, không hề thôi hay đứng dừng một chỗ bao giờ. Tâm ta lưu chuyển như giòng nước chảy chảy, cuộn cuộn liên tiếp ngày đêm không ngớt. Một cái tâm lý của ta trong phút trước, không bao giờ giống với cái tâm lý của ta trong phút sau... Tuy thế, nó không thể tương phản cho đặng, trước sau nó vẫn là một, dầu có luân chuyển biến đổi luôn luôn. Lý này, hơi khó hiểu một chút nhưng ta thử nhắm mắt lại và lắng nghe một khúc đờn cổ. Tuy có nhiều tiếng khác nhau kết thành, song nghe luôn câu, ta không thể nhìn nhận từng tiếng đặng, nó trước sau vẫn là một tiếng, mà kéo dài... vậy thôi. Ấy là một ví dụ cho ta dễ hiểu cái cách linh hoạt của tâm lý.

Lý trí thì chỉ nhờ phân tích ra từng đoạn, từng khúc để so sánh, mới hiểu. Nhưng, đã gọi cái Sống của Chân tính, không thể phân tách đặng, mà lại lấy sự phân tích của lý trí để khảo cứu thì làm sao mà hiểu cho đặng cái Sống ấy? Tâm ta là một cái linh khí tán chuyển luôn luôn, mà Lý trí đem ra cắt phân từng đoạn, như cắt một phim hát bóng ra từng miếng, rồi mong đem sắp xếp lại để tìm lại cái sự linh hoạt của nó... Thật, đó là một điều Vô lý! Một cái linh khí hoạt chuyển luôn luôn, lý trí bắt dừng lại, lấy một hai món để nghiên cứu, như dòng nước đang chảy mà ta múc lấy mười thùng đem lên sắp xếp lại, rồi dụng hết lý luận để tìm lại cái chảy ấy, thì có thể nào đặng chẳng. Một nhà triết học trứ danh ngày nay

nói: Cái đặc tính của Lý trí là nhờ so sánh một việc đã qua với một điều hiện tại mà hiểu biết, hưởng chi cái đã qua đối với cái hiện tại thì không thể nào giống nhau cho hết dạng, vì tâm lý ta lưu chuyển tấn biến mãi, một phút trước, một phút sau là không còn giống nhau nữa, Lý trí muốn biết dạng cái Sống, chỉ là một điều vọng ảo mà thôi (Bergson)

Trực giác tức là cái lẽ hiểu rất mau, lấy Toàn thể mà xem, không phân cắt riêng từng đoạn...Như kẻ đứng trên cao và xa Trực giác thấy được cái chảy của giòng nước. Trực giác lại cũng kẻ nhảy xuống dòng nước, rồi tự để cho lôi cuốn nên thí nghiệm dạng cái chảy đó ra sao.

Trực giác khi xem mỗi vật thì nhập vào trong, ở nơi trung tâm của vật ấy, để sống trong cái Sống của Vật ấy...Ấy là cách trực tiếp với Chân lý, chớ không như Lý trí, phải dụng cách gián tiếp, đứng ngoài mà xem. Lý trí thì phải dụng lấy phương pháp phân tích để hiểu biết, đem một vật đã qua mà so sánh với một vật hiện tại, như đã nói trên kia. Cách gián tiếp ấy chỉ biết dạng cái bề ngoài, hình thể của sự vật, chớ không thấu được cái bề trong, tức là cái Sống của nó dạng. Nếu ta dùng cách phân tích mà xem, thì ta đứng ngoài vật ấy, ta sẽ thấy vật ấy theo những phương diện riêng, tương quan với ta, tùy theo ta đi hoặc đứng. Nếu vật ấy cùng ta đồng chuyển cập với nhau, ta sẽ không thấy cái chuyển của nó, ta sẽ gọi nó là Tĩnh. Ta đứng lại, ta sẽ thấy nó chuyển, hoặc sang bên hữu, hoặc sang bên tả của ta. Ta lấy ta làm cái trụ điểm để đo lường. Thế ấy ta chỉ hiểu biết được vật ấy theo tư kiến của ta mà thôi. Nếu ta dùng trực giác để trực tiếp, thì ta không ở ngoài vật ấy, cho nên ta mới hiểu dạng cái chuyển thật của nó.

Tóm lại, Lý trí thì phân tích, cắt vụn Sự Sinh động ra từng mảnh mung cho nên những mảnh mung ấy thì tĩnh và không còn biến đổi gì nữa dạng, bởi nó đã lìa với cái Sống Chung của Toàn thể rồi. Thế nên, Lý trí, không còn biết dạng cái Sự Sống của Chân tính; Trực Giác thì ở trong cái động, sống trong cái Sống của Toàn thể, nên hiểu dạng Chân Lý. Đó là cách phân biệt Lý trí và Trực giác.

Nói thế, chẳng phải bảo rằng Lý trí là vô dụng cho kẻ tầm Chân lý. Đã biết, ta phải dùng Trực giác để đạt suốt cái lý của sự vật...nhưng muốn miêu tả lại cái Ngộ của mình cho kẻ khác, ta phải dùng đến lý trí mới được. Trách vị của Lý trí là để giúp Trực giác phô diễn lại những điều ngộ cảm của tâm linh...

Thật vậy, thường thường cái sự quá ý lại vào Lý trí làm cho ta vội vã trả lời mà không dò xét lại cho chính định, coi những vấn đề ta tự tạo và tự hỏi đó có căn cứ vào điều huyền

vọng của Bản ngã chẳng? Bởi thế cho nên, tự cổ chí kim, những vấn đề tối trọng của Nhân Sinh như luật Công Bình, vấn đề Hoá Công...sở dĩ không giải quyết đặng là vì con người vô ý, quên coi kỹ nó có căn cứ vào sự thật hay không? Lý trí và Trực giác đều có trách vị riêng và hạn định khác nhau rất xa. Lý trí thuộc về Tương quan, là phương pháp để khi Trực giác đạt suốt lý đạo rồi, miêu tả lại cái Chân lý bằng tiếng nói và lý luận của tương quan cảnh để phổ thông cho kẻ khác. Còn Trực giác là phương pháp để trực tiếp với Chân lý, nếu không nhờ ánh sáng nó, thì Lý trí vẫn là một cái phương pháp vô thần. Cho nên ta phải hiểu và biết phân biệt cái trách vị và phận sự của mỗi bản năng ấy; không vậy, ta sẽ lầm tưởng rằng: Lý trí có thể đạt suốt đặng lý Đạo, thành thử sự học của ta về Chân lý sẽ là một trò chơi giải trí của lý luận mà thôi, chớ không có sự sống linh hoạt của Đạo ở trong chút nào cả...

~o~o~o~o~o~o~o~

CHƯƠNG THỨ NĂM

HỮU TÂM VÀ VÔ TÂM

“ Vong túc, lữ chi thích dã

Vong yêu, dai chi thích dã

Tri vong thị phi, tâm chi thích dã”

(Trang Tử)

Tâm ta lưu chuyển, nhưng không bao giờ biến đổi cá tính. Mới nghe thì dường như mâu thuẫn, nhưng kỹ thật nó là một cái chân lý hiển nhiên, vì trong mỗi sự thật đều có mâu thuẫn cả (Hiểu đặng cái lý mâu thuẫn của mọi vật: ấy là thấy đặng cái lý Vũ trụ). Ví như hoa hường: Cái mùi thơm của nó, tuy có nồng nhiều hay ít tùy theo cái sức biến chuyển của nó, song trước sau cũng vẫn một mùi thơm của hường..., chớ không hề biến mất cái thơm riêng ấy, mà sang qua mùi thơm khác bao giờ.

Tâm ta lưu chuyển không khác giòng nước chảy. Cái chảy của nước, tức như cái sống của Tâm ta. Giòng nước tuy có lúc chảy mạnh, lúc chảy yếu...sự yếu, mạnh đều có khác, nhưng đó chỉ là thuộc về mặt hình thức chớ không có khác về mặt lưu chuyển. Nếu mức lên, phân tử mảnh mung, thì cái mảnh mung tư riêng ấy (Bản ngã) không còn cái sống của sự lưu chuyển nữa. Tâm ta, thì sống trong cái chuyển, Bản ngã thì sống trong cái tịnh. Tuy giòng nước chảy, có khi mạnh khi yếu, nhưng sự chảy ấy không có đổi chút nào, chỉ có đổi về cách chảy mà thôi. Từ cái chảy yếu đến cái chảy mạnh, chớ tương tiếp không thể phân biệt đặng.

Nếu ta có mức lên một phần để đó, ta chỉ cắt phân được cái nước, chứ không cắt phân được cái chảy.

Bởi thế, khi ta sống trong cái Sống lưu chuyển của Toàn thể, nghĩa là khi ta sống trong cái sống của Chân tính, thì ta sống thuận theo Đạo, nên sống mà vô tâm. Chỉ có ngày ta sống trong cái Bản ngã, nghĩa là sống nghịch lại với Đạo, ta mới sống hữu tâm rằng ta là Có (Bản ngã, tức là cái tâm lý rằng Ta là Có đây, và riêng biệt với Vạn vật, chẳng phải là một vật có thật. Trong mình ta, nếu ngũ tạng không được mạnh khoẻ; huyết khí không điều hoà, thì ta mới hay, mới để ý đến nó và biết Nó là Có. Bằng trong mình ta được khoẻ mạnh, khí huyết điều hoà lại, ta không còn để ý đến nó nữa, bởi thế ta không dè nó Có. Tâm ta đến với Toàn thể Vũ trụ cũng thế. Nếu ta hữu tâm rằng cái Ta đây là Có, là tại Tâm ta không còn hoà với Đạo nữa. Đến lúc Tâm ta được hoà cùng theo Đạo, ta không còn để ý gì đến nó nữa, dẫu rằng nó có thật.

Trang Tử nói: “Vong túc, lữ chi thích dã. Vong yêu dai chi thích dã” –“Chiếc giày ta mang, mà ta không hay rằng nó có, là chiếc giày vừa vặn với chân ta. Dây buộc nơi mình, mà ta không hay là nó có là cái dây vừa vặn với thân ta”. Theo đó, ta có thể nói rằng: “Ta có đây mà ta không hay rằng Ta là Có, là vì Tâm ta thuận hoà với Đạo vậy”

Có kẻ sẽ hỏi: “Nếu nói thế thì Ta đây là Có, nghĩa là Bản ngã có thật sao?” Phải! Ta đây là có thật, nhưng kêu là Bản ngã, nghĩa là Ta có, lúc ta nghịch lại với Đạo, dụng tư tâm mà làm theo ý riêng của mình không kể gì đến Toàn thể nữa, nên mới hay mình là Có. Còn khi, ta thuận hoà với Đạo, cùng Vạn vật ta sống mà vô tâm, nghĩa là ta không để ý rằng mình là Có nữa. Ta lúc bấy giờ không còn là Bản ngã nữa, mà gọi là Chân tính vậy, cũng như loài rắn kia, lúc ở ngoài thì kêu là rắn hổ ngựa, mà lúc vào nhà, kêu là rắn rồng...nhưng kỳ thật, cũng là một nó mà thôi. “Bản ngã, chẳng phải là một thực vật, nó chẳng qua là một cái hiện chứng của sự nội biến bất hoà trong tâm ta mà thôi”. Đây là để giải cái mê lầm của nhiều độc giả cho rằng, diệt bản ngã thì không còn biết có mình nữa, nghĩa là tuyệt diệt sau khi giải thoát.

Muốn thuận với Đạo, trước hết phải biết lẽ Trời là sao, và lẽ Trời nơi người là sao...nhiên hậu mới có thể dung hoà, để sống vô tâm trong cảnh hoàn toàn giải thoát. Đoạn này đã nói riêng nói chương Lẽ Trời trong quyển Toàn Chân, sẽ in sau quyển này)

Ngày nay, tuy ta gọi là Sống hữu tâm chứ kỳ thật là sống trong cái Ảo huyền của Bản ngã. Hữu tâm là biết rằng Ta là Có, đó là cái Nguyên nhân của sự khổ của con người, vì ta sẽ lấy hết nghị lực, dụng hết tâm trí để chống cự lại với cái luân chuyển tự nhiên của Toàn thể.

Nếu ta là khúc cây trôi theo giòng nước, thì ta vô tâm với cái chảy của giòng nước, nên ta sống mà không hay rằng Ta có. Sống ấy gọi rằng sống thuận với Đạo.

Nếu ta là khúc cây cắm giữa giòng, thì ta chống lại với sự chảy ấy, chừng ấy ta mới biết có ta và hữu tâm đặng cái Sống của giòng nước. Cái hữu tâm đó, do nơi cái Tịnh của ta đối với giòng nước chảy, mà ra. Sống như vậy gọi là Sống nghịch với Đạo.

Hễ đồng lưu chuyển với nhau, thì ta không có phân Nhĩ ngã. Hai người cùng ngồi hai chuyển xe, đồng chạy một mực nhau, thì không ai dễ có sự động chuyển cùng không động chuyển. Nếu có một người đứng lại, thì người đứng lại sẽ thấy người kia chuyển, còn mình thì tịnh; chừng ấy mới có hữu tâm, để ý mà phân biệt Nhĩ ngã. Cái đứng lại đó, sanh ra cái quan niệm Ta là có đây. Thế mới gọi cái Ta là giả, vì tịnh là một sự vọng ảo của ta thôi.

Cái Tâm thì chuyển nên đồng lý với Đạo. Bởi đồng lý với Đạo nên không thấy mình riêng với Vạn Vật, không chia phân Nhĩ Ngã. Bởi không phân Nhĩ Ngã, nên không dụng tư tâm mà chia giai cấp, hoặc kiểm soát của ai, không trọng, khinh ai mà cũng không yêu ghét riêng ai...

Nói thế, có phải bảo ta cứ ăn no ngủ kỹ, lãnh đạm lạt lẽo, để mặc tình ai sai sử cách nào cũng đặng...nghĩa là sống trong cái lười biếng, bơ thờ, nhu nhược chăng?

Không! kẻ ta thường gọi là hữu tâm, tức là kẻ sống trong Bản ngã đây, thì rất siêng năng cần mẫn. Cái Siêng ấy, cái Bương chải ấy là cái then chốt của sự Văn minh tân hoá của loài người...Dân các nước nhờ cái Siêng năng lao lực ấy, mới đặng tới cái chỗ văn minh ngày nay. Bởi thế, ta thường gọi những đức tính ấy là những nét hay, đức tốt của nhân loại. Đó thật là một điều làm rất nặng với chí nhân. Kẻ hữu tâm rằng ta là riêng với Vạn Vật, mới có ý thâm trữ, nên mới hoá mình lên tới chỗ cực điểm, có hay đâu sự tân hoá này cũng là sự tân hoá của Bản ngã mà thôi.(Quan niệm về sự tân hoá là một điều ảo vọng. Theo ta, Chân lý, cái Toàn Thiện ấy có sẵn trong Vạn Vật. Bởi vậy, cái ý niệm cho rằng phải tấn tiến đến Chân lý, là một cái ý niệm lầm. Làm sao mà tấn tiến đến một điểm mà ta đã có sẵn. Cũng chẳng phải quay về cái học bề trong hay là cái học bề ngoài, mà ta phải lo giải thoát lấy cái Tư tâm riêng biệt đây mà thôi. Nếu ta để ý quan sát, ta sẽ thấy phần đông con người tưởng rằng: hễ thêm cho nhiều những điều mình đã có, nghĩa là càng trở nên to lớn thêm, càng đầu thai

nhiều kiếp, càng làm cho cái tư tâm thêm rộng chừng nào, thì ta được gần Chân lý chừng này... Theo ta, cái quan niệm ấy thật sai lầm, vì Chân lý thì ẩn lợc trong Vạn Vật một cách phong phú sung mãn lắm, nên Chân lý ấy (tức là Chân tính) cũng Vô cũng như thế, làm sao gọi là Tán hoá nữa cho đặng. Tán hoá là thuộc về hình thức chứ không thuộc về Chân tướng bao giờ -Krishnamrti)

Cái lòng tham muốn vô tận làm cho con người khổ tâm hết sức. Bản ngã muốn cho thoã cái lòng tham lam của mình, tạo ra biết bao nhiêu điều phờ phình như những tính kiên nhẫn, Ý Chí, Can đảm... Đức tính và nét xấu còn thuộc về Bản ngã, kẻ Vô ngã không còn gọi cái chi là đức tính, cũng không còn gọi cái chi là nét xấu.

Kẻ vô ngã hành động không cần có kết quả hay mới làm, hễ gặp việc thì làm, không gặp thời thôi, chứ cũng không dụng tâm tìm kiếm, lo, ráng... Cành hoa kia nở, phảng phất mùi hương cả một khoảng trời vẫn cứ tự nhiên lưu chuyển luôn luôn không dừng, cứ sống trong cái Sống tự nhiên của Bản tính. Bởi không quan thiết gì đến ai trầm trở khen ngợi hay chê bai biếm nhẽ, nên không dụng tâm mà cố ráng cho mau lớn, bung chãi cho mau nở. Nó nở, nó lớn một cách tự nhiên, không phải nhờ siêng năng, kiên nhẫn; Nó cứ một mực tán biến mãi một cách vô tâm... Nó không thể không làm như vậy cho đặng. Bảo nó đừng nở, cũng không đặng; bảo nó dụng tâm tán biến gấp lên, cũng không thể đặng; bảo nó dụng tâm tán biến gấp lên, cũng không thể đợc. Dầu có muốn, như người nông phu kia thấy lúa lâu lớn, dụng tâm nhóm gốc lên cho nó mau cao, thì ra chỉ làm hại cho sự sống tự nhiên của nó, mà thôi. Bởi thế người thánh trí muốn sống đặng cái sống tự nhiên của Bản tính, phải Sống như cây bông kia, vô tâm, thản nhiên và trầm tĩnh (Hành vi vô tâm, là hành vi đã đến chỗ hoàn toàn rồi –“Xem chương Hữu Tâm và Vô Tâm trong quyển này và bài Hành vi hoàn toàn trong quyển Toàn Chân”. Thật vậy, hễ còn hữu tâm trong việc làm mình, là còn ngược, còn mắc... hành vi ấy vẫn còn là thô thiển miễn cưỡng, không đặng tự nhiên nữa. Trang tử có thuật: Ngày kia bóng dậm hỏi bóng dợt: “Sao anh trước kia anh đi, nay anh dừng, trước kia anh ngồi, nay anh đứng? Sao anh không giữ đặng một mực vậy?” Bóng dợt nói: “Ừ! xưa tôi có đi, nay tôi đứng hay sao? Tôi có dè tôi là cánh ve, vậy rấn mà có biến đổi đường ấy sao? Tôi có biết phải như vậy sao? Đó là lời của kẻ Chí Nhân không phải kẻ thường nhân hiểu đặng. Đó là hạnh kiem hoàn toàn của người giải thoát.)

Hành động Bản ngã mới xem qua, coi rất hùng dũng, phấn khởi lắm; làm không thấy ngừng... Thật là lao động, cường tráng, kiến nghị!

Hành vi kẻ Vô ngã xem chừng như nhu nhược, bởi theo cái lẽ thuận biến, không dụng tâm chống lại với Đạo. Một đảng thời hữu tâm, một đảng thời vô tâm. “vi vô vi, sự vô sự”, rất khác nhau như trời, vực...

Đó là cái làm, như ta đã thấy trước kia, hành vi kẻ hữu ngã coi thì có mà thật là không. Hành vi kẻ vô ngã coi thì Không mà thật là Có. Sao gọi Có mà Không, Không mà Có? Hành vi của ta thường giống như kẻ cho vay, đưa ra để lấy lợi vào...thì sự cho ấy tuy Có mà thật là Không. Kẻ cho ra vì thương, không cần ân nghĩa, không cần sự khen ngợi, không vì đạo đức nhân nghĩa chi chi, hành vi ấy không nô lệ lấy một ý niệm tư tâm gì...nên rất toàn bị, thế gọi là Không mà Có (Cái yếu điểm là nơi đây, biết được cái chỗ Có mà Không, Không mà Có cũng như được cái chìa khoá mở được các cửa bí mật của đền Vũ trụ.

Ti như trên đây, cái Ta thấy là có, mà thật là không (ảo vọng), còn Chân tính thấy, là không (Vô tâm) mà thật là có. Cái khổ cũng thế. Hễ sống trong Bản ngã, thì mới có Khổ: sống trong Chân Tính thì không còn Khổ. Cho nên gọi, cái Khổ có mà không. Khổ, tương liên với Bản ngã, bởi thế nói rằng Khổ tức là không Có, không trúng; mà nói Có cũng không trúng. Hiểu được cái lẽ Có, Không là hiểu được cái lý thật của mọi vật. Cũng như hiểu được cái lý Âm Dương (luật mâu thuẫn) là hiểu được cái biến hiện của Vũ trụ vậy). Hành động kẻ Vô ngã thì tự bản tính xúc động mà làm, không do nơi chỗ so đo hơn thiệt, dầu lợi ấy có thuộc về phần vật chất hay thiêng liêng cũng vậy. Hành động kẻ hữu ngã thì trái ngược lại; cho nên, tuy hành động của họ xem tráng liệt, mạnh mẽ, nhưng chỉ loay quay tư dục mà thôi!

Tóm lại, hành vi kẻ hữu ngã thì bất túc, vì bị hoàn cảnh sai sử, tự mình không có đủ nghị lực mà chủ động; còn hành vi kẻ Vô ngã thì toàn mãn, tự bản tự căn, cho nên muốn được như người Vô Ngã, hành động theo lẽ Vô Vi, phải có đủ nghị lực hùng dũng phi thường mà kẻ tư tâm sánh lại, vẫn là kẻ rất hèn yếu nô lệ...

Hữu Ngã là kẻ chưa có Sống, vì bị động. Vô Ngã là kẻ có Sống, vì tự động. Khác nhau chỉ có bấy nhiêu mà thôi.

~0~0~0~0~0~0~0~

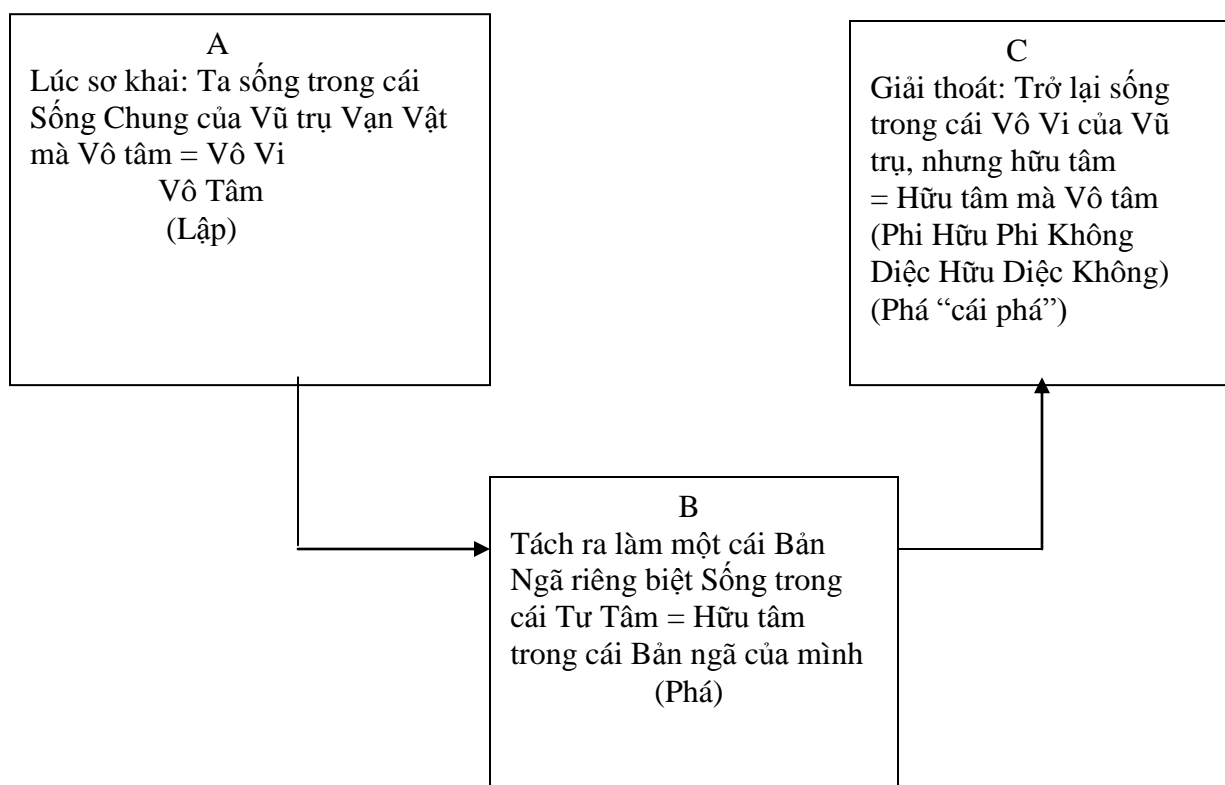
QUYÊN TỨ
CHƯƠNG THỨ NHỨT
BẢN NGÃ BIỆN CHỨNG

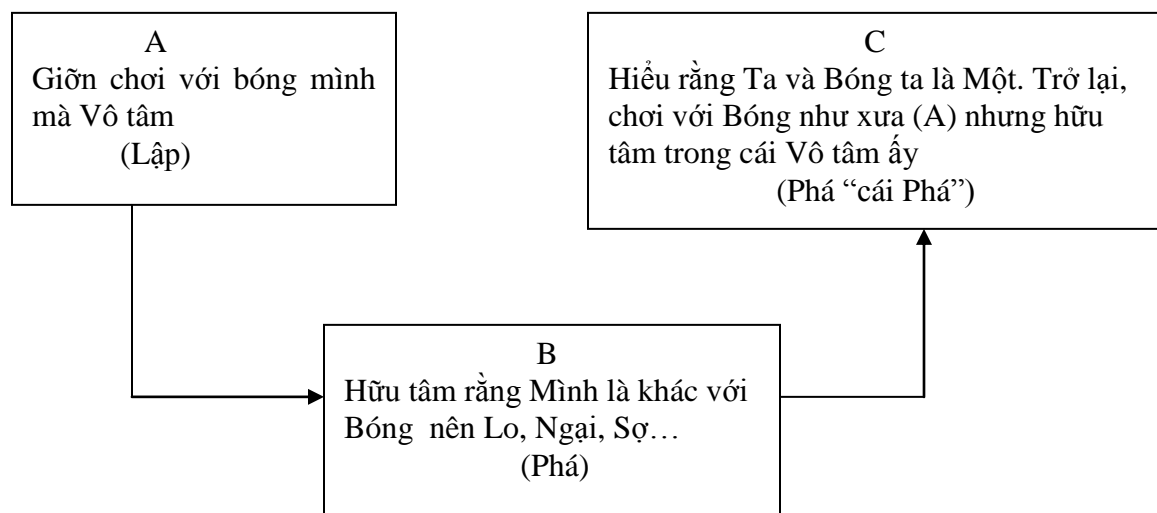
(Biện chứng đây, không phải muốn nói về Biện chứng luận của nhà Siêu hình học Hegel, mà là lối Biện chứng của Lão- Trang và Krishnamurti, nó tương tự với cái lối Biện chứng của Hegel.)

Trước khi được Giải thoát, ta phải trải qua một thời kỳ hữu tâm, trong cái bản ngã cho đến cực điểm, nghĩa là thật hữu tâm rằng Ta là khác với Vạn Vật.

Trước hết con người sống trong cái Vô tâm cùng Vạn Vật mà không hữu tâm cái cách sống toàn thiện của mình đó, nên phải trải qua một buổi đời hữu tâm trong Bản ngã cho đến cực điểm, nghĩa là phá cái Vô Tâm rồi ta mới giải thoát dạng cái Bản ngã (cái Hữu Tâm) đó mà trở về chỗ Vô Vi của Đạo (phá cái phá). Mới nghe, thật là khó hiểu, nhưng hãy xem bản đồ sau đây sẽ rõ hơn.

Bản đồ số 1





Bản đồ số 2

Bản ngã giúp cho ta hữu tâm trong cái Toàn thiện của mình, cũng như nó đã giúp cho ta hữu tâm trong cái Bất toàn thiện của mình trong lúc chưa giải thoát vậy (xem bản đồ số 1 và số 2) (Luật Luân chuyển biến hoá của Vạn vật trong Vũ trụ có thể chia làm bao hồi rất phân biệt: Trước hết, thuộc về lúc cả thầy Vạn vật hoạt động vì bị một cái năng lực xô đẩy tới mãi, mà tự mình không làm chủ đặng. Kế đó, thuộc về lúc con người, người bực thường như ta bây giờ đây. Lúc này con người biết mình có một cái hùng lực, tự tạo ra một nhân vật riêng, tức là cái Bản ngã phân biệt mình và Vạn vật chung quanh. Con người lúc bấy giờ, phải bị những luật tự nhiên chi phối, và những động lực ngoại thể đè nén. Lúc này con người có đủ sức, tự gượng chỗi lại với Đạo, nên mới tạo ra cái ngã có mình tức là cái Ta đây là Có. Xưa kia, chưa đủ sức, nên thuận với Tạo Hoá, mới vô tâm, không hay mình có. Rồi đến lúc, thật hữu tâm rằng Ta là có, mới biết Ta đây là giả, mới đem tán cái tư tâm ta trong Vũ trụ, thuận lại với Đạo tức là trở lại sống một cách Vô tâm, không hay rằng mình là có nữa... Sau rốt, con người đến lúc giải thoát, không còn Bản ngã nữa, vì biết mình cùng Vũ trụ tương liên, tương ứng với nhau rất mật thiết. Bây giờ, không còn sống trong cái Sống tư của Bản ngã nữa, mà lại sống trong Cái Sống Chung của Toàn thể... Ta bây giờ được sống trong cái Sống hữu tâm trong cái Vô tâm siêu việt)

Thế thì, Bản ngã là một điều rất cần yếu (Chân Tính như con gà con vừa đủ lông, cánh, bản ngã như cái vỏ bao ngoài. Lúc, gà con chưa đủ sức... thì cái vỏ là có ích... đến lúc gà con đủ

sức...cái vỡ bây giờ trở nên một điều hại lớn. Nếu gà con không tự mình đập bể cái vỏ ngoài thì tức phải chịu hư hỏng chết mất. Phải đập bể vỏ để giải thoát lấy mình... đặng tiếp cùng tạo vật mà sống cái Sống linh hoạt tự do vậy) vì con người muốn Toàn thiện trước phải trải qua chỗ cực điểm của nó, nhưng nếu tới lúc quá độ rồi, thì nó sẽ thành ra điều trở ngại cho sự giải thoát của ta (Ta nói rằng: “Trước có một cái Toàn thiện mà vô tâm kẻ đó có một cái Toàn thiện mà hữu tâm của kẻ đã nhận chân đặng cái Bản ngã và...tự nhận đặng cái điều hạn định của mình, rồi mới tới cái sự giải thoát lấy tư tâm (Bản ngã), chừng ấy mới thật gọi là Toàn Thiện vậy - Krishnamurti)

Đây chẳng phải là một lý thuyết trừu tượng mơ màng của trí não bày ra...và không căn cứ vào sự thật nào cả. Ta hãy xem trong Vạn Vật chung quanh ta... thì sẽ rõ đó là cái lối tự nhiên và thực tế của Vũ trụ... phải biến chuyển theo.

Ta phải nhớ rằng: Bản ngã và Chân tính là một, như Tương đối và Tuyệt đối vậy. Tỉ như trong cái Tĩnh có cái Động, trong cái Động có cái Tĩnh, ấy là luật mâu thuẫn quán thông của các luật tự nhiên trong Vũ trụ. Đạo vừa là Tương đối, vừa là Tuyệt đối, tùy theo ta đứng vào mặt hình thể hay là tính lý. Vì phân tích ra để mà học, rồi quên đem ráp lại để hoàn thành cái Đạo, mà con người lầm tưởng rằng lẽ Tuyệt đối và lẽ Tương đối khác nhau xa...Bản tính và Bản ngã cũng thế: trong Bản ngã có Chân tính, trong Chân tính có Bản ngã; chớ lầm tưởng rằng Bản ngã là một món vật thật có như đá, sỏi, cây...mà diệt nó như ta giết một con mãnh thú vậy. Bản ngã, tức là cái tâm lý kẻ tưởng mình là riêng với Vạn Vật Vũ trụ. Chân tính là cái tâm lý thấy mình là Một cùng Vạn Vật, Vũ trụ. Cho nên, Bản ngã tức là Ta trong lúc mê, Chân Tính cũng là Ta, lúc ngộ. Diệt bản ngã, chỉ là diệt cái Ảo vọng, rằng ta là riêng với Vạn Vật Vũ trụ và trở lại sống trong cái Sống của Bản tính...mà thôi.

~ ∞~∞~∞~∞~∞~

Biện chứng là gì? Ấy là cái lối tự nhiên của sự biến chuyển của Vạn vật trong Vũ trụ. Hiểu đặng cái lối biện chứng và đem nó làm cái phương pháp để truy tầm cái lý của mọi vật, thì ta mới có thể thấu ngay đặng một cách rất chắc chắn.

Biện chứng, hằng ngày ta thấy xảy ra trước mắt, chỉ vì ta không chịu để ý suy nghĩ mà thôi. Kìa, một hạt lúa, nếu ta phá nó ra, nghĩa là đem nó gieo xuống đất, thời một ít lâu nó nứt mộng mọc thành cây lúa... Hạt lúa bị phá, đã dường như mất cái toàn mãn của nó rồi, vì hạt lúa, tự nó đã có sẵn cái mầm cây, lá, bông... sau này. Nếu ta không phá nó thì hạt lúa vẫn là một hạt lúa mà thôi. Nếu không phá nó thì hạt lúa vẫn là một hạt lúa mà thôi. Nếu phá

nó ra, thì lúc nó bị phá, cây lúa mọc lên... cây lúa ấy, chưa gọi là đã hoàn toàn hoàn hiện cái sự toàn mãn của cây lúa. Nhưng, nhờ cái phá đó, cây lúa sanh ra trăm ngàn hạt lúa khác. Muốn đặng có trăm ngàn hạt lúa ấy, cây lúa phải bị phá lại, mới thành gié lúa... Nên phải có hai lần chuyển... Hạt lúa sau này, sánh với hạt lúa trước, vẫn đồng là hạt lúa nhưng, đặng nhiều hơn và tốt hơn. Nếu hạt lúa trước kia không có bị phá thì sau này không có trăm ngàn hạt lúa khác. Cuộc sanh sanh hoá hoá vô cùng của Vạn vật, vẫn nhờ cách phá, và Phá cái phá đó. Đó là lối sơ của biện chứng vậy.

Mùa xuân này, với mùa Xuân tới, vẫn là mùa Xuân, nhưng nếu lấy biện chứng mà xem, thì mùa Xuân tới không còn giống mùa Xuân này chút nào cả, như gié lúa bây giờ không còn giống hạt lúa trước kia.

Có kẻ lại hỏi: Nếu bảo phải diệt mắt Bản ngã, không còn chi là Ta nữa, thì khác nào trở lại cái Hồng Chung của cây cỏ, thú vật sao ?(theo Thông Thiên học). Hỏi thế là không hiểu lối biện chứng.

Trước hết, con người trong cái thiên tính tự nhiên rất đơn sơ một mạc, kể đó thiên tính ấy bị phá thành ra trí luận. Trí luận ấy muốn đến chỗ hoàn toàn thì phải bị phá lại, trở lại thành trực giác, tức là cái thiên tính xưa. Nhưng cái thiên tính bây giờ không còn phải là cái thiên tính xưa kia, mà gọi là trở lại hồi đầu bằng một cách thoái bộ.

Lẽ Trời là thế, Vạn vật đều biến thiên theo lối ấy. Con đường ấy là con đường khu ốc, chớ không phải con đường thẳng.

Lấy một lẽ ấy mà suy ra muôn lẽ khác, cũng một thế. Hiểu đặng một cách rạch ròi tinh tế lối biện chứng, là hiểu đặng cái lý thật của mọi sự mọi vật.

Biện chứng làm cho ta thấy rõ đặng cái Thiên ý: Vì sao con người, trước kia là một điểm Linh quang của Đạo, lẽ thì phải Toàn thiện Toàn mỹ, có sao lại phải bị đoạ lạc, hạn chế trong cảnh sắc tướng đến truy lạc Thiên Chân, rồi phải chịu lắm nỗi khó khăn vất vả để giải thoát lấy chỗ hạn định ấy, hầu một ngày kia phản bản hoàn nguyên, trở lại sống trong cái Sống của Chân Thể mà trước kia ta đã sẵn một cách đầy đủ.

Cái tự tánh viên mãn của ta, ví như hạt lúa. Cõi sắc tướng ví như cục đất (cát, bùn...) Nếu không đem hạt lúa gieo xuống đất, thì làm sao hạt ấy, sau này trở đặng trăm ngàn hạt lúa khác tốt hơn. Cái Linh quang của ta trước kia, tuy đầy đủ, nhưng nếu không bị phải cõi sắc tướng phá ra, đến dường bị truy lạc, thối hoà vào một cõi hạn định, bất túc...thì điểm

linh quang ấy bất quá giống như hột lúa kia, vô dụng (Đây, là một cái ví dụ rất thô kệch, không sao gọi có giống chút nào với sự thật... Chẳng qua là để cho ta hội ý mà độ hiểu một điều không thể ta, nữa chỉ là ví dụ. Ví dụ ra đặng, là đã mất cái thật nghĩa của nó rồi. Trang Tử nói: “Tề dữ ngôn bất tề, ngôn dữ tề bất tề... Có viết: Vô Ngôn, Ngôn vô Ngôn”). Cái chỗ Tận Mỹ là chỗ dung hiệp Đạo và Đức, Tuyệt đối và Tương đối, ẩn và hiện một cách hoàn toàn. Bởi thế, ta chớ làm cho rằng: côi sắc tướng là cái hoạ của con người, cái điều trở ngại của sự Toàn phúc mà phải xem đó là một điều kiện tối trọng cho sự hoàn toàn viên giác. Những câu:

*“ Hồng trần là chốn lửa than
Thương con bể khổ đắm chìm ”*

Cũng những câu tương tự cái ý nghĩa đó, cho đời là khổ, đều là của những người còn mê lầm, chưa hiểu đặng cái lối biện chứng của Vạn vật trong Vũ trụ.

Bởi cái lầm này, mới có những cơ quan giải thoát do nơi sự phản động, như duy tâm phái, cho đời là Khổ nên bày ra cái thuyết phiếm thế thoát tục, duy vật phái, cho đời là Khổ nên bày ra cái thuyết đồng sản... lấy đó làm cái phương pháp tuyệt đích cho sự toàn phúc.

~0~0~0~0~0~0~0~

CHƯƠNG THỨ HAI

GIẢI THOÁT

“Con người, sở dĩ cao trọng hơn Vạn vật vì trừ mình ra, không ai giải thoát cho mình được” – Krishnamurti

Ta sở dĩ không còn được tiếp xúc với sự Sống của Toàn thể, vì Bản ngã như bức tường ngăn phân ta ra cùng Vũ trụ Vạn vật. Vậy thì, muốn thấu Chân Lý, hỗn hợp với Đại toàn thể, để làm một cùng Vạn vật thì trước hết phải diệt Bản ngã.

Phương pháp giải thoát không cần phải dụng tâm phần lực chi lắm, chỉ làm trái lại những điều ta đã làm xưa nay.

Bởi muốn bồi đắp, tu dưỡng cho bức tường ngăn ấy thêm chắc chắn, bền bỉ, con người thường dụng công phí lực vất vả lắm:

Một là, để làm cho Bản ngã ta thêm phân biệt khác hẳn với đồng loại, giữ gìn cái vị trí mình trong xã hội, không cho giống với kẻ khác (Sự giải thoát, chẳng phải sự tấn hoá hay sự

tăng gia cho thêm lớn đầu, ấy là sự siêu thoát ngoài sự Tấn hoá, đó là sự dứt tuyệt của cái lẽ Tăng gia, Cá nhân nhờ giải thoát, xé nát cái màn phân rẽ ta và cái lý nhất quán vậy. Không phải lo cho thêm lớn, cho thêm rộng, mà phải lo làm làm sao phân bổn hoàn nguyên phục hồi cái Đạo nơi ta đã có sẵn trước kia. Trong cái Bản tánh ta, trong cái Tự tánh vô cùng vô tận của ta, không bao giờ có chi gọi là Tôn chi, không bao giờ có chi gọi là Tấn hoá cả! – Krishnamurti)

Hai là, để che chở binh vực quyền lợi mình, không cho ai động đến của cải của mình, về Vật Chất (Tiền bạc, ruộng đất, quyền, lộc...), về Tình Cảm (Ái tình, hoặc điều gì ta yêu thích riêng như vợ, con, anh em...), về Trí thức (nghĩa là sự học vấn của ta..) hoặc về Tinh Thần (Những phép tắc, hoặc những lý thuyết triết học, khoa học...mình đã học) và đem về làm của riêng cho mình.(Kể suốt đời học hỏi nhiều, chứa trong óc nhiều sách vở...nếu có ai bảo rằng sự đó là lầm, sự học đó là sai, và tự họ cũng cảm biết chỗ sai lầm mình nữa, họ sẽ dụng hết tâm lực để bào chữa, che chở cho nên học đó...đặng cứu lấy cái danh tiếng của họ, một cái hư danh hèn mọn...bởi đã gia tâm nghiên cứu học hỏi rất lâu, phí hết bao nhiêu tâm lực. Nay bỏ hết, rất uổng, như kẻ có tiền của quyền tước nhiều mà nay, dầu biết là giả, vội bỏ đi cũng là khó khăn tương cho ít ai làm được, trừ ra kẻ có tâm chí lớn. Về tinh thần lý tưởng cũng thế: kẻ giàu sách vở lý thuyết vị tất là kẻ dễ tự giải thoát...)

Ba là, để chống cự, chiến đấu, nếu ai cả gan mà chiếm soán quyền lợi ấy của ta.

Con đường giải thoát thì trái ngược lại:

1.Ta cố nói ra, giảm bớt cái sức dụng công chiếm giữ lấy của riêng mình.

2.Ta hãy luôn luôn nhớ rằng: Ta là Một với Toàn thể Vũ trụ; Ta là cái tâm trung điểm, nhờ đó mà sự Sống của Vũ trụ ứng hiện ra.

Nói thế, ta sẽ tưởng tượng rằng: làm cách ấy, con người sẽ không còn gì nữa, sẽ tự giảm dần dần và tiêu diệt (Con người thường lầm rằng: tích tụ của cải, làm cho ta được quyền thế -đây không phải ý muốn nói về quyền thế, về chính trị...quyền thế đây là về phép tắc, về trí luận...những lẽ làm cho ta hơn người, lợi lộc hơn là thuộc về lẽ Tấn hoá. Còn giải thoát thì làm ngược lại, e rằng đánh đổ cả thầy đều ta thâm trừ xưa nay là đi ngược lại với sự Tấn hoá của ta chẳng? Không! đó chẳng qua là sự Tấn hoá của Bản ngã; muốn huỷ diệt Bản ngã để giải thoát Chân tính, ta không cần nói đến Tấn hoá nữa, vì Chân tính thì Toàn mãn, vô chung, vô thi, bất tăng, bất giảm, cứ lưu chuyển mới mẻ hoài mà không bao giờ suy, giảm. lý, hay cái Toàn thể của sự Sống ở trong Vạn vật, ở trong Tâm của con người. Cho nên, với

Chân lý thì không bao giờ có tiến hoá gì cả, vì Nó là Toàn mãn, chỉ có đều gì bất toàn mới có thể Tiến hoá được mà thôi. Chân lý (tức là Bản tính ta) có sẵn nơi ta luôn luôn vì ảo vọng mà ta làm lu mờ... Bởi thế, ta chớ nói: “Ta sẽ trở nên..” mà phải nói: “Ta trở lại sống trong cái Sống của Chân Tính ta” –xem Phụ lục chương Lẽ Biến Chuyển của Vũ trụ.). Không! thay vì ta sống trong cái huyền vọng của tư tâm, riêng biệt với Vũ trụ, ta sẽ sống trong cái Sống của Toàn thể Ta sẽ không còn xưng Tôi nữa, mà sẽ nói: “Sự Sống ở nơi tôi”, ấy là cái Chân tính của tôi nó tư tưởng, cảm giác, hay hành động nơi tôi, chớ không phải Bản ngã nữa. Chừng ấy ta mới sống thật trong cái Sống của Chân tính ta...

Ta nào phải cần đi đâu xa vời để tìm cách giải thoát. Sự giải thoát nơi ta đây, ngoài ra, thấy đều là vọng ảo cả...

Sự giải thoát ấy, có ảnh hưởng rất lớn trong hành động hằng ngày của ta. Ta cũng cứ làm ăn, cũng sống trong gia đình, cũng cứ mực thước, không khác chi với lúc xưa chút nào cả, chỉ có cái Tâm ta là khác mà thôi. Bấy nhiêu đó cũng đủ biến đổi cái cảnh khổ khi xưa kia làm một cảnh Hoàn toàn Hạnh phúc. Nếu ta mơ vọng đi tìm sự giải thoát nơi rừng thẳm non cao, hay trên cõi thần bí siêu hình thì ta làm ngay. Sự giải thoát chỉ ở trong cách hành động hiện thời của ta hằng ngày đây. Chớ mơ tưởng viễn vông rằng Chân lý ở nơi quá khứ hay vị lai, hoặc nơi kinh, sách hay tôn giáo nào, hoặc do nơi những bậc Thánh, Thần, Tiên, Phật...

Dẫu được trong một khoảng thời gian rất ngắn ngủi bậc nào, mà hành động ta được vô vi, nghĩa là sống đặng ngoài cái Bản ngã, tức khắc ta biểu lộ đặng cái Chân Tính của ta, tiếp xúc được với Đạo vậy.

Trong lúc đó, ta là Đạo; kết quả của sự giải thoát tới đây chỉ là bước đầu... phải đi tới đó, mới hiểu đặng cái chỗ Chí Lạc của kẻ đã được Giải Thoát...

Nhưng, có kẻ sẽ cho đó là thường, vì hễ làm mà không vị kỷ thì thấy Đạo. Tưởng như thế lắm lắm. Tuy thấy dễ nhưng khó vô cùng. Thường tình con người vẫn được có lời ấy đầu môi, chớ kỳ trung cái lòng ích kỷ đã thâm sâu trong tâm trí... Bản ngã rất khôn khéo, lanh lợi... như ta đã thấy trước kia cái trò tuồng của nó diễn trong những vấn đề Công Bình, Nhân Ái... Ta phải biết rằng, cái mà ta gọi Ta đây, không phải cái Ta xác thịt mà thôi. Nó là cái Ta chung của những cái ta tình cảm, trí thức... của ta. Bởi thế, nó lặn bên này, nó mọc lại bên kia mà ta không dè... Như kẻ khổ hạnh ăn chay để tạo cái tinh linh thể, cho tráng kiện mạnh mẽ đặng luyện phép luyện đờn... chỉ là thí bỏ cái Vui Sống của xác thịt để mọc lại bên

Ta tinh linh...Ta, cứ tự phỉnh lấy ta luôn luôn, mà không hay, không dè...Trong một việc làm phước thiện kia, mà ta gọi là vô tư lợi, nếu, suy cho kỹ thì phi cái lợi vật chất, cũng vì cái lợi tình cảm (tiếng khen ngợi, dư luận tốt), hay là cái lợi tinh thần (Quả báo tốt về Kiếp sau, hoặc được Công đức với đời, đặng nhớ về phước hậu lai.) Mỗi hành động của ta chỉ có một cơ chi kích thích, chớ tự nó, nó không có nghị lực gì hành động đặng (Có kẻ gọi rằng mình chẳng vì tư lợi vật chất, như giàu sang phú quý, chỉ vì bởi sợ quả báo mà thôi. Hoặc làm Phải cho mau Tấn hoá,..Cũng một cái Ta, nó lặn bên này, mọc lại bên kia...mà ta không dè thôi. Muốn tấn hoá cho mau, tức là muốn Nhĩ Ngã thêm phân biệt, dầu có đứng lại làm bộ giả hình để cứu độ thương yêu người, cũng là chỉ để cho mình mau tấn hoá, mau khác biệt với người...Bản ngã lợi xảo vô cùng. Có thương yêu vạn vật cũng là để cho dễ phân biệt Nhĩ Ngã, mà lòng vẫn được yên ổn...có hay đâu, còn gọi là Thương người, tất là còn phân biệt với người? Ngoài miệng rờn là một giọng phiếm ái, mà tâm trung để tìm cách mưu đồ sự lợi kỷ. Tạo Nhân, Nghĩa để làm cái nguyên -động -lực cho hành vi cũng là một cách xảo mị của Bản ngã. Chừng nào ta làm, vì Ta là Người, Người là Ta...không còn phân Nhĩ ngã, giai cấp; làm một cách tự nhiên như đóa hoa thơm, nở trong buổi trời xuân...Nở vì Nở...không vì tư ý chi, không vì Nhân, Nghĩa, Từ Bi, Bác Ái chi chi cả. Ấy là bước đầu vào cảnh Vi Vô Vi, Sự Vô Sự của Lão tử vậy...Đó là một sự rất khó, nhưng chẳng phải làm không đặng.) Ta làm chỗ đó, mà tưởng rằng: hễ làm không vì lợi vật chất, hay tình cảm thì đủ gọi hành vi ấy là vô tư lợi. Cái Ta khôn khéo muôn phần, ta phải lấy hết trí phán đoán vô tư mà xem xét mỗi hành động ta trong lúc hiện tại...mới mong gỡ đặng cái mặt nạ của nó. Chỉ có trong lúc ấy, ta giải thoát đặng cái tư tâm mà thôi (Hành vi ấy, ban đầu ta phải cố tâm trì chí để quan sát cho quang minh đặng phán đoán...nhưng lâu lâu, lại thành ra vô tâm vì nhờ thói quen mà hành vi ta tự nhiên được biểu lộ Chân Tính, không còn phải vất vả nữa...-Xem Toàn chân pháp luận chương Bản ngã siêu hình)

~0~0~0~0~0~0~0~

CHƯƠNG THỨ BA

ĐỀU TRỞ NGẠI TRONG SỰ GIẢI THOÁT

Diệt lấy Bản ngã, để biểu lộ cái Chân tính của mình, và để cho cá tính của Tâm mình đặng tự do sinh hoá, như đoá hoa rừng... ấy là con đường giải thoát vậy.

Song le, làm bấy nhiêu, đặng bảo toàn Thiên chân cho nó đặng phiêu xuất một cách tự nhiên, không phải là đủ. Ngoài cái Bản ngã làm cho ta mờ ám Chân lý, có nhiều điều trở ngại khác rất quan trọng, ta cần phải giải thoát trước, nhiên hậu mới có thể diệt đặng Bản ngã của ta. Những điều trở ngại ấy tuy thuộc về những trở lực bên ngoài, không lợi hại bằng Bản ngã của ta, chớ cũng rất quan hệ trong sự giải thoát nhiều.

Hằng ngày, nếu ta để ý quan sát, thì ta sẽ thấy trong mỗi hành động ta về tình cảm, tư tưởng, ngôn từ, đều không phải của ta, chỉ là của phong tục; tập quán, gia đình, xã hội, hoặc của sách vở, luân lý, tôn giáo... Con người chẳng qua là một bộ máy vô hồn, cứ lặp lại những điều nghe, thấy. Cái Tâm ta vì đó mà lu lờ... Luân lý, sách vở, phong tục, dư luận... là những khuôn mẫu nhứt định un đúc ta ra, nên ý ta suy, lời ta nói, việc ta làm, vẫn không còn của Chân Tính ta nữa. Bởi tại dư luận khen, nên ta khen, dư luận chê nên ta chê... Hễ có sống trong tư tâm thì sự phán đoán vẫn mập mờ, không phân minh được... Thế nên mỗi một điều chi hạp hoặc không hạp với tư tâm ta, tức thì tâm ta bị cảm xúc và biến loạn, thành thử cái Chánh Kiến của bản tính ta phút chốc mờ ám. Cho nên, thoát vui, thoát buồn, thoát mừng, thoát giận; ta bấy giờ như cái Chong chóng cứ quay cuồng theo luồng gió... mặc tình ai sai sử thế nào cũng đặng. Vì thế, ta không thể thấy đặng cái lý thật của mọi vật.

Những tập quán gia đình xã hội, những luân lý, giáo thuyết... đã quá thời, kết tụ lâu đời làm thành một khối cứng gọi là Bản ngã chung... Con người vì tính yếu đuối, nô lệ, không có sức tự cường, suy nghĩ hay phán đoán theo mình, nên cứ lấy Bản ngã chung ấy làm chuẩn tắc cho hành vi. Họ nhu nhược cho đến đổi trong những tư tưởng, hành động chi, họ chỉ nô lệ lấy dư luận, sợ sệt nhứt nhát cho đến đổi, biết việc làm là chánh lý cũng không dám làm, vì dư luận sẽ chê bai biếm nhẽ. Một việc tàn nhẫn, vô lý mà dư luận khen, thì họ cũng làm. Bởi tánh khiếp nhược ấy, họ mới bị kẻ khác lợi dụng một cách tàn khốc mà không dám hở môi than thở...(Bản ngã đây chẳng phải thuộc về cái Chấp ngã, về xác thịt đây mà thôi. Nó vẫn là cái tâm lý của ta, khi ta thấy ta là riêng với Vạn vật Vũ trụ. Dầu cái Ta ấy thuộc về

Tình Cảm, trí thức hay thiêng liêng siêu hình bực nào, cũng là Bản Ngã cả! Thấy đều là huyễn vọng. Kẻ học Đạo phải coi chừng cho lắm, kéo lắm lạc, vì Bản Ngã rất khôn khéo, phờ phình, mang đủ mặt nạ, nếu ta không thật với ta, thì không dễ gì thấy nó đặng.)

Đến sự học hỏi cũng vậy, họ vẫn thiên kiến, bo bo câu chấp, nô lệ lấy thành kiến của cổ nhân, cho nên không hề dám trái lại hoặc suy nghĩ khác hơn. Họ không “dám”. Họ nô lệ sách vở, nô lệ dư luận, nô lệ chế độ, gia đình, xã hội..nô lệ phong tục...ô! Chỉ là một đời nô lệ, làm cho họ không còn họ, trong hành vi của họ nữa (Xem cây Bách Thọ: nơi chương Phụ lục)

Đó là những điều trở ngại bề ngoài, trước hết ta phải giải thoát, nhiên hậu mới trông tiêu diệt đặng cái trở ngại bề trong, là Bản ngã.

Một điều cần yếu học giả chớ quên là: diệt Bản ngã đây chẳng phải Tuyệt diệu. Không! diệt Bản ngã đây là diệt cái ảo vọng rằng ta là riêng với Vũ trụ Vạn vật, và làm cho hành vi ta lúc nào cũng không còn chỗ tư tâm lợi kỷ...chớ không phải diệt, dường như Bản ngã là một vật thực có vậy. Học giả cũng chớ lầm mà diệt tình dục, vì theo các tôn giáo học thuyết thì Tình dục là sự sống của Bản ngã. Không! Tình dục tự nó vẫn là Sự sống rất mạnh mẽ, nó không xấu cũng không tốt. Nếu cho tư tâm lợi dụng. Tình dục ấy là cái mối hại cho nhơn thân và Xã hội; nếu để cho Bản tính lợi dụng, thì nó sẽ trở nên sự Kiềm ái rất mãnh liệt phi thường.

Krishnamurti có nói: *“Tìm Chân lý, mà lo diệt tình dục chẳng khác nào vừa chặt đứt gốc rễ của cây, vừa ao ước nó trở bông, đơm trái vậy”*

~0~0~0~0~0~0~0~

KẾT LUẬN

Đạo là sự Sống của Vạn vật. Con người, bởi tách lìa với Đạo, tạo ra một cái Bản ngã riêng biệt mới có thấy khổ.

Diệt khổ, tức là diệt Bản ngã. Ngày ấy, con người không còn sống trong cái Sống tư nữa, mà trở lại sống trong cái Sống của Toàn thể, ta gọi là hỗn hợp vào Đạo, hay là phản bản hoàn nguyên, nên những vấn đề của lý trí tạo ra và căn cứ vào Bản ngã cũng tiêu tan đi mất...

Kẻ đặng Giải thoát rồi, thì hành động Vô vi như cành bông nở buồm rụng đồng, chẳng phải vì muốn khoe sắc lịch với hương thơm, nó nở vì không thể không nở đặng. Hành động ấy tự bản tự căn, nên toàn thiện toàn mãn.

Hành động toàn mãn ấy, chẳng phải chỉ ở chỗ toàn mãn trong cái lẽ tự bản tự căn mà thôi, hành động ấy lại phải toàn mãn trong cái lẽ điều hoà của Tình và Lý nữa. (xem chương Tình và Lý trong quyển Toàn Chân Pháp Luận)

Hễ có quan sát, xem xét mọi vật thì lấy toàn thể mà phẩm luận, nên không cho cái chi là Quý, Tiện, Trọng, Khinh, Phải, Quấy...

Mỗi vật, dầu lớn bực nào cũng không thấy là lớn mà kinh sợ, còn nhỏ đến đâu cũng không xem là nhỏ mà khinh thường, vì mỗi mỗi đều có cái lý cao trọng siêu việt của nó đối với Toàn thể... Trong lòng họ vẫn thản nhiên bằng phẳng... Họ không tôn sùng thờ phụng ai, mà cũng không chê bai rẻ thị ai.

Biết rằng vạn vật trong Vũ trụ đều luân chuyển biến thiên mãi, nên học không lấy chi làm nhứt định mà tạo cái khuôn mẫu chi, để làm mô phạm chung, hạn chế sự sanh hoạt của nhân sinh. Họ cứ thuận biến theo hoàn cảnh, tùy thời mà lưu chuyển, chớ không dụng tư tâm mà hại Đạo, cũng không bày Nhân, Nghĩa, Bác Ái để phờ phĩnh lấy lòng...

Lại nữa, hễ Vạn vật hình thức thì có thì có chung, có sanh có tử... Thế nên, sanh ra cũng không lấy làm mừng, mà có chết cũng không lấy làm buồn. Đã là Sống trong cái Sống của Toàn thể thì cần gì phải tế tâm lo nghĩ nữa.

Họ không còn phân Nhĩ Ngã, tất nhiên không còn ý tham muốn thâu trữ chi nữa. Cho nên đặng cũng không lấy làm đắc ý vui sướng, mà mất cũng không lấy làm thất vọng buồn rầu. Bởi không cho đâu là Vinh, không cho đâu là Nhục. Vì vậy, mà sự khen không cảm

được lòng, sự chê cũng không động đến Tâm đặng. Họ vượt ra ngoài chỗ nhỏ nhen tầm thường ấy...

Họ sống một cách tự nhiên, không dụng công, phần lực; bươn chải vất vả...nên vẫn thản nhiên vui vẻ luôn luôn, không có gì câu thúc...

Họ chẳng cần đến Từ Bi, Bác Ái mới yêu thương người; cũng không vì Công đức Quả báo mới giúp đỡ khuyên lơn kẻ khác. Họ là Vạn vật, họ là Sự Sống vô cùng vô tận, họ là cái Đạo vô lượng vô biên, nên chỗ hành động, lưu chuyển biến hoá như con rồng, không biết đâu mà lượng nổi cái nhân cách của họ.

~o~o~o~o~ **HẾT** ~o~o~o~o~

PHỤ LỤC

A. SỰ HUYỀN VỌNG

Bản ngã là một sự ảo vọng, chứ không phải có thật.

Chỉ có Chân tính, (sự sống đồng lý với Đạo), hoạt động nơi ta mà thôi, (hoặc cảm giác hoặc tư tưởng) nhưng vì không đủ sức phát hiện ra một cách rực rỡ tinh lương và tự do, theo bản tính của nó, mà cái do vọng của Bản ngã phát sanh ra, đó là cái ảo vọng không có đều chi là thiết thực cả, chẳng qua, như ta bị muỗi cắn, mà ngứa...Bản ngã có, là khi ta tưởng tới nó mà thôi.

Ta có thể, trong một ngày, tiêu diệt cái giác cảm rằng, Ta là có (Bản ngã) đây, và lặp đi lặp lại cái thì nghiệm ấy đôi ba lần cũng đặng.

Kẻ nào, vì qua mê mẩn, đem trút hết tinh thần và ý tưởng vào một việc làm của mình ưa thích, trong khoảng thu thần trụ ý đó, đã vượt thoát ra khỏi tâm lý của Bản ngã mà không hay. Cái đến lúc công việc ấy hoàn thành, học mới sự tỉnh lại, mới nhớ đến cái Ta đây mà thôi.

Thu thập cả tinh thần, để vào một hành động nào đó, cũng đủ chỉ rõ cho ta rằng Bản ngã, là một sự huyền vọng, bởi trong lúc ấy ta không còn thấy Ta là Có nữa.

Nói thế, thì con người khi được đem hết tinh thần quy tụ vào một việc gì, cũng có thể tạm gọi là đặng sống trong cái tâm lý đồng với cái tâm lý kẻ giải thoát sao? Không! kẻ còn Bản ngã, mà được như vậy, chẳng qua là sống đặng cái cảnh tương tự với cái cảnh đã giải thoát, cũng như ta lấy cái tâm lý kẻ tự đi một cách nồng nàn chí nhân, chí thật, mà sánh với tâm lý kẻ kiêm ái, để hiểu mà thôi vậy.

Kẻ thường nhân, (chưa giải thoát), không thể sống trong tâm lý đồng với tâm lý kẻ giải thoát, vì hai lẽ:

1. Sự sống ngoài Bản ngã đây, là tạm thời mà thôi.
2. Trong khoản ấy, nó còn từng một hành động khác, và nếu cái hành vi chủ động cho nó kia, ngưng đi, thì hành động của nó sẽ tiêu tan đi mất.

~0~0~0~0~0~0~0~

B. LỄ BIẾN CHUYỂN CỦA VŨ TRỤ

Theo quan niệm toàn mãn của Đạo, tức là quan niệm vô vi, thì cho rằng Đạo là Toàn thiện, Toàn mãn, bất tăng, bất giảm nhưng cứ biến chuyển phát hiện ra, xuất sắc mới mẻ luôn luôn không bao giờ dứt, tỉ như hột ngọc kim cương phóng xạ màu sắc và biến đổi mới lạ luôn luôn, mà không thêm bớt trong hột ngọc chút nào vậy. Theo quan niệm này thì Đạo có là có; chứ không phải vì một tư ý chi, và đã đầy đủ sung bị rồi, không còn thêm bớt gì nữa.

Cho nên, con người (theo quan niệm này) đã có chứa sẵn nơi lòng cái Sống ấy, tức là Chân tính, nên không cần phải làm cho mình tiến hoá và trở nên một đều Toàn thiện chi, mà mình chưa có. Cứ lo diệt lấy Bản ngã, cái ảo vọng rằng mình là riêng với Vạn vật, thì mình được trở lại sống trong cái Sống của Chân tính của Chân tính của mình đã có trước kia, nhưng lợi một điều; là mình được hữu tâm trong cái toàn thiện của mình đây, mà khi ban sơ mình vẫn không dè; cho nên hãy gọi rằng: Ta sẽ trở lại sống trong cái sống của Chân tính ta, chứ không nên nói: Ta sẽ trở nên...Sẽ trở lại sống trong...là cái đại ý của lễ hoàn nguyên còn Sẽ trở nên...là nói về có một lễ tấn hoá nào đó!

Theo quan niệm Tiến hoá thì cho Đạo là chưa toàn, phải còn trở nên tận thiện. Bởi thế, Đạo thuộc về cảnh Hiện tại, cái Hiện tại gồm cả quá khứ vị lai (Có nhiều lý thuyết, trong đây tạo ra nhiều lễ tương phản nhau kỳ lạ lắm. Họ vừa công nhận cái quan niệm toàn mãn của Vũ trụ, vừa ưng chịu cái quan niệm Tiến hoá của Vũ trụ. Họ cho rằng con người là tiểu Kiền khôn, nghĩa là sung mãn như Trời Đất Vạn Vật, nhưng còn nói đến cảnh Tiến hoá để trở nên một cái Toàn thiện mình chưa có, thì là mâu thuẫn lắm, độc giả hãy chú ý kéo làm...Đã cho Đạo là Toàn mãn, mà lại công nhận cái Luật Tiến hoá như định trước của Hoá Công là một điều vô lý lắm. Sự luân chuyển Vạn vật không thể bao giờ biết trước được, như theo lý thuyết của Bergson. Vạn vật biến chuyển luôn luôn, không sao hạn định...) cho nên Đạo chẳng qua như hột giống gieo xuống đất để nảy sanh muôn vàn hột giống khác, quên rằng mình nói đây, đang đứng trong phương diện cá nhân, chứ không có đứng trong phương diện toàn thể Con người, theo phương diện này, thì trong lòng không có chứa sẵn cái toàn thiện toàn mỹ. Bởi thế, phải tiến hóa mới trở nên toàn thiện. Theo quan niệm Tiến hoá, con người hay ý lại vào ngoại vật, để giúp cho ta tấn bộ, còn theo quan niệm Toàn mãn thì lấy Tâm làm chủ và ráng làm làm sao cho được phản bản hoàn nguyên mà thôi, không ý lại vào sự vật ngoài ta cả, như thờ trời, thờ phật, tiên, thánh...để làm cái kế giải thoát.

Bởi thế nói về sự Tấn hoá, tức là nói về sự tăng gia của Bản ngã, cho nên đó là quan niệm Tiến hoá chứ không phải thuộc về quan niệm Toàn mãn của Đạo. Kẻ nào tư tưởng theo giai cấp, hay là ước mong trở nên cao trọng và quyền thế trong việc thiêng liêng, đó là cái triệu chứng rằng mình đã bị nhốt chặt trong quan niệm Tiến hoá. Theo quan niệm Toàn mãn, thì không có chi là lớn, không có chi là nhỏ; những kẻ cho mình là lớn hay cao trọng hơn kẻ khác trong đường Giải thoát tức là kẻ còn xa Đạo hơn kẻ nhỏ hèn khiêm tốn kia.

Có kẻ sẽ nói, nếu cho rằng Vạn vật không tiến hoá thì ra sự luân chuyển của Vạn vật đây không có mục đích chi và không do một luật Tiến hoá chi hay sao?

Không, như ta đã thấy trên kia, con người đã có cái mầm toàn mãn nơi lòng, nào có cần phải tấn hoá đến cái Toàn thiện chi khác nữa, chỉ lo diệt Bản ngã để trở lại sống trong cái Sống của Chân tính Toàn thiện Toàn mãn của mình (Cái Toàn thiện của Chân Tính lúc sơ khai, như cái Sống sung mãn của Đạo sanh với hột giống. Trong đấy, tuy chưa lộ xuất ra, chứ đã có đủ cái mầm của Toàn thể cái cây sau này. Cho nên, từ lúc mọc lên đến lúc trở hoa sanh trái...ta không gọi là Tấn hoá, mà gọi là Hoàn Hiện hay là Phản bản hoàn nguyên cái Đạo trong ta...mà thôi). Vũ trụ luân chuyển biến hoá đây, chẳng phải tấn hoá về một cái lý toàn thiện chi khác, vì tự nó đã toàn bị rồi.

Đạo sở dĩ lưu chuyển biến hoá chẳng qua như ngọc kim cương chiếu sáng, biến đổi màu sắc phong phú của nó. Không có tiến hoá, chỉ có dịch hoá mà thôi (xem chương Lẽ Cảm Sinh và Dịch Hoá trong bộ Toàn Chân Pháp Luận cũng một tác giả)

Đạo chẳng tạo thêm chi cả, vì nó là toàn túc. Đạo chỉ là sự biến hoá không bao giờ ngừng mà thôi. Đạo thì biến chuyển mới mẻ luôn luôn không bao giờ dứt, nhưng không làm tăng tiến, tấn hoá gì cả, chỉ có biến đổi trạng thái mà thôi, nên gọi là Biến tạo mà không kêu là tạo, tức là làm cho có thêm một điều mà mình còn thiếu.

~0~0~0~0~0~0~0~

C. CHÂN LÝ VÀ KHOA HỌC

Phần đông tưởng lầm rằng: hễ khoa học càng có kết quả vẻ vang chừng nào thì Chân lý càng được minh giải chừng nấy. Ấy là một điều rất lầm. Ta không thể đem ráp lại muôn vàn chân lý tương quan rời rạc của khoa học đã tìm ra trong vạn vật mà làm thành cái Chân lý tuyệt đích, cái lý quán thông Vạn vật. Cái Chân lý của khoa học tìm biết, thuộc về cảnh sắc tướng, cho nên chỉ có biết được cái trạng thái mà thôi.

Huyền học đầu là cái khoa học kê cứu về những lẽ thực hiện trên những cõi siêu hình... cũng chẳng qua là cái học còn đứng bên chỗ biến động của sắc tướng mà thôi. Nhưng Chân lý tương quan rời rạc của những phần tử ấy, không phải cái Chân lý Tuyệt đối của Tâm học tìm kiếm. (Phần nhiều thường hay lầm về cái nghĩa chữ Tâm và huyền học. Huyền học chuyên về bên sắc tướng, còn Tâm học thì khảo về bản thể) Cái học của khoa học và Huyền học là cái học trực vật, nghĩa là đuổi theo từng vật, không phải như cái nghĩa Chủ nhất nữa. Chủ nhất là chỉ chuyên chú lỏ cái thiên lý mà thôi. Vạn sự Vạn vật đều ở trong cái lý ấy, nó quán thông hết cả, chớ không trong ngoài khác nhau. Lý ấy gọi là Trời, Đạo, Tâm... cái danh tuy khác, nhưng vẫn là Một.

Henre Poincare nói: “Cái Chân lý của nhà triết học tìm hiểu chẳng phải cái Chân lý của nhà khoa học tìm tòi và gọi là túc ý. Chân lý của nhà triết học thì luân chuyển luôn luôn, những phần tử trong đấy tương liên, tương ứng với nhau rất mật thiết, tưởng cho khi ta muốn tách ra, không thể nào không xé tan rứt nát cho được. Cái Chân lý của nhà khoa học chẳng qua là một cái ảnh, cho nên, vẫn là một vật vô chuyên, vô thần, cũng như các bức ảnh khác, hay là một cái tương khảm tế công trong đấy những khuôn đá cần chỉ có ráp chồng lên mà thôi chớ không liên lạc với nhau chút nào cả.

~0~0~0~0~0~0~0~

D. “ TU ”

Tu là sửa, trau, hay bồi dưỡng...

Nhưng không mấy kẻ biết rõ cái nghĩa chữ “Tu” làm cho con người rất phân vân không biết phải làm thế nào:...Con người, ai là kẻ tu mà không muốn mưu một cái Hạnh Phúc? Chữ TU gồm ý chữ Phúc.

Thật vậy, cái Toàn Lạc là cái mục đích trong những hành vi con người. Từ cái vui thấp, hèn, ô trược, đến cái vui siêu việt thanh cao, con người chỉ có tìm cái Vui, cái Vui của sự Sống, cái Vui bất diệt. Nhưng, vì lầm, mà cái Lạc phúc ấy chỉ hạn định trong một khoản thời gian rất ngắn ngủi. Cái lạc phúc ấy là cái lạc phúc tìm trong chỗ thoáng qua, trong cảnh tương quan, tức là cái Vui đối tượng của cái Khổ mà thôi. Tuy nhiên, trước sau chỉ có một chủ động thúc dục con người mà thôi. Chủ động ấy là lòng ham mộ Chân lý.

Biết vậy, ta có thể chia sự Tu làm hai phần rất phân biệt. Tu cái Bản ngã và Tu cái Chân tính. Tu cái Bản ngã là lo trau dồi Nhân, Nghĩa, Hiếu, Đễ nghĩa là tu cái Nhân Đạo. Tu Bản ngã là lo luyện đơn luyện phép, làm cho giai cấp thêm phân biệt, Nhĩ ngã thêm rạch ròi.

Tu cái Chân tính là lo diệt tư tâm, phá tan những thành kiến, tập tục, luân lý quá thời, Nhân, Nghĩa... để biểu lộ cái Sống tự nhiên của Chân thể ta, đồng cùng sống với cái Sống của Toàn thể...

Một đàng thì ta tu cho bản ngã càng ngày càng lớn, càng ngày càng mạnh, nhĩ ngã càng lớn, càng ngày càng mạnh, nhĩ ngã càng ngày càng riêng phân, càng ngày càng khác biệt.

Một đàng thì tu cho bản ngã càng ngày càng tiêu diệt, càng ngày Chân tính càng biểu lộ ra, Nhĩ ngã càng không còn phân biệt nữa.

Đó là cái Tu để Phản bản hoàn nguyên vậy

~0~0~0~0~0~0~0~

E. SỰ HOÀN HIỆN CỦA ĐẠO

Đạo, tức là sự Sống, hay là Chân tính của con người, ta có thể sánh với hạt giống.

Trong hạt giống, có đủ cả “Toàn thể cái cây sau này, nghĩa là: cây, lá, bông, trái...”

Hạt giống, là cái cây chưa hiện. Cây, là hạt giống đang hiện. Lúc chưa biểu lộ ra. Nó đã có một cách đầy đủ rồi. Cho nên, lúc đang hiện ra, bắt từ khoản trổ lá, đến đâm bông, trổ trái...ta không thể gọi đó là Tấn Hoá choặng. Mà phải nói: Ấy là khoản cái cay đang hoàn hiện cái toàn thể của sự Sống nó.

Đến lúc nó trổ trái, chín thành hạt giống cũng như cái hạt giống trước kia của nó (ta thường gọi lẽ ấy là phản bản hoàn nguyên) chớ không phải thối lui lại, trở lại cái hồi đầu của ta, như xuân qua, hạ đến thu mãn, đông sang rồi tiếp xuân hạ thu đông khác...luân chuyển tới luôn luôn...cái xuân này không phải cái xuân kia...mà vẫn là trở lại cái hồi đầu của một vòng luân chuyển.

Krishnamurti nói: “*Cá nhân, nhờ giải thoát mà xé tan cái màng chia rẽ mình và Đạo (nghĩa là Toàn thể Vũ trụ). Đây không phải nói về sự tấn hoá cho thêm to, thêm lớn chi, mà chỉ phải làm làm sao trở nên cái đều mà ta đã có sẵn, ẩn lực nơi lòng ta mà thôi.*”

~0~0~0~0~0~0~0~

F. LỘC TRỜI

Người họ Điền, nhơn dịp kị giỗ, mời thân hảo trút ngàn người. Khách đến, theo lệ, đàm lễ rất nhiều. Có một người khách kiến cá ngon và nhạt rưng...Người họ Điền, thấy, thờ ra một cách hoài kính và nói: “*Trời đãi ta rất hậu! Đã chẳng những sanh ra thóc lúa và muôn vàn hoa thảo cho người...mà lại còn ban cho những cá, chim cho người dùng nữa...Thật, Trời đãi người rất hậu*”. Bao nhiêu khách đều khen là phải. Chỉ có đứa con nhà họ Bảo, tuổi mới mười hai (Đứa nhỏ mười hai tuổi đây, là ám chỉ kẻ còn Xích tử chi tâm, chưa có tư tâm..) bước ra nói: “*Những lời của ngài nói không chánh lý. Trời, Đất đây cũng là những sinh vật như những sinh vật khác thay, hướng chi con người, không vật nào trọng, vật nào khinh. Trọng, Khinh, Quý, Tiện chẳng qua là một cái có để lớn ăn thịt nhỏ, khôn hiệp đại, mạnh lấn yếu mà thôi. Chớ nào có phải Trời vì loài này mà sinh loài khác đâu. Người ăn gì được thì ăn, dùng được gì thì dùng, nhưng chớ có dụng tâm cho rằng Trời vì người mà sanh ra vạn vật. Nếu nói thế, thì cũng phải nói Trời sanh người là để cho loài muỗi hút máu, để cho loài cạp ăn thịt hay sao?*” - Liệt Tử -(Con người bởi sống trong Bản ngã, nên lấy tư tâm mà luận mọi sự. Thấy có mình thôi, nên vạn vật sanh ra cũng vì mình mà sinh, và cũng chỉ vì có một mục đích ấy mà thôi. Muốn thấy đặng cái lý thật của mọi vật, thì chớ bề khi nào lấy tư tâm mà luận. Bởi chấp mình làm trung điểm của vạn vật, mới có dụng tâm mà chế ngự vạn vật, lợi dụng kẻ khác để làm lợi khí cho tư dục...Thú vật có sanh ra là để cho ta ăn, Thái dương có là để soi sáng cho ta mà thôi...- Xem bài *Kìa thử xem hoa xuân phong nhụy*...trong quyển Trường Lạc Ca)

~0~0~0~0~0~0~0~

G. CHÍ NHÂN

Đời Thương, quan đại tể tên Đãng hỏi Trang Tử cái nghĩa của chữ Nhân(1). Trang Tử nói: “*Đó là cái đức của hổ lang*”. Đãng nói: -Sao vậy? -Trang Tử nói: Cha con chúng nó cũng biết thân nhau, sau gọi không nhân? -Đãng nói: Còn chỗ Chí Nhân là sao? Trang Tử nói: Chí Nhân không thân với ai hết. -Đãng nói: Tôi có nghe nói không thân thì không thương, không thương thì không thảo. Gọi người Chí Nhân không thảo, đặng chăng?

Trang Tử nói: Không phải vậy. Chí Nhân là lòng tốt vô hình và bơ thờ, không nghịch với lòng tốt hữu hình và quyết định, nhưng mà nó phân biệt cái hữu hình ra. Thương, mà bởi

đứng cao quá và xa quá, nên không thấy vật. Bởi vậy, ở tại áp Dĩnh ngó qua hướng bắc, không thấy núi Minh San. Nhưng mà núi Minh San có. Tại sao vậy? Tại xa quá. Hiếu mà được cận với chỗ Chí Nhân, là khi nào con thương cha mà không thân với cha. Cha thương con mà không thân với con. Thương thiên hạ mà không thân với thiên hạ, và làm cho thiên hạ thương ta mà không thân với ta. Đó là được đến chỗ Chí Nhân. Hay làm ơn, hơn Nghiêu Thuấn mà không màn đến, hay làm phải cho mọi người mà không ai dè, đó là chỗ Chí Nhân, tày với lòng vô tâm (vô vi) của Trời Đất mà làm cho Vạn vật đặng toại sinh vận động. Ông thấy chưa, yêu mến theo lòng thảo, không đủ mà hiểu đều đó. Thật vậy, Hiếu, Đễ, Nhân, Nghĩa, Trung, Tín, Trinh, Liêm, hết thảy mấy cái đức đó đều ở trong cái Chí Nhân, nhưng bởi sánh với chỗ tôn đại của Chí Nhân, nên nó xem còn nhỏ nhen lắm. Người ta nói: đồ trang sức không thêm chi cho người tuyệt sắc; của thưởng không thêm chi cho người cực phú; tước lộc không thêm chi cho người cực quý. Ai đắc đến chỗ Chí Nhân cũng thế ấy, Chí Nhân không khác Đạo, người Chí Nhân nếu gặp dịp cũng thật hành hết các điều nhân hạnh thấp thôi đó nhưng các điều ấy cũng không thêm nhân phẩm chi cho nó hết. Chẳng phải do mấy điều kể ra đó (Nhân, Nghĩa, Trung, Tín...) nghĩa là do sau trở lại trước, mà giải đặng cái nghĩa của Chí Nhân – mà phải do Đạo, nghĩa là do cái trước tới cái sau, mới giải đặng tới cái nghĩa của Chí Nhân vậy (Trang Tử)

~0~0~0~0~0~0~0~

CÂY BÁCH THỌ

“Đây, là một cây cổ thụ. Con người đem chặt ra một nhánh, và chọn lấy một khúc dùng đặng để làm một cái chén cúng, chạm trổ cực kỳ hoa lệ, đặng dùng vào việc tế lễ, còn khúc kia, cho rằng vô dụng, đem quăng xuống bùn lầy... Rồi ta gọi cái chén cũng là đẹp đẽ, còn khúc cây kia là xấu xa.

Còn ta, ta (Ta đây, là Trang Tử nói) cho rằng: *cái chén cúng và khúc cây bỏ kia đều là xấu xa cả, vì chúng nó không còn là chúng nó nữa*, nghĩa là không còn là cái cây tự nhiên, mà là những vật hư hỏng (Xem bài Luân lý và Chân tính trong quyển Toàn Chân triết luận)

Theo lẽ ấy, tên Chích và tên Tăng, tên Sử kia, ta cũng luận xem một thể. Thiên hạ cho Chích là đũa vô đạo bạo ngược, còn Tăng Sâm (có tiếng là đại hiếu), Sử Ngự (người đời Xuân Thu, thờ Linh Công. Khổng Tử khen là người rất trung thực) là bực đạo đức hiếu nghĩa và trung thực. Theo ta thấy thì cả thảy đều làm lạc về cái chỗ làm cho mình không còn là

mình nữa, bởi những kẻ ấy đều hành động trái với Bản tính của mình cả, dầu cho những việc mình làm có thiên về điều Phải hay điều Quấy cũng vậy (Con người sở dĩ không còn sống đặng trong Bản tính mình, vì từ lúc ấu trĩ đến trưởng thành, đều bị sống trong những khuôn khổ eo hẹp nhứt định của gia đình, xã hội, những tập tục, luân lý... làm cho con người không còn hành động theo cái lý tự nhiên của mình nữa. Có kẻ sẽ nói: “Nhu kẻ gian ác kia, nếu không có luân lý hạn chế, thì hại cho Xã hội lắm!” Đây là cái chỗ lầm của con người. Kẻ gian ác sở dĩ gian ác, vì bởi xã hội chung quanh: cha mẹ, anh em, bà con... trước mặt nó hay tôn kẻ đạo đức, quyền quý, khinh kẻ vô lương, hèn hạ. Trong lúc ta đi ngang một người đạo đức, quyền quý, ta cúi đầu quá cung kính, còn khi ta đi ngang kẻ vô lương, nghèo đói, thì lại ra dáng kiêu xấc, khinh khi... trong khoảng đó, ta là kẻ tội nhân xúi dục lòng thiên hạ tham lam... Ta là nguyên nhân của những điều gian xảo, xu danh, trục lợi của con cái ta về sau này. Không ắc, trong lòng kẻ niên ấu kia có sẵn cái tánh tham gian u uẩn. Trái lại cái bản tính tự nhiên đó rất tốt lành trong sạch, vì bị Giáo dục và những gương Xã hội chung quanh mà làm cho hư hỏng cái bản tính thiên nhiên ấy. Biết bao điều không thể kể hết ra đây cho đặng, nếu ta chịu khó để ý xem xét chung quanh ta, ta sẽ thấy, con người sở dĩ tàn bạo hung hăng tham xảo chỉ vì ta và Xã hội quá trọng kẻ quyền môn, đạo đức... mà ra.

Bởi ta quá trọng kẻ đạo đức, nên kẻ ngu nhơn muốn đặng cái chỗ tôn trọng ấy, trở nên một bực giả đạo đức rất hẹp hòi câu chấp trong những lễ phép vụn vặt chặt chẽ. Muốn cho đời ban khen là người đạo đức, con người, có khi trở nên lãnh đạm, tàn nhẫn câu nệ trong những tiểu tiết, gắt gao bó buộc trong những điều tình nghĩa tự nhiên, tự mình rất khổ tâm, lại làm cho chung quanh mình khổ sở đau đớn, mà lòng vẫn như thường..)

Thế thì cái điều suy bại của nhân cách do nơi đâu? Có phải là do nơi những lý thuyết về ngũ sắc, làm cho mắt ta không còn trông thấy tự nhiên nữa chẳng? những lý thuyết về ngũ vị làm cho lưỡi ta không còn nếm đặng một cách tự nhiên nữa chẳng? những lý thuyết về văn chương làm cho ta rối loạn và không còn đơn sơ chất phác nữa chẳng?

Đó là những quân nghịch của Bản tính ta, trái lại nó là những điều sở thích của Dương Châu Mặc Dịch. Ta thì khác, ta không cho những mỹ thuật tạo ra là điều hay. Những mẫu luật thành lập do nơi tư tâm tạo ra (Tư tâm tạo ra, nghĩa là do theo tư ý tạo ra, không kể gì đến Toàn thể. Cũng như cái cây trước kia, chẳng phải tạo hoá sanh ra để làm chén cúng, tức là lấy tư ý lợi dụng nó để tạo ra một vật cản dưng theo ý của con người; cho rằng nó có, là để cho ta lợi dụng tha hồ theo ý muốn. Lại rồi, còn cho cái này là quý giảnh cất kỹ lưỡng, còn

cái kia là hèn, đem mà quăng, ném một cách khinh bỉ. Con người ở đời cũng thế. Muốn lợi dụng kẻ khác để làm một mối lợi riêng, nên tạo ra Nhân, Nghĩa, Hiếu, Đễ... để lợi dụng. Nhà vua muốn cho kẻ khác thờ và binh vực quyền lợi mình, tạo ra những lý thuyết Trung, Nghĩa... để con người làm một vật thoả dụng của tư tâm. Con người vì đó không còn là con người nữa... mà là một vật vô hồn chỉ để làm một cái lợi khí cho kẻ bề trên mà thôi.

Hễ kẻ nào dễ uốn nắn theo tư ý ta, ta sẽ gọi là đạo đức quân tử, cũng như khúc cây nào ta dùng được theo ý muốn của ta, ta gọi nó là khúc cây tốt, còn kẻ ta lợi dụng không đặng, thì ta gọi là vô đạo tiểu nhân, cũng như khúc cây nào ta lợi dụng không đặng như ý ta muốn, ta gọi là xấu xa mà vứt bỏ một cách khinh bỉ -Ncan.) thì rất bó buộc phiền tạp, làm sao mưu được cái hạnh phúc cho con người?

Cái hạnh phúc hoàn toàn có phải là cái cảnh lạc thú của chim bồ câu nhốt trong lồng, hay là cái lạc thú của nó khi bay thong thả giữa trời xanh mây bạc?

Thương hại thay! Những lý thuyết Nhân Nghĩa của họ chẳng qua là một trò chơi trẻ con để làm cho bán loạn tâm trí bề trong, còn Lễ Nhạc bày ra chẳng qua là cái dây thắt buộc hình thức bề ngoài của ta.

Bị áp bức công trời như thế, bây giờ ta phải lấy chi so sánh cho vừa? Sánh với kẻ tội nhân kia bị hành thân khảo kẹp chằng? Sánh với những con mãnh thú bị nhốt trong lồng chằng? Như vậy, ta có kêu là Toàn phúc đặng chằng? (Trang Tử)

~0~0~0~0~0~0~0~

TÀI VÀ BẤT TÀI

Trang Tử cùng các đệ tử, một hôm, đi chơi trên núi. Thấy một cây to, cành lá rườm rà. Một người thợ rừng, đốn cây chung quanh, mà không động đến cây ấy. Trang Tử hỏi: “Vì sao không đốn cây này?” Người đốn cây nói: “Cây này thịt nó vô dụng”... Trang Tử nói: “Cây này nhờ vô dụng mà khỏi chết”(ám chỉ kẻ để người lợi dụng được, nên gọi là hữu tài...)

Qua khỏi núi, Trang Tử ghé thăm người quen. Chủ nhà mừng rỡ, bảo đưa ở đem chim nhạn làm thịt. Đưa ở hỏi: “Một con biết kêu, một con không biết kêu. Giết con nào?” Chủ nhà nói: “Con không biết kêu”(ám chỉ để người lợi dụng được, nên mới có kẻ đời không lợi dụng được phải bị hại: mà người đời cho là bất tài... Đây Trang Tử muốn chỉ hai hạng người, chỉ vì bị hạn định trong hành vi mà bị luy...)

Hôm sau, đệ tử hỏi Trang Tử: “Cái cây trên núi vì bất tài mà sống, con nhận, vì bất tài mà chết. Vậy thời, hữu tài hay bất tài cũng đều lụy cả. Giả như Thầy phải xử trí thế nào?”

Trang Tử cười và đáp: “Cái đó cũng tùy theo cảnh...Chỉ có kẻ vượt thoát ra khỏi Tài và bất Tài mới yên thân đặng. Chỉ có kẻ đạt được cái Lý của Đạo và thông được cái Chuyển của Đạo rồi, giữ lấy mực vô vi mà xử sự, mới đặng toàn thân thôi. Những kẻ ấy, đứng ngoài chỗ khen chê (nên đời không lợi dụng được. Bởi nô lệ lấy tiếng khen chê, mới làm được con vật sai sử cho kẻ khác lợi dụng), lúc lên như rồng, lúc sà như rắn, biến thông theo thời cảnh, không cố chấp trong chỗ thành kiến chi chi. Địa vị có cao, hèn cũng tùy thời mà thuận cảnh, cứ để vạn vật yên trong chỗ tự nhiên...rồi thì, tới đâu hay đó, không còn phải lo sợ gì nữa (Chỉ có kẻ đứng trên chỗ Tài và Bất Tài; kẻ hiểu và thông lẽ biến chuyển của Đạo, linh hoạt trong Chân tính đồng lý với Đạo, là không lụy thân mà thôi. Hễ liệ vào chỗ Tài hay bất Tài, chỗ tài và bất tài đây, không phải là cái Tài thật của mình, mà là cái tài của kẻ khác ban cho, vì họ dùng được mình, là còn để cho Đời đả động đến được, chỉ bậc siêu nhân, đời không còn gọi là tài hay bất tài cho đặng nữa...thì mới mong đặng toàn thân thôi). Đó là cái hành động của Thần nông và Huỳnh đế. Đến những bậc tự xưng là Thánh trí ngày nay (ám chỉ Đức Khổng Tử và các đệ tử) thời làm trái lại. Thế nên thiên hạ thì loạn, còn việc làm mình thì hư hỏng... Vì hễ có tụ có tan, đặng rồi kẻ mất. Làm đặng thì con người chê, giỏi thì có kẻ ghét...(Thần Nông Huỳnh Đế không lợi dụng thiên hạ, nên thiên hạ thái bình. Đến Nghiêu Thuấn về sau, dụng tư tâm bày Nhân Nghĩa...để làm con người không được toại sinh trong cái Bản tính mình nữa, nên đời loạn...Bởi dụng kẻ hiền nhân quan tử(con nhận biết kêu) mà kẻ tiểu nhân hèn hạ (con nhận không biết kêu) mới bị thừa thãi khinh miệt...Lúc bấy giờ kẻ hữu tài hay bất tài đều phải lụy cả, vì không còn là mình nữa. Lụy đây là lụy cái Chân tính mình vậy. Bây giờ cũng như trước kia, chỉ có kẻ Siêu Nhân, vượt thoát ra khỏi khoảng tài và bất tài, là toàn thân. Kẻ giải thoát đặng là cái tiếng khen chê của dư luận, là kẻ không để người lợi dụng được mà thôi. Bởi nô lệ lấy tiếng khen chê, mà đời lợi dụng cái tính hiếu danh của ta được vậy)

Đệ tử hãy ghi nhớ lời này: chỉ có bậc đạt được cái Lý và thông được cái Chuyển của Đạo là trường cửu mà thôi (Lỗi này, cũng chỉ tại Kẻ để cho người lợi dụng, kẻ nô lệ lấy tiếng khen chê, không đủ sức tự cường, tự kiện...mới tạo ra hạng người lợi dụng. Trách kẻ lợi dụng ta, đúng lý hơn, phải trách ta, là kẻ để cho người lợi dụng. Thật vậy, nếu không có hạng người bị lợi dụng, thì làm sao có sanh ra hạng người lợi dụng. Chỉ như kẻ đứng ngoài vòng

du luận, đứng trên chỗ Tài và Bất Tài (của kẻ khác bày ra để lợi dụng theo tư ý họ) thì làm sao đòi lợi dụng họ được mà bị luy...? Xử trí được như thế, chỉ có người am hiểu được cái Lý và cái Chuyển của Đạo mà thôi. Bởi Chân Nhân làm mà không bao giờ mắc trong cái làm, ở trong sự mà không bao giờ mắc trọng sự nên được giữ toàn chân lạc phúc. Vì sao? Vì Chân Nhân sống trong cái chuyển, tức là trong một trạng thái của Đạo, mà tâm lòng vẫn yên trong cái Lý, nên không bận, không mắc trong những trạng thái tạm thời...thì làm sao phải luy đến Thiên Chân.

~o~o~o~o~o~o~o~

THU THUY

Lúc nước thu dung, trăm rạch đổ vào Huỳnh hà. Lòng sông rộng cho đến đứng bờ nọ, ngó qua bờ kia không phân biệt bờ với ngựa. Thấy vậy, Hà thần đắc ý cho trong thiên hạ không còn ai hơn mình. Thuận dòng đi tới biển bắc, ngó qua hướng đông, không thấy mé, mới than với Hải thần: “Lời tục nói: kẻ biết ít cho không ai hơn mình. Lời ấy để nói tôi thì phải. Tôi thường nghe chê chỗ thiếu học của Trọng Ni, nghe khinh lòng nghĩa sĩ của Bá di, mà tôi không tin. Nay tôi mới thấy chỗ nan cùng của ngài. Nếu tôi không đến thọ giáo với Ngài, thì hại cho tôi lắm, vì các nhà đại phương sẽ chê cười tôi”

Hải thần nói: “Cùng ếch giếng không thể nói biển rộng; nó biết có cái hang mà thôi. Cùng con trùng mùa hạ, không thể nói giá tuyết rộng; nó biết có một thời mà thôi. Cùng kẻ sĩ hẹp hòi, không thể nói Đạo rộng; nó bị ràng buộc trong giáo thuyết nó mà thôi. Nay người ra khỏi lòng sông, thấy biển cả mà biết tự hổ. Vậy thì nói đại lý với người rộng. Dưới trời, nước không đâu nhiều hơn biển. Đó là nơi muôn sông chảy về, không bao giờ ngưng, mà không bao giờ vơi. Rồi nước biển lại chảy qua ngả đông, không bao giờ thôi, mà không hề lưng. Xuân, thu, mưa, nắng không đổi nó, mà nó cũng không hay. Hơn rạch sông không biết lượng số nào, mà ta chưa thường cậy đó là nhiều, khi ta tự sánh với Trời Đất Âm Dương. Ta, trong trời đất, chẳng khác đá nhỏ, cây nhỏ trong núi lớn. Đã rằng là ít, sao gọi mình nhiều? Bốn biển ở trong trời đất, chẳng phải cái hang nhỏ ở trong chằm lớn hay sao? Vạn vật, lấy số muôn mà nói, thì người được có số một mà thôi. Lấy chín châu, là nơi lúa thóc sanh sản, toàn xe thông hành mà sánh, thì người cũng không qua số một. Người đối với Vạn vật, khác nào một cái lông trong mình ngựa. Chỗ liên hiệp cửa ngũ đế, chỗ tranh giành của tam hoàng; chỗ lo lắng của người nhân, chỗ nhọc nhằn của quan sĩ, rút lại có chi; Bá di từ ngôi, lấy đó

làm danh, Trọng Ni nói ra, gọi vậy là rộng. Mấy hạng đó tự cho mình là nhiều, khác nào người trước khi thấy biển”

Hà thần hỏi: “Vậy thì tôi cho trời đất là cực đại, cái lông là cực tiểu, có được không?”

Hải thần nói: “Không được. Muôn vật biến chuyển không cùng, thời giờ thì mãi không dừng, số phận dời đổi không thường, trước sau liên tiếp không thôi. Ấy nên, đứng chỗ biết rộng đây mà xem việc xa gần, thì thấy nhỏ ta không cho là ít, thấy lớn không gọi là nhiều; đó là biết được chỗ biến không cùng. Luận qua kim cổ thì việc đã qua, không vì đó mà ưu tư, việc đương thời không lấy đó làm bận lòng. Đó là biết được chỗ không dừng của thì giờ. Xét việc lung vui, thì đặng không vui, mất không buồn; đó là biết được chỗ không thường của số phận. Thấy đặng như vậy, thì sống không mừng, chết không lo. Đó là biết được chỗ trước sau liên tiếp vậy.

Chỗ biết của người, ít hơn chỗ không biết. Thừa sanh ra không bằng thừa chưa sanh. Muốn lấy chỗ cực tiểu của mình mà cầu hiểu tận cái cảnh của cực đại, thì là mê loạn và là một điều ngu xuẩn đó. Thế thì, làm sao biết cái lông đủ để làm cái mẫu của cái cực tiểu, làm sao biết trời đất đủ để làm cái mẫu của cái cực đại?”

Hà thần hỏi: “Luận giả trong đời đều nói: “Một vật tán ra rất nhỏ thì thành ra vô hình; một vật tăng cho thật lớn, thì là vô cùng, có thật vậy không?”

Hải thần nói: “Tự nhỏ xem lớn, làm sao thấy trọn; tự lớn xem nhỏ, làm sao thấy rõ. Tinh, là mọn mảy của nhỏ; thô, là to tát của lớn. Tinh với thô đồng có trong mỗi vật. Vật vô hình không phân chia đặng; vật vô cùng không hạn định đặng. Cái mà luận, nói đặng, là cái thô của vật, cái mà y xét đặng là cái tinh của vật. Còn cái mà lời không thể luận, ý không thể xét là bởi nó không phải tinh, không phải thô, cái đó là cái trực giác, phải dụng tâm hiểu nó mà thôi.

Nhờ trực giác mà đại hơn làm nhiều việc khác hơn tiểu hơn, nhưng không khinh bỉ tiểu hơn là hạng không trực giác. Đại hơn này, tước lộc của không đủ khuyến, hình phạt không đủ nhục, bởi họ biết phải quấy không phân đặng, lớn nhỏ không hạn đặng. Bởi vậy mới có lời này: “Bậc đại hơn, không ai nghe danh, người chí đức không tìm chi hết, đáng đại hơn không còn cái Ta (bản ngã), vì họ đã nhập làm Một cùng Vũ Trụ.”

Hà thần hỏi: “Nhờ đâu mà phân chỗ trong ngoài của vật, chỗ quý, chỗ tiện, chỗ nhỏ, chỗ lớn?”

Hải thần nói: “Lấy con mắt Đạo mà xem, thì vật không có quý tiện. Lấy con mắt vạn vật mà xem, thì vật có quý có tiện, là bởi vật nào cũng tự quý, nên khi sánh lại với người, thường cho vật khác là tiện. (Đứng trong phạm vi bản ngã). Trong con mắt người tục, sự phân quý tiện thường lại không tại nơi mình. (Bị nhốt trong phạm vi tập quán). Lấy con mắt khách quan và tương đối mà xem, thì vạn vật là lớn khi đối với cái nhỏ, là nhỏ khi đối với cái lớn. Biết trời đất nhỏ như hạt lúa, biết cái lông lớn như hòn núi, cũng nhờ con mắt ấy. Đứng phương diện công ích mà xem, thì vạn vật, như chỗ sở trường của nó mà đặt gọi là hữu ích; như chỗ sở đoản của nó mà gọi là vô ích. Biết đông, tây là hai lẽ phản đối nhau không thể không vậy cho đặt, cũng nhờ con mắt đó. Tùy theo chỗ thích hợp của mỗi người, thì trong vạn vật, cái chỗ của người này, tức là không còn cái chỗ thích của người kia. Nghiêu với Kiệt có chỗ hợp, có chỗ không hợp. Xưa Nghiêu, Thuấn nhường ngôi mà làm vua; còn Khoái cũng nhường ngôi mà phải mất. Thanh Võ tranh mà đặt ngôi; Bạch Công tranh mà phải chết. Do đó mà coi, trong lẽ tranh, nhường, trong hạnh của Nghiêu, Kiệt, quý tiện tùy thời chưa lấy đó làm mực thường được. Cái tương lê dùng phá thành, không dùng lập hàng đặt; phương pháp khâu. Ngựa kỳ kỳ một ngày lướt ngàn dặm, mà không bắt chuột đặt, như mèo; tài năng khác nhau. Chim ụt ban đêm, mắt tỏ đến bắt rận, đêm lông nó đặt, mà ban ngày, hòn núi sờ sờ không thấy đặt; tánh khác nhau. Nên, muốn có phải mà không có quấy, muốn có trị mà không có loạn là chưa rõ cái Lý của Trời Đất, cái Tình của Vạn vật. Ấy là mơ tưởng Trời mà không Đất, Âm mà không Dương đó. Muốn phân hai lẽ tương phản đó ra làm hai vật có thật, thì là Ngu. Đế vương tranh nhường nhau, hễ sai thì nghịch tục, gọi là oán, còn nhường thì thuận tục, gọi là Nghĩa.

Hà thần này, người hãy lắng lắng mà xét lại, người sẽ rõ cái gốc của Quý, Tiện, của Đại, Tiểu.”

Hà thần: “Vậy thì bây giờ tôi phải làm điều gì? phải không làm điều gì? nhận cái chi? Tôi phải sao đây?”

Hải thần nói: “Đứng bên phương diện Đạo, có chi gọi là Quý, có chi gọi là Tiện, có chi gọi là ít, có chi gọi là Nhiều, có Một mà thôi. Để cái chi ra ngoài Đạo, là làm đó. Phải theo thời theo thuở. Phải nghiêm nghị như một vị quốc quân không tư đức; tự nhiên như một vị địa thần không tư phúc. Muốn vật một hạng, không vẫn không dài. Đạo không chung thì, Vật có tử sanh, không thường. Dinh hư chung thì nổi nhau. Đó là nói cái phương của đại nghĩa, luận cái lý của vạn vật. Mạng sống của vạn vật qua như ngựa chạy, không động biến, không

đổi dời. Hỏi: “Phải làm đều gì? phải không làm đều gì?...” có chi lạ, phải đo đường biển chuyển của tạo hoá, phải theo thời theo buổi; có bao nhiêu đó mà thôi.”

Hà thần hỏi: “Vậy chớ chỗ quý của Đạo là chỗ nào?”

Hải thần nói: “Người biết Đạo thì thông lý. Thông lý thì rõ quyền. Rõ quyền thì không vật nào hại được. Người chí đức vô lửa không nóng, xuống nước không ngọt. Lạnh, nóng không hại đặng; cầm thú không phạm đặng. Nói vậy, chẳng phải là nói người chí đức không sợ mấy chỗ nguy hiểm đó, ấy là muốn nói, người chí đức xét kỹ lúc tới lui nên lánh nguy, cẩn thận cử chỉ nên khỏi hoạ. Nên nói: “Trời ở trong, người ở ngoài. Đức ở nơi Trời” Phải cho trời đặng siêu xuất, hầu cho hành vi hạn với bốn nguyên.

Hà thần hỏi: “Sao gọi là Trời, sao gọi là Người. Hải thần nói: “Ngựa bò bốn cẳng đó là Trời, (bản tánh của nó). Ngựa ngậm hàm thiết, bò đeo khuyên nơi mũi, đó là người, (nhơn Đạo, trái với bản tánh). Người không đặng ém Trời, nhơn tạo không đặng hại thiên nhiên, hư nguy không đặng phá chơn thật. Phục hồi cái bản tánh mình lại, đó là trở về Chân Lý”

- Trang Từ -

~0~0~0~0~0~0~0~

BỆNH QUÊN

Nước Tống, có người tới tuổi trưởng thành, khi không mắc phải bệnh Quên. Buổi sớm ai cho cái gì, buổi chiều đã quên. Ngày nay làm cái gì, ngày mai đã quên. Ra đường quên tới đi, ở nhà quên tới ngồi. Những điều làm trước kia, bây giờ quên hết, bây giờ làm chi, sau này cũng quên mất.

Có ông thầy nước Lỗ (ám chỉ Đức Khổng Tử) đến xem trị giúp, người nhà hứa sẽ chia hai gia sản, nếu chữa hết...

Ông thầy nói: “Bệnh quên này, dầu cùng kiến, thuốc men, cũng không sao chữa được. Vậy thì ta, thử hoá cả tâm tính, may ra có thể cứu được chăng? Bằng không được, thì ta phải chịu phép.

Nói xong ông Thầy, thấy người bệnh biết xin áo khi trần mình, xin cơm cháo lúc bụng đói, xin đem ra sáng lúc ở trong tối... Ông nói: “Bệnh này cứu được, nhưng phương pháp ta rất mật nhiệm, không truyền cho ai được...”

Ông bèn đóng cửa kín lại, để người bệnh và ông trong một phòng mà thôi. Không biết ông làm gì, mà bảy ngày sau, cái bệnh lâu ngày kia, lại tức khắc khỏi ngay. Lạ thay! Khi người bệnh tỉnh trí như thường, thì nổi cơn giận dữ, rầy mắng người nha, lại cầm dao đuổi theo ông Thầy...Người ta bắt lại, hỏi vì sao giận dữ như thế, thì người bệnh kia nói: “Hỡi ôi! Lúc trước ta khoan khoái vui sướng là thế nào! Trời Đất có, hay không, ta cũng không cần biết. Bây giờ ta phải ký chú trong trí nhớ nào những điều đã qua vài mươi năm về trước, nào những việc đặng, việc thất; việc buồn, việc vui; việc thương, việc ghét...lại còn phải lo lắng sự sẽ đến sau này. Ta chửi e từ đây, có muốn được một phút vô tâm lạc thú ấy thì liệu phải làm thế nào cho được nữa. Tử Cống nghe câu chuyện ấy, hỏi nghĩa nơi Đức Phu Tử. Ngài nói: “Người hiểu sao nổi; Hỡi, nó có thể hiểu mà thôi”. (Liệt Tử)

Lời bàn: Người mắc bệnh quên đây, là ám chỉ bực Chân nhân đã diệt Bản ngã siêu hình rồi, nghĩa là đã đến chỗ cùng tột của sự Giải thoát. (Xem bài Bản Ngã siêu hình)

Đây cũng là cái nghĩa của câu: “Thĩ hồ thích nhi vị thường bất thích giả, vong thích chi thích giả, của Trang Châu. Ngài cho rằng làm mà còn hay mình làm, cái làm ấy chưa toàn. Hữu đức mà không dè mình hữu đức mới thật là hữu đức. Cái Toàn Thiện chỉ ở trong chỗ Vô Tâm vậy.”

Thật vậy, bực Chân Nhân, là kẻ đã sống thuận với Đạo, nên làm mà vô tâm, như ngũ tạng ta lúc mạnh, nó vẫn linh hoạt mà ta không dè nó có. Đến khi có một tạng nào sống không thuận, nghĩa là sống không đồng nhịp với cái sống chung của Toàn thể: bấy giờ ta mới hay nó là Có. Tạng phủ nào không sống thuận với cái sống chung của toàn thể châu thân, ta mới hay nó là Có. Sự đau đớn, tức là cái khổ hạo cho ta biết rằng, ta đã làm trái với lẽ tự nhiên (thiên nhiên) rồi vậy. Về sự ta đối với Đạo cũng thế. Nếu ta sống đặng trong Chân tính nghĩa là sống đặng thuận với Đạo, thì ta không hay rằng mình là Có. Đến khi thấy mình là Có, đó là cái triệu chứng rằng ta đã sống nghịch với Đạo, đó là ta khởi đầu có cái đau khổ vậy.

Bây giờ ta muốn trở lại sống trong chỗ Vô Tâm, thì phải sống hoà làm một lại với Đạo, thuận theo lẽ Trời. (Xem chương Lẽ Trời). Được vậy, muốn biết có mình, cũng không thể muốn được. Tuy rằng cái Ta đây Có đó thật, nhưng ta bây giờ cũng không cần biết đến nó Có hay không có mà làm gì...

Trời đất có cùng không ta cũng chẳng quản...

Nếu đang sống trong cái Thường tại của bản tánh thì những trạng thái biến đổi tạm thời kia có gì phải quan tâm...Đã là tạm thời mà nói Thị nói Phi, thì cảnh qua, Thị, Phi, cũng vì đó mà mất nghĩa, có gì phải kỳ chú vào trí nhớ. Cho nên Chân Nhân sống trong cảnh, làm mà không mắc trong cái làm. Đến khi, bắt buộc phải kêu cái này là phải, gọi cái kia là quấy, ép mình phải nhận những trạng thái tạm thời kia là thật, phân biệt trắng đen, đem mình nắn theo hoàn cảnh...thời mới có khổ sanh ra vậy.

~0~0~0~0~0~0~0~

TRÍCH DỊCH MỘT ĐOẠN TRONG QUYỂN “INITIATIONS LAMAIQUES”

Đắc đến bực vô vi, rồi, chân nhân bây giờ mới biết ta có đây, chẳng phải Có để hành động (theo một mục đích chi chi) mà Có là vì Có (không thể không vậy cho đặng)

Cắt nghĩa bao nhiêu cũng không rõ bằng lấy cái chỗ tương tự sau này mà nói, ta sẽ hiểu đặng cái ý tưởng của các bực chân nhân ấy.

Một vị Chân nhân nói với tôi rằng: “Thái dương có làm việc hay chẳng?” Thái dương nào có nghĩ rằng: “Ta sẽ phóng xạ điện quang ta cho người này, cho nó ấm, cho đồng ruộng kia cho lúa nở, cho xứ nọ cho nhân dân đó hưởng đặng Yên sáng đâu?” Mà bởi vì nó là Thái dương, bản tánh nó là Nóng và Sáng, nên nó phải soi, nó phải truyền sự sống ấm áp cho cả loài vật”.

Nói về bực Tchangtchou Semspa, một nhân vật rất cao trọng, toàn trí, toàn đức, toàn nhan, cũng một thể. Bởi cái tự tánh của người rất mẫn tuệ, cái thần năng của người rất nhân ái, nên tự nhiên phải phát lộ ra để bao bọc, soi sáng hết mọi vật, từ những bực Tiên Thánh ở tốt cõi trên, đến những hạng cùng dân khốn nạn bị đoạ lạc dưới cõi diêm phù...

Cái điều kiện tối yếu để lên tới bực cao siêu ấy, là phải tận diệt Bản ngã trong cả phương diện...Bởi thế mới có nói rằng: “Niết bàn tức là chỗ tuyệt diệt của ý muốn”(ý muốn đây là muốn nói về cái hành vi còn mong kết quả, cái hành vi còn chủ động tức là cái hành vi hữu ý trái nghịch với hành động vô vi. Bởi thế mới dịch là Ý Muốn, không dịch theo nghĩa thường là Tình dục đặng. Độc giả phải để ý rằng chữ hữu ý dụng trên đây không giống chữ hữu vi của phần nhiều hay dùng chút nào cả. Người ta thường đem chữ hữu vi để dụng vào một nghĩa rất thô. Không đúng với cái nghĩa muốn dùng ở đây.)

Con đường đi tới đây chưa phải là cùng. Nhưng mà bực naldiorpa, bấy giờ có thể lên tận trên chót vót những lẽ huyền bí siêu hình của cái Tâm. Kỷ luật, quy tắc, nghi lễ...không

còn nghĩa lý gì đối với họ nữa. Chỉ còn có một sự Thiên định, mà họ thường sánh với một sự lưu linh thả rong rất phóng khoáng tự do trên những đỉnh núi tuyết vời, đượm nhuần một màu không khí rất êm đềm, mát mẻ và thanh trong...

Trên những cõi mênh mông cao địa của Tinh thần, mà ta vẫn thấy đặng có cái bóng rất thô trong những cảnh tịch mịch thanh phong của dãy Tuyết Sơn, bấy giờ cái lối đường mòn đã bật dấu...Ta không còn thể theo hỏi, trông đặng các bậc chân nhân đã hoàn toàn giải thoát, đã thấy đặng chỗ tự do tuyệt đích của cảnh Niết Bàn rồi...

Có khác nào cái dấu con chim bay giữa trời xanh mây bạc, con đường của họ bây giờ thật rất khó lòng mà tìm trông cho thấy vết bóng nữa.

~0~0~0~0~0~0~0~

CHÂN NHÂN

Chân nhân, theo quan niệm Toàn chân, không phải là một bậc phi thường, một bậc siêu nhân. Chân nhân là người có sống đặng trong cái sống tự nhiên, trong cái sống của chân thể mình vậy. Khác chân nhân, là những người chưa có sống. Bởi thế Toàn chân không phân biệt nhiều người...giai cấp, cao thấp gì cả...chỉ thấy có Người mà thôi. Nhưng người có hai lúc, lúc chưa sống và lúc sống, mà chân nhân là người có sống. Thế thì phần đông con người chưa có ai sống cả hay sao? Và ta phải làm cách nào để phân biệt chân nhân với người? Tự Động là có sống, Bị Động là chưa có sống.

Phần đông con người nói thương, nhưng có ai thương thật chẳng? Ta thương người này, là bởi họ đồng ý với ta, hoặc bởi họ thương ta. Nếu họ không thương ta nữa, hoặc không đồng ý với ta nữa, liệu ta có còn thương họ được nữa chẳng? Cái gì làm cho ta thoát thương, thoát ghét đó? Cái thương của ta là bị động, chứ không phải tự động mà có, ta có thể gọi nó là có thật chẳng? Có thật đây, là có một cách tự bản tự căn. Một lẽ bất thường do nơi ngoại cảnh biến đổi, còn được kêu là một lẽ thật chẳng? Thế thì sao lại còn được gọi là thương? Người chưa có thương chưa có ghét, thời chưa gọi là có sống. Vậy người chưa có sống, làm sao biết có sướng khổ mà bàn mãi về sự sướng khổ? Chỉ có người có sống mới biết có sự sướng khổ, hay không mà thôi. Nhưng người có sống, lại không bao giờ thấy có sướng khổ, cho nên không nhận cho đời là có sướng khổ vậy, cái sướng do nơi khổ mà có đó. Nó chỉ có là đối với những ai chưa có sống, họ nhận lầm mà thôi.

Có kẻ sẽ nói rằng, nếu không có hoàn cảnh hiện ra trước mắt thì lấy gì có ý tưởng thương, ghét? Vậy gọi tự động thì không trúng, vì xưa nay có ai thương mà không có một chủ quan một khách quan chẳng? Nói thế đúng lắm, nhưng đúng với kẻ còn sống trong cái quan niệm tương quan, hiểu nghĩa chữ thương ấy theo sự thương ghét của lẽ thường, thương là vì có chỗ vừa ý, tất nhiên chỗ không vừa ý nữa là ghét ngay. Cái thương ấy, sở dĩ có cái ghét liền bên, bất thường như thế làm cho người phải vì cái thương mà khổ, là tại nó do nơi một chủ động nào để làm cốt cho sự thương ấy. Lẽ cố nhiên là cái cốt ấy không còn, thì sự thương ấy không thể tồn tại nữa đặng. Lấy một cái chủ động nào để làm cốt cho sự thương, Toàn chân gọi đó là Bị Động vậy. Hễ lấy một cái chủ động chi chi làm cốt cho tình cảm, thì đó tức là mong cho hành vi mình có kết quả. Mà hễ mong có kết quả thì đó là ta tạo ra cái khổ rồi vậy. Thế là nghĩa gì? Trong lúc ta làm, để mong một kết quả chi chi, thì ta không thể yên vui đặng, vì cái kết quả đó chưa tới. Đó đã đành. Nhưng đến khi đạt được mục đích ấy rồi, thì lại sẽ lo sợ cho nó mất đi chẳng, thế thì sự yên vui cũng là tạm thời chớ chưa phải là chắc chắn, đừng nói chi không đạt được mục đích, cái khổ về sự thất vọng lại càng giết người ta mau chóng nữa kia. Có phải đó là hành vi tạo Khổ chẳng? Cái sự Thương của chân nhân rất khác xa...Cái thương ấy nó vô tâm mà bao trùm, phảng phất như mùi hương của hoa nở bay ra, không riêng gì cho ai,..ai biết thì biết, ai không biết cũng không bận gì đến lòng đặng. Cho nên ta không thể hiểu chữ thương ấy theo cái nghĩa chữ thương theo phần nhiều người ta đã hiểu xưa nay.

Chân nhân của Toàn chân quan niệm là thế, không gì là khó khăn, không gì là huyền bí cả...(Xem Toàn Chân pháp luận chương Chân nhân và Xã hội)

~0~0~0~0~0~0~0~

Toàn chân không phải bảo ta chớ lo đời...Đã là một phần tử trong một toàn thể thì làm sao mỗi hành động ta lại không có ảnh hưởng ít nhiều đối với đời? Dầu ta có muốn tách riêng với đời cũng không thể đặng...Cách Toàn chân hiểu sự lo đời rất khác xưa nay con người phần nhiều đã hiểu. Xã hội hiện thời sở dĩ rối loạn là do nơi chúng ta làm lạc về sự đem cá nhân chủ nghĩa xen vào chỗ không nên xen vào. Về mặt tư tưởng thì con người thích làm con chiên con rất dễ ăn dễ dạy. Về mặt mưu đồ vấn đề, vật chất, ăn mặc, thì con người trái lại, đem chủ nghĩa cá nhân vào đó mà thi hành. Ta phải hiệp đoàn để làm việc, trái lại ta phải đứng riêng một mình để tầm chân lý. Nếu ta biết đem quan niệm này mà thực hành trong những hành động ta hằng ngày, thì mới trông dứt đặng cái nguồn lợi dụng, tức là sự ích

kỷ và tham lam. Bây giờ ta mới mong diệt đặng những nỗi mây mù, làm cho ta lạc lằm không phân biệt đặng sự TỰ TU TỰ NGỘ trong đường tư tưởng và sự HIỆP ĐOÀN trong con đường hành động.

Bởi con người hiểu lằm, không phân biệt hai lẽ nói trên đây, mà bên tư tưởng giới...con người cam chịu làm con nộm, mặc tình ai sai sử thể nào cũng đặng, cam chịu làm một đoàn chiên con rất dễ dạy, rất phục tùng...các bực tự xưng là hướng đạo, tự xưng là giữ độc quyền chân lý. Trái lại, về phần mưu đồ sự yên ổn vật chất, về những vấn đề ăn mặc...thì con người lại đem cái chủ nghĩa cá nhân ra mà thờ, khiến cho con người về phương diện này lại hoá ra như sói, như hùm,...chỉ cứ lo thân trừ riêng cho mình, không quan thiết gì đến ai cả. Thế nên về mặt tư tưởng, ta thấy biến sanh ra biết bao nhiêu TÔN GIÁO TỔ CHỨC rất có trật tự, rất có quy tắc, trong đấy tạo ra một hạng người mẫu, rất buồn chán...còn về mặt vật chất thì lại sanh biết bao nhiêu cá nhân rất khác biệt nhau, không một ai cũng chịu hưởng chung quyền lợi với nhau, tạo ra biết bao nhiêu điều thống khổ về sự tham lam lợi dụng tàn bạo...Sự hiểu biết của Toàn chân (Toàn Chân, là Bảo Toàn Thiên Chân hay là Chân thể. Các độc giả chớ lằm lộn nó với cái nghĩa của các đạo sĩ xưa đã lạm dụng...như họ đã lạm dụng chữ Đạo, Đức của Lão Tử vậy. Nghĩ rằng chữ dùng bên Đạo, thường bị người sau không hiểu đến cái nghĩa chánh của nó, hoặc lấy theo ý riêng mà hiểu nên chỉ càng lâu đời chừng nào, nó lại càng biến thiên cái nguyên ý của nó chừng ấy. Bất đắc dĩ mới mượn chữ ấy để miêu tả ý riêng của mình, vậy muốn khỏi sự hiểu lằm cho độc giả, mỗi chữ tác giả đều có giải thích cả. Độc giả nên hiểu chữ ấy theo định nghĩa của tác giả. Dầu cái chánh nghĩa của nó không thật phải như thế, độc giả cũng nên biết cho sự hiểu của tác giả chỉ ở trong chỗ định nghĩa ấy...mà thôi. Xin các độc giả biết cho.) về sự lo đời có chỗ phân biệt như thế...Bởi vậy, Toàn chân rất cực lực phản đối kẻ mong nhờ cậy con người về đường tư tưởng, đem những lý thuyết tự mình đã gọi là hay, là phải mà ép buộc, rủ quên kẻ khác phải nghe theo, làm cho mai một cái sống tự nhiên của tinh thần con người đi...

Toàn chân sở dĩ nói, chớ lo đời, là bảo chớ vội vàng đem nhân loại bỏ vào cái khuôn tư tưởng sẵn của một cá nhân nào, (xem chương Tế Độ Quân Sinh). Một cái Xã hội Tổ chức về vấn đề nhu cầu vật chất, với một cái Xã hội Tổ chức về Tư tưởng...rất khác nhau xa, học gì nên biết phân hai lẽ ấy...không vậy thì thật khó lòng mà hiểu đặng cái nguyên ý của tác giả.

Tuy nhiên, con người có quyền tự do của cá nhân, đem tư tưởng mình ra trình bày với đời, song phải biết cho đó là để giúp làm tài liệu cho người, ai thuận thì nghe, ai không thuận

thì thôi, chớ ta không quyền bảo tư tưởng của ta là đúng, một cách tuyệt đối, nghĩa là phải chung cho cả loài người, và mong đem nó nhồi sọ công chúng, tự lập ra một tôn giáo để đàn áp tư tưởng kẻ khác..(Xem quyển TOÀN CHÂN PHÁP LUẬN đang in).

SÁCH ĐÃ IN

TRƯỜNG LẠC CA (N.V.T)

SÁCH ĐANG IN

TOÀN CHÂN PHÁP LUẬN (N.d.C)

SÁCH SẼ IN

CHUNG QUANH QUYỀN TOÀN CHÂN

PHÁP VĂN TOÁT YẾU (N.V.T)

TRANG TỬ (N.V.T)

THỂ TƯỚNG LUẬN (N.d.C)

MÓN ĂN NÊN THUỐC (Thực trị bản thảo) – Lê văn Tịnh

SÁCH ĐANG SOẠN

Chẩn đoán bệnh học (N.d.C)

I. Diện

II. Thủ

III. Nhãn

Y Học tự nhiên (N.d.C)